

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

DỰ THẢO



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Bình Thuận, tháng 06 năm 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG
(Giai đoạn: 2020-2024)

**(Theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/03/2016 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo ban hành về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
các trình độ của giáo dục đại học)**

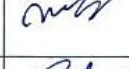
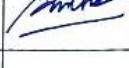
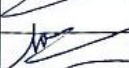
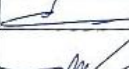
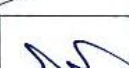
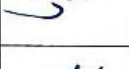
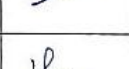
Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Phan Thiết và sử dụng phục vụ
hoạt động đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Trường.

Bình Thuận, tháng 6 năm 2025

Danh sách thành viên Hội đồng Tự đánh giá:

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LOGISTICS VÀ
QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

(Kèm theo Quyết định số 72 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Đinh Phi Hồ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch	
3	TS. Hoàng Thanh Liêm	Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD)	Phó Chủ tịch	
4	ThS. Võ Thị An Nhi	Phó Trưởng Khoa QTKD	Thành viên	
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên- Thư ký	
6	ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Phó trưởng bộ môn, Khoa QTKD	Thành viên	
7	ThS. Lâm Ngọc Diệp	Giảng viên Khoa QTKD	Thành viên	
8	ThS. Nguyễn Xuân Viễn	Giảng viên Khoa QTKD	Thành viên	
9	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên	
10	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên	
11	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên	
12	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên	
13	Hồ Phạm Minh Thuận	Đại diện Sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Thành viên	

(Danh sách gồm có 13 người).

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Phần I. KHÁI QUÁT	5
1. Đặt vấn đề	5
2. Tổng quan chung	9
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ	11
Tiêu chuẩn 1	11
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	14
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	21
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	23
Tiêu chuẩn 2	24
Mở đầu	24
Tiêu chí 2.1	25
Tiêu chí 2.2	27
Tiêu chí 2.3	29
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	32
Tiêu chuẩn 3	32
Mở đầu	32
Tiêu chí 3.1	33
Tiêu chí 3.2	37
Tiêu chí 3.3	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	46
Tiêu chuẩn 4	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 4.1	47
Tiêu chí 4.2	50
Tiêu chí 4.3	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	55
Tiêu chuẩn 5	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 5.1	56
Tiêu chí 5.2	60
Tiêu chí 5.3	63
Tiêu chí 5.4	65
Tiêu chí 5.5	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	69
Tiêu chuẩn 6	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 6.1	71
Tiêu chí 6.2	73
Tiêu chí 6.3	77
Tiêu chí 6.4	79

NỘI DUNG	Trang
Tiêu chí 6.5	81
Tiêu chí 6.6	84
Tiêu chí 6.7	86
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 6</i>	89
Tiêu chuẩn 7	90
Mở đầu	90
Tiêu chí 7.1	90
Tiêu chí 7.2	93
Tiêu chí 7.3	96
Tiêu chí 7.4	98
Tiêu chí 7.5	101
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 7</i>	104
Tiêu chuẩn 8	105
Mở đầu	105
Tiêu chí 8.1	106
Tiêu chí 8.2	109
Tiêu chí 8.3	112
Tiêu chí 8.4	119
Tiêu chí 8.5	121
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 8</i>	124
Tiêu chuẩn 9	125
Mở đầu	125
Tiêu chí 9.1	125
Tiêu chí 9.2	128
Tiêu chí 9.3	131
Tiêu chí 9.4	133
Tiêu chí 9.5	136
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 9</i>	138
Tiêu chuẩn 10	139
Mở đầu	139
Tiêu chí 10.1	139
Tiêu chí 10.2	142
Tiêu chí 10.3	144
Tiêu chí 10.4	146
Tiêu chí 10.5	149
Tiêu chí 10.6	152
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 10</i>	156
Tiêu chuẩn 11	157
Mở đầu	157
Tiêu chí 11.1	157
Tiêu chí 11.2	162
Tiêu chí 11.3	165
Tiêu chí 11.4	169
Tiêu chí 11.5	173
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	176

NỘI DUNG	Trang
Phần III. KẾT LUẬN	177
1. Tóm tắt những điểm mạnh	177
2. Tóm tắt những điểm tồn tại	181
3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến	183
4. Tổng hợp kết quả TĐG	187
Phần IV. PHỤ LỤC	190

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu viết tắt	Ý nghĩa thay thế
1	BGH	Ban Giám hiệu
2	BLQ	Bên liên quan
3	CBGVNV	Cán bộ, giảng viên, nhân viên
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CĐR	Chuẩn đầu ra
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CSVC	Cơ sở vật chất
8	CTDH	Chương trình dạy học
9	CTĐT	Chương trình đào tạo
10	ĐCHP	Đề cương chi tiết học phần
11	ĐH	Đại học
12	GDDH	Giáo dục đại học
13	GDDT	Giáo dục và Đào tạo
14	GV	Giảng viên
15	HĐKH-ĐT	Hội đồng Khoa học và Đào tạo
16	KTĐG	Kiểm tra đánh giá
17	KTX	Ký túc xá
18	Log&QLCCU	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
19	NCKH	Nghiên cứu khoa học
20	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
21	P. CTCTSV&HTDN	Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp
22	GS, PGS	Giáo sư, Phó giáo sư
23	P.KH-TC	Phòng Kế hoạch - Tài chính
24	P. KT-ĐBCL-TT&PC	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế
25	PPDH	Phương pháp dạy học
26	P. QLKH&HTQT	Phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế
27	P. TC-HC	Phòng Tổ chức - Hành chính
28	PVCD	Phục vụ cộng đồng
29	P. QLĐT	Quản lý đào tạo
30	QTKD	Quản trị kinh doanh
31	ThS	Thạc sĩ
32	TKB	Thời khoá biểu
33	TĐG	Tự đánh giá
34	THPT	Trung học phổ thông
35	TTTT&QTM	Thông tin truyền thông và quản trị mạng
36	SV	Sinh viên
37	UPT	University of Phan Thiết – Tên giao dịch viết tắt của Trường Đại học Phan Thiết

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

a) Tóm tắt báo cáo tự đánh giá CTĐT

Khoa QTKD tiến hành tự đánh giá chất lượng CTĐT cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Log&QLCCU) theo Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT. Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Log&QLCCU thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Cục quản lý chất lượng về tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT là công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và công văn 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Log&QLCCU bao gồm 04 phần.

Phần I. Khái quát: Là phần tóm tắt cấu trúc, nội dung chính của báo cáo tự đánh giá, mục đích, quy trình, phương pháp và công cụ đánh giá và mô tả ngắn gọn về UPT và Khoa QTKD.

Phần II. Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí: Gồm 50 tiêu chí/11 tiêu chuẩn theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Mỗi tiêu chuẩn được trình bày đầy đủ theo cấu trúc nội dung như sau:

Tiêu chuẩn...

Mở đầu:...

Tiêu chí.....: Mỗi tiêu chí được trình bày theo 5 nội dung:

1. *Mô tả hiện trạng:*...

2. *Điểm mạnh:*...

3. *Điểm tồn tại:*...

4. *Kế hoạch hành động:*...

5. *Tự đánh giá:*...

Kết luận về tiêu chuẩn

Phần III. Kết luận: Là phần tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại, kế hoạch hành động cải tiến chất lượng CTĐT, tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT.

Phần IV. Phụ lục: Gồm cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng của CTĐT, Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Kế hoạch TĐG, Danh mục minh chứng.

Báo cáo TĐG CTĐT ngành Log&QLCCU có Danh mục minh chứng đi kèm, được để riêng ở một phụ lục. Trong Danh mục minh chứng, các tiêu chí/ tiêu chuẩn đều có một hệ thống minh chứng đi kèm. Cách mã hóa thông tin, minh chứng trong Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Log&QLCCU như sau:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi gồm 11 ký tự: theo công thức sau: ***Hn.ab.cd.ef***. Trong đó:

H: viết tắt của “Hộp minh chứng”

n: số thứ tự của Hộp minh chứng (có giá trị từ 1 đến 11)

ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)

cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 của các tiêu chuẩn viết 01).

ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí gồm 2 chữ số.

Ví dụ: **[H1.01.01.02]** - Minh chứng thứ 02 của tiêu chí 1, thuộc tiêu chuẩn 1, ở hộp 1.

Trong file Danh mục minh chứng của Báo cáo TĐG CTĐT Log&QLCCU có đính kèm đường link Hồ sơ minh chứng online Log&QLCCU. Trong đó, mỗi tiêu chuẩn được tổ chức thành một tệp, bên trong tệp Tiêu chuẩn có các tệp Tiêu chí, trong mỗi tệp Tiêu chí có các tệp hoặc file minh chứng riêng, được đặt tên theo đúng Mã minh chứng trong Danh mục minh chứng.

b) Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá

- Mục đích tự đánh giá

Giúp Khoa QTKD tự xem xét, nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GDĐT ban hành, tự rà soát mọi hoạt động, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện CTĐT, các yếu tố tác động đến chất lượng đào tạo cử nhân Log&QLCCU của Khoa. Trong quá trình tự xem xét, đánh giá, Khoa nhận định được những điểm mạnh và phát hiện được điểm tồn tại, từ đó đưa ra kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT cử nhân Log&QLCCU, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan. Đây cũng là cơ sở để Khoa đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu

chuẩn chất lượng CTĐT cử nhân Log&QLCCU. Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD đối với Nhà trường, với xã hội và các bên liên quan.

- Quy trình tự đánh giá CTĐT

Quy trình tự đánh giá được thực hiện theo các bước chính sau:

- + Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá;
- + Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá;
- + Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. Phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- + Bước 4: Viết báo cáo tự đánh giá;
- + Bước 5: Công bố nội bộ dự thảo BCTĐG và tiếp tục hoàn thiện BCTĐG;
- + Bước 6: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá như: Lưu trữ và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động cải tiến chất lượng trong Báo cáo tự đánh giá; Báo cáo Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT;

Và tiếp tục đăng ký đánh giá ngoài để kiểm định chất lượng CTĐT theo chỉ đạo của lãnh đạo Trường.

- Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 và theo hướng dẫn của công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019; các tài liệu quy định và hướng dẫn khác như Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013; Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục quản lý chất lượng và công văn 774 /QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD.

- Phương pháp và quá trình tổ chức triển khai tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học ngành Log&QLCCU được thành lập gồm có 13 thành viên (*gồm đại diện BGH, lãnh đạo và giảng viên Khoa QTKD, đại diện các phòng ban, đoàn thể và đại diện sinh viên ngành Kế toán*). Giúp việc cho Hội đồng

TĐG là Ban thư ký gồm 17 thành viên (*gồm GVCBNV của Khoa QTKD, một số CBNV Phòng QLĐT, Phòng TC-HC, Phòng KH-TC, Phòng CTCTSV&HTDN, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng QLKH&HTQT,...*) được tổ chức thành 4 nhóm chuyên trách tham gia chính vào quá trình viết báo cáo TĐG. Báo cáo TĐG các phiên bản luôn được thông qua ý kiến của Hội đồng TĐG, các bên liên quan trong Trường, phiên bản cuối được công khai đến các bên liên quan, người học của Trường góp ý.

+ Nhóm 1: phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3 (về mục tiêu, CĐR, bản mô tả, cấu trúc và nội dung CTĐT) do ThS. Võ Thị An Nhi – Phó Trưởng khoa làm Trưởng nhóm; có sự tham gia của Phó trưởng phòng QLĐT;

+ Nhóm 2: phụ trách các tiêu chuẩn 4, 5, 10 (về phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đánh giá KQHT của người học, nâng cao chất lượng) do ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt – Phó Trưởng bộ môn làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC;

+ Nhóm 3: phụ trách các tiêu chuẩn 6, 7, 9 (Đội ngũ GV, nghiên cứu viên, đội ngũ nhân viên, CSVN và trang thiết bị) do ThS. Lâm Ngọc Điệp – GV Khoa QTKD làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng TC-HC, thư viện, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT;

+ Nhóm 4: phụ trách các tiêu chuẩn 8, 11 (Người học và hoạt động hỗ trợ người học, kết quả đầu ra) do ThS. Nguyễn Xuân Viễn – GV Khoa QTKD làm Trưởng nhóm; có sự tham gia hỗ trợ của nhân viên Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC; Phòng CTCTSV&HTDN;

Khoa QTKD đã lập kế hoạch chi tiết để tổ chức đánh giá CTĐT ngành Log&QLCCU, tiến hành họp toàn Khoa và các thành viên các nhóm chuyên trách để phổ biến kế hoạch và phân công công việc cụ thể như: Phân công thư ký phụ trách đầu mối tập hợp tình hình thực hiện của các nhóm, mỗi nhóm phân công cá nhân phụ trách chính mỗi tiêu chuẩn; Phân tích tìm hiểu tiêu chí; các thành viên hỗ trợ thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn; sau đó Lãnh đạo Khoa rà soát lại và viết dự thảo báo cáo tổng hợp để Hội đồng tự đánh giá có ý kiến và phê duyệt dự thảo báo cáo và triển khai các bước tiếp theo. Quá trình tự đánh giá CTĐT ngành Log&QLCCU được thực hiện từ tháng 02/2025 đến tháng 6/2025. Báo cáo sẽ tiếp tục

được cập nhật, bổ sung sau khi thẩm định để đăng ký đánh giá ngoài CTĐT cử nhân ngành Log&QLCCU’.

2. Tổng quan chung

2.1. Giới thiệu về Trường Đại học Phan Thiết (UPT)

Trường Đại học Phan Thiết được thành lập theo Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ và được giao nhiệm vụ đào tạo đa ngành và đa trình độ nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo cho vùng Nam trung bộ nói riêng và cả nước nói chung. Trường Đại học Phan Thiết (tên tiếng Anh là University of Phan Thiet, tên giao dịch viết tắt là UPT) là trường đại học duy nhất hiện nay của tỉnh Bình Thuận, có diện tích đất hiện nay là 119.875,9 m², tại khu phố 5, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Website: <http://www.upt.edu.vn>.

Sứ mạng:

Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước. Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước.

Tầm nhìn:

UPT phấn đấu đến năm 2030 trở thành đại học có uy tín, chất lượng và sáng tạo; được kiểm định chất lượng quốc gia và khu vực; có mạng lưới quan hệ hợp tác rộng rãi, đa ngành trong nước và quốc tế.

Giá trị cốt lõi:

Giá trị cốt lõi của Trường là: "Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững".

Mục tiêu:

Trường xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp với triết lý giáo dục “Thực học - Thực nghiệp - Học suốt đời để làm việc suốt đời”, đa dạng các lĩnh vực đào tạo. Mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 của Trường với các

nội dung chính là: Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và đào tạo, mở thêm đa dạng các ngành học mới hệ đại học và thạc sĩ, phấn đấu mở được ngành đào tạo tiến sĩ; tăng quy mô đào tạo; kết hợp phương thức đào tạo Elearning; Đẩy mạnh NCKH trong GV và SV: 100% GV cơ hữu tham gia NCKH, đảm bảo mỗi GV có ít nhất 2 bài báo trong 1 năm học, các sản phẩm về KHCN có khả năng ứng dụng và triển khai, có hiệu quả về mặt kinh tế-xã hội, xây dựng và phát triển tạp chí khoa học của Trường; Có các đối tác hợp tác lâu dài ở địa phương, trong và ngoài nước; Xây dựng và phát triển được đội ngũ CBGVNV có năng lực và trình độ cao; Có hệ thống CSVC, kỹ thuật đồng bộ và hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH; Các nguồn lực tài chính được phát triển trên cơ sở tự chủ tài chính, đảm bảo để thực hiện các mục tiêu chiến lược đề ra.

Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, UPT hiện nay đang có 9 Khoa chuyên môn, tổ chức đào tạo tổng cộng 15 ngành ở trình độ đại học gồm đa dạng các lĩnh vực như: Nhân văn, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Máy tính và công nghệ thông tin, Kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Sức khỏe, Du lịch, khách sạn; và 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ là Quản trị kinh doanh, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế; Quy mô đào tạo là tính đến tháng 6/2025 là 2217 SV và 91 HV; Đội ngũ GV cơ hữu có 195 người, trong đó có 6,1% GS, PGS; 23,03% TS; 63,08% ThS; 7,84% ĐH; Đã xuất bản được Tạp chí khoa học UPT; đã phát triển được các đối tác hợp tác quốc tế; có mạng lưới hợp tác hơn 100 doanh nghiệp, nhà tuyển dụng lao động; Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp đạt trên 90%, tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với SV tốt nghiệp làm việc tại đơn vị đạt trên 85%.

Các chính sách và hoạt động bảo đảm chất lượng

UPT cam kết kiểm soát chặt chẽ hệ thống ĐBCL bên trong, thường xuyên rà soát và cải tiến mọi mặt hoạt động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt và ngày càng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan, cụ thể:

- Chú trọng xây dựng và phát triển đội ngũ GV, cán bộ quản lý và cán bộ hành chính có đủ số lượng, trình độ, phẩm chất và năng lực theo quy định của Nhà nước và đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội: Hằng năm, Phòng TC-HC hướng dẫn các đơn vị làm báo cáo rà soát, đánh giá tình hình và nhu cầu về tuyển dụng và bồi dưỡng đào tạo nhân sự. Nhà Trường vẫn đang tăng cường tuyển dụng

và tạo điều kiện để CBGVNV tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, các hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước;

- Đào tạo đáp ứng CDR theo Quy định của Bộ GDĐT, của Nhà trường và yêu cầu của các bên liên quan, nhất là Nhà tuyển dụng: Nhà trường định kỳ rà soát, cập nhật yêu cầu của nhà tuyển dụng và cập nhật các quy định của Bộ GDĐT để xây dựng các CDR và nội dung các CTĐT theo hướng tăng thực hành, thực tế và ngày càng đáp ứng hơn yêu cầu của các bên liên quan; Nhà trường tổ chức cập nhật CTĐT định kỳ 2 năm/1 lần một cách hệ thống. Các CTĐT từ khóa 2019 rút ngắn thời gian đào tạo còn 3,5 năm. Bộ CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng phù hợp với Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT, có sự tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nước và nước ngoài, lấy ý kiến từ các bên liên quan, đặc biệt là nhà sử dụng lao động, cựu người học, người học và giảng viên.

- Lấy người học làm trung tâm, luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình: Trường tổ chức Hội nghị dạy tốt – Học tốt định kỳ hằng năm cho GV và SV; GV thường xuyên cải tiến, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực chuyên môn và các kỹ năng của người học;

- Đầu tư đảm bảo CSVC, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy – học và quản lý đào tạo hướng đến tiếp cận và thích ứng với cuộc cách mạng công nghệ 4.0, tiếp cận với giáo dục khu vực và thế giới;

- Đẩy mạnh các hoạt động NCKH, PVCD trong SV và GV, trong đó GV là lực lượng nòng cốt: Nhà trường đang tích cực đẩy mạnh hoạt động NCKH như tăng cường kinh phí, cải tiến quy định về hoạt động NCKH cho GV và SV, với những chỉ tiêu cụ thể được giao, đồng thời có cơ chế giám sát và thúc đẩy, khuyến khích GV, SV tham gia NCKH;

- Tăng cường ký kết hợp tác với các đối tác là các cơ sở giáo dục, tổ chức đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức NCKH trong và ngoài nước;

- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan đối với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường để không ngừng cải tiến chất lượng;

- Phát triển văn hóa chất lượng, xây dựng ý thức kỷ luật, tinh thần tập thể, phát huy

tiềm năng và sự cống hiến của mọi cá nhân, đơn vị thuộc Trường;

- Thực hiện tự đánh giá và KĐCLGD cấp Trường và cấp CTĐT định kỳ: UPT đã đạt kiểm định chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành 2 chu kỳ, lần 1 năm 2019 và lần 2 vào ngày 10/01/2025 do Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội công nhận; Đã đạt kiểm định chất lượng 8 CTĐT theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành vào năm 2021-2022 (*các CTĐT trình độ đại học Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh, Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành, Tài chính – Ngân hàng, Luật kinh tế, và CTĐT trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh*) do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

2.2. Giới thiệu về Khoa Quản trị kinh doanh

Được thành lập theo quyết định số 07/QĐ-ĐHPT ngày 21/5/2009 của Hội đồng quản trị Trường Đại học Phan Thiết, Khoa QTKD hiện đang đào tạo 04 ngành bao gồm 03 ngành trình độ đại học (QTKD, Truyền thông đa phương tiện, Log&QLCCU) và 01 thạc sĩ ngành QTKD và tiếp tục phát triển các CTĐT. Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến tháng 6/2025 có 25 CBGV cơ hữu, trong đó có 6 PGS, 7 Tiến sĩ, 12 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực kinh doanh, truyền thông và Logistics tại TP. HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa.

Khoa QTKD thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách như:

- Rà soát, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân lực của Khoa hằng năm, đảm bảo đáp ứng số lượng và chất lượng GV giảng dạy các CTĐT và đội ngũ cán bộ quản lý, CVHT hỗ trợ người học; Tạo điều kiện để CBGVNV của Khoa tham gia các khóa học nâng cao trình độ và các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ;

- Định kỳ rà soát, cập nhật, phát triển các CTĐT của Khoa quản lý theo kế hoạch chung của Trường; chú trọng tham khảo các yêu cầu của các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng để xây dựng các CTĐT theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, cập nhật các

kiến thức mới trong lĩnh vực QTKD, truyền thông đa phương tiện, Logistics; CTĐT cử nhân Log&QLCCU được xây dựng, vận hành từ năm 2020, đã qua các lần cập nhật CTĐT năm 2021, 2022 và 2024. CTĐT từ năm 2022 áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 được Nhà trường xây dựng đáp ứng theo Thông tư số 17/2021/TT- BGDDT;

- Tổ chức các chương trình sinh hoạt học thuật của Khoa, tham gia chương trình Dạy tốt – Học tốt của Trường, giúp cho GV đổi mới PPDH, áp dụng PPDH tích cực nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực tự học, sáng tạo của người học; Thực hiện đánh giá và cải tiến hình thức, phương pháp, đề thi kiểm tra đánh giá hằng năm theo kết quả học tập của người học;

- Cải tiến, biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy phục vụ cho các ngành đào tạo của Khoa, đáp ứng tốt hơn về tài liệu học tập cho người học;

- Khuyến khích các hoạt động NCKH đối với GV và SV trong Khoa. GV phải thực hiện tốt quy định của Trường về tiết nghĩa vụ NCKH và tích tham gia hướng dẫn SV thực hiện NCKH;

- Thực hiện các hoạt động cố vấn học tập, hỗ trợ người học trong suốt khóa học;

- Tăng cường hợp tác với các đơn vị, các doanh nghiệp trong và ngoài Tỉnh và tổ chức các hoạt động thực hành, thực tế, thực tập cho người học trong mỗi khóa học và giới thiệu việc làm cho SV;

- Định kỳ thực hiện sinh hoạt Khoa lấy ý kiến người học, trao đổi với các đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức... phối hợp với các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan do Trường tổ chức để không ngừng cải tiến chất lượng CTĐT và các hoạt động của Khoa, nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng sự hài lòng các bên liên quan;

- Thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng các CTĐT của Khoa theo quy định của Bộ GDĐT và của Trường. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 02 CTĐT ngành QTKD trình độ ĐH và trình độ thạc sĩ theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT) vào năm 2021 và 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu:

CTĐT ngành Log&QLCCU được thiết kế với mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường. Các mục tiêu đào tạo bao quát kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực tiễn, năng lực ngoại ngữ và tin học, cùng thái độ nghề nghiệp cần thiết. Chương trình được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu của Luật GDĐH và nhu cầu thực tế của thị trường lao động. CDR được rà soát định kỳ 2 năm/lần, đảm bảo phù hợp với khung trình độ quốc gia và các quy định hiện hành. Quá trình xây dựng và điều chỉnh CDR có sự tham gia đóng góp ý kiến từ các BLQ như doanh nghiệp, cựu SV và chuyên gia trong ngành. Nhà trường công khai toàn bộ thông tin về mục tiêu đào tạo và CDR trên các kênh thông tin chính thức, giúp người học và các BLQ dễ dàng tiếp cận. Chương trình không ngừng được cải tiến để bắt kịp xu hướng phát triển của ngành và yêu cầu ngày càng cao của xã hội, đảm bảo chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT cử nhân ngành Log&QLCCU được đào tạo tại UPT từ năm 2020 [H1.01.01.01]. Đến nay, qua nhiều lần cải tiến và cập nhật vào các năm 2021, 2022 và 2024 [H1.01.01.02], mục tiêu CTĐT được xây dựng theo hướng bám sát mục tiêu GDĐH quy định trong Luật GDĐH. Căn cứ vào các mục được quy định trong Luật Giáo dục và khung trình độ quốc gia, cùng với các ý kiến/kết quả khảo sát của các bên liên quan [H1.01.01.03] và kết quả đối sánh của các CTĐT từ các cơ sở trong và ngoài nước [H1.01.01.04], CTĐT hướng tới xác định các mục tiêu cụ thể gắn liền với kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học sau khi tốt nghiệp chương trình. Bên cạnh đó, CTĐT Log&QLCCU được xây dựng nhằm hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược và sứ mệnh của Nhà trường; bám sát và cụ thể hoá giá trị cốt lõi: “Nhân văn – Hội nhập – Phát triển bền vững” và triết lý giáo dục: “Thực học – Thực nghiệp” của Nhà trường thông qua các

mục tiêu của CTĐT [H1.01.01.05]. Để mục tiêu đào tạo bám sát các nhu cầu thị trường việc làm và xu hướng phát triển nghề nghiệp của xã hội, mục tiêu đào tạo được xây dựng trên cơ sở khảo sát nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề mà SV có thể làm sau khi ra trường. Mục tiêu CTĐT được điều chỉnh năm 2021 và 2022 không thay đổi nhiều; và có sự điều chỉnh lớn đối với CTĐT năm 2024 [H1.01.01.06].

Mục tiêu chung của CTĐT được thay đổi năm 2024 được thay đổi như sau: SV được trang bị những kiến thức chuyên sâu về Log&QLCCU để tiếp cận và giải quyết các vấn đề liên quan đến Log&QLCCU; tham gia các hoạt động sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng quốc gia, khu vực và toàn cầu. Chương trình cũng trang bị cho SV các kiến thức cần thiết nhằm phát triển các kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả ở cấp độ chiến lược, chiến thuật và hoạt động để quản lý dòng vật chất, cũng như dòng thông tin trong chuỗi cung ứng. Bên cạnh đó, SV còn được tích lũy các kỹ năng về tư duy phân tích logic, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, văn hóa, đạo đức kinh doanh... giúp SV có khả năng hoạch định tốt các chiến lược kinh doanh quốc tế, thiết lập phương án kinh doanh quốc tế hiệu quả, nghiên cứu thị trường nước ngoài, hiểu biết về luật pháp và thông lệ quốc tế, tham gia đàm phán ký kết hợp đồng, quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Các mục tiêu cụ thể của CTĐT Log&QLCCU được xây dựng dựa trên mục tiêu chung của chương trình, nhằm định hướng cho việc thiết lập các mục tiêu chi tiết và CDR của từng môn học. Những mục tiêu này phản ánh mong muốn của UPT về những giá trị mà CTĐT mang lại cho người học sau khi ra trường, bao gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp. Bên cạnh đó, các mục tiêu cụ thể có thể được điều chỉnh linh hoạt theo yêu cầu của xã hội và sự thay đổi của nội dung chương trình qua từng giai đoạn 2 năm theo quy định của Nhà trường. Các mục tiêu cụ thể được xây dựng trong phiên bản của CTĐT Log&QLCCU năm 2024, như sau:

Kiến thức:

PO1: Người học được chuẩn bị về phẩm chất chính trị vững vàng từ khối kiến thức đại cương để phân tích và lý giải được các vấn đề chính sách, biến động của kinh tế - xã hội, hệ thống kiến thức của ngành học để đáp ứng yêu cầu tiếp thu kiến thức giáo dục

chuyên nghiệp, đồng thời nâng cao kiến thức rèn luyện thể chất, giáo dục quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đảm bảo sức khỏe tốt trong quá trình học tập và làm việc.

PO2: Cử nhân Log&QLCCU được trang bị kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản, CNTT, khoa học kinh tế và quản trị; các kiến thức chuyên sâu và hiện đại về Log&QLCCU để vận dụng vào hoạt động cung ứng dịch vụ logistics và vận tải tại các doanh nghiệp dịch vụ logistics, hãng hàng không, công ty xuất nhập khẩu, công ty vận tải đa phương thức, cơ quan hải quan, cơ quan thuế...

Kỹ năng

PO3: Cử nhân Log&QLCCU có năng lực phối hợp hoạt động theo nhóm và khả năng hoạt động độc lập, tự chủ; phong cách làm việc chuyên nghiệp; thành thạo kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề chuyên môn; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo; biết phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành hệ thống logistics và quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp; có kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường năng động, đa văn hóa và có tính cạnh tranh cao.

PO4: SV sử dụng thông thạo tiếng Anh (bậc 3/6 Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) và tin học văn phòng (CNTT cơ bản và nâng cao quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT).

Về thái độ:

PO5: SV có khả năng tự học, làm việc độc lập, thích ứng tốt với sự thay đổi trong môi trường quốc gia và hội nhập, sáng tạo và có trách nhiệm với cộng đồng, có năng lực khởi nghiệp và điều hành doanh nghiệp; trung thực, sáng tạo, có trách nhiệm và tuân thủ các quy định của Nhà trường, nghề nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân và cộng đồng.

Sau khi tốt nghiệp, người học sẽ có đủ năng lực chuyên môn và ý thức trách nhiệm trong công việc, đồng thời nhận thức rõ các vấn đề đạo đức, văn hóa phát sinh trong mối quan hệ kinh doanh nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh bền vững. Người học còn có khả năng tự học, nghiên cứu tài liệu để nâng cao kiến thức chuyên môn, thúc đẩy tinh thần học tập mãi mãi. Bên cạnh đó, người học luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm với tổ chức, cộng đồng và xã hội; tuân thủ quy định nội bộ và chấp hành nghiêm chỉnh chủ

trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.

CTĐT cử nhân Log&QLCCU được xây dựng với mục tiêu rõ ràng, dựa trên sự tham gia của các nhà khoa học, giảng viên giàu kinh nghiệm, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, cùng đại diện các đơn vị tuyển dụng. Quy trình thiết kế bài bản này đảm bảo cấu trúc chương trình hợp lý, hệ thống, đồng thời đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về ma trận chuẩn đầu ra được thể hiện qua bảng *Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT* (được thể hiện trong bản mô tả CTĐT) [H1.01.01.06]. Mục tiêu của CTĐT được xác định dựa trên khảo sát nhu cầu thị trường lao động đối với vị trí việc làm SV có thể đảm nhiệm (theo Chiến lược phát triển Giáo dục quốc gia và Kế hoạch chiến lược của UPT).

Mục tiêu của CTĐT Log&QLCCU được phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như thông qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa để cho người học, cựu người học, GV và các nhà tuyển dụng có thể nắm rõ.

2. Điểm mạnh:

Mục tiêu CTĐT được cập nhật liên tục để bám sát các quy định của Luật GDĐH cũng như nhu cầu thực tế của doanh nghiệp qua các năm (2021, 2022, 2024), đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Mục tiêu CTĐT được xây dựng với lộ trình rõ ràng, phân cấp từ mục tiêu tổng quát đến các mục tiêu cụ thể, đặc biệt chú trọng phát triển kỹ năng toàn cầu cho SV.

Mục tiêu CTĐT gắn liền với thực tiễn thông qua việc khảo sát nhu cầu thị trường lao động và đối sánh với các CTĐT tiên tiến trong và ngoài nước, được điều chỉnh linh hoạt theo chu kỳ 2 năm/lần, đáp ứng kịp thời những yêu cầu mới về nguồn nhân lực chất lượng cao.

Mục tiêu CTĐT được xây dựng phù hợp với tầm nhìn - sứ mạng, giá trị cốt lõi – triết lý giáo dục của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của GDĐH.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có nhiều kết quả khảo sát chi tiết từ các bên liên quan hoặc báo cáo đối sánh cụ thể hơn để rà soát cho mục tiêu đào tạo.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Trong quá trình rà soát và cập nhật CTĐT sắp tới, tiến hành nghiên cứu khảo sát, phân tích kỹ lưỡng nhu cầu của thị trường lao động, đánh giá lại hệ thống mục tiêu đào tạo hiện có. Mở rộng phạm vi và tăng cường số lượng khảo sát ý kiến các BLQ, ưu tiên lấy ý kiến từ các nhà tuyển dụng, cựu SV và chuyên gia đầu ngành để đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả của mục tiêu CTĐT.	- K.QTKD; - P.QLĐT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Đảm bảo tính nhất quán mục tiêu đào tạo với những giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường. Tăng cường thông tin về CĐR cho các BLQ; đa dạng hóa hình thức công khai, công bố đầy đủ nội dung CĐR trên các phương tiện thông tin, ấn phẩm của Trường/ Khoa. Thiết lập kênh phản hồi nhanh từ các BLQ để kịp thời cập nhật, phân tích nhu cầu để cải tiến, điều chỉnh mục tiêu đào tạo hợp lý.	- K.QTKD; - P.QLĐT; - Ban TTTT & QTM	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng:

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Log&QLCCU được xây dựng và công bố lần đầu vào năm 2020 [H1.01.02.01]. Trong quá trình triển khai và thực hiện chương trình, CĐR đã được rà soát, điều chỉnh và cập nhật định kỳ để đảm bảo tính phù hợp với mục tiêu đào tạo, yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp, cũng như các văn bản pháp lý có liên quan. Cụ thể, CĐR đã được điều chỉnh và ban hành lại vào các năm 2021, 2022 và 2024 [H1.01.02.02]. Việc xây dựng, cập nhật và điều chỉnh CĐR được thực hiện dựa trên các quy định và hướng dẫn hiện hành của Nhà trường về việc xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT [H1.01.02.03]. Đồng thời, việc xác định CĐR về ngoại ngữ và tin học được đảm bảo tuân thủ đúng các yêu cầu theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT và phù hợp với yêu cầu năng lực đầu ra của SV trình độ đại học [H1.01.02.04].

CĐR của CTĐT Log&QLCCU được xây dựng phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam, đáp ứng các yêu cầu về năng lực cần có ở trình độ đại học, sự liên kết này được thể hiện qua ma trận đối sánh CĐR CTĐT theo Khung trình độ quốc gia bậc đại học ở bản mô tả CTĐT. Đồng thời, CĐR cũng bảo đảm tính nhất quán với sứ mạng, tầm nhìn và định hướng chiến lược phát triển của Trường, góp phần hiện thực hóa mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực QTKD, logistics [H1.01.02.02].

Bảng 1.4. Ma trận đối sánh CĐR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc đại học

CĐR theo KTĐQG & CĐR CTĐT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	K	TC	TC	TC	TC
	T 1	T 2	T 3	T 4	T 5	N 1	N 2	N 3	N 4	N 5	N 6	TN 1	TN 2	TN 3	TN 4
PLO1		X													
PLO2	X														
PLO3	X			X	X		X								
PLO4			X												
PLO5	X		X	X	X										
PLO6			X												
PLO7											X				
PLO8										X					
PLO9						X	X			X					
PLO10							X	X							
PLO11									X						
PLO12												X			
PLO13													X	X	X

Theo bản cập nhật mới nhất năm 2024, CĐR của CTĐT ngành Log&QLCCU được xác định trên cơ sở 3 nhóm năng lực chủ đạo, gồm: (1) Kiến thức, (2) Kỹ năng, (3) Năng

lực tự chủ và trách nhiệm. Từ 3 nhóm này, CĐR được cụ thể hóa thành 13 CĐR, bao gồm: 05 chuẩn về kiến thức, 06 chuẩn về kỹ năng, 02 chuẩn về năng lực tự chủ và trách nhiệm. SV sau khi hoàn thành chương trình và đạt được đầy đủ các CĐR có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công việc trong lĩnh vực Log&QLCCU.

Bảng 1.2.1 Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	X	X											
PO2			X	X	X								
PO3								X	X	X	X		
PO4						X	X						
PO5												X	X

Hệ thống CĐR của CTĐT được thiết kế có mối quan hệ chặt chẽ với cấu trúc các học phần trong chương trình, thể hiện trong ma trận liên kết giữa CĐR và các học phần, đảm bảo mỗi học phần đều có đóng góp cụ thể vào việc hình thành năng lực cho người học. Trong từng học phần, các bài giảng và chương đều thể hiện rõ mối liên hệ với các chuẩn đầu ra, từ đó hỗ trợ người học tiếp cận và đạt được mục tiêu đào tạo một cách có hệ thống [H1.01.02.05].

Việc xây dựng và điều chỉnh CĐR được thực hiện thông qua quy trình có sự tham vấn ý kiến các bên liên quan (BLQ), bao gồm: nhà tuyển dụng, cựu SV và các chuyên gia trong lĩnh vực QTKD. Quá trình lấy ý kiến được thực hiện thông qua các khảo sát định kỳ, các cuộc họp chuyên môn của hội đồng cải tiến và thẩm định để góp ý, biên bản họp HĐKH của Khoa, và bảng tổng hợp ý kiến phản hồi từ các bên liên quan. Đây là cơ sở quan trọng nhằm bảo đảm CĐR luôn được cập nhật phù hợp với nhu cầu xã hội và yêu cầu của thị trường lao động [H1.01.02.06].

2. Điểm mạnh:

CĐR phân loại rõ ràng, hệ thống hóa thành 3 nhóm chính (kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm), giúp đáp ứng mục tiêu đào tạo, liên kết chặt chẽ với học phần để hỗ trợ cụ thể để giúp SV đạt được các CĐR thông qua các CĐR cụ thể của các môn học.

CĐR được cập nhật thường xuyên để luôn bắt kịp xu hướng nghề nghiệp và yêu cầu mới của xã hội, đảm bảo tính pháp lý và tuân theo quy định hiện hành.

Quá trình xây dựng CĐR có sự đóng góp ý kiến các bên đảm bảo tính học thuật và

thực tiễn, phù hợp với nhu cầu thị trường.

3. Điểm tồn tại:

Các dữ liệu khảo sát chưa đủ nhiều và rộng để đánh giá cụ thể về quá trình triển khai các CĐR, để làm cơ sở cho việc điều chỉnh và cải tiến CTĐT.

Trong ma trận kết nối giữa CĐR của CTĐT và học phần có sự phân bố chưa đồng đều trong việc thể hiện mức đóng góp của học phần vào CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các dữ liệu khảo sát các BLQ để triển khai điều chỉnh và cải tiến CĐR sắp tới. Rà soát lại ma trận kết nối giữa CĐR và học phần để đảm bảo tính logic hơn. Ngoài ra, cần đào tạo GV về cách triển khai CĐR trong giảng dạy và đánh giá hiệu quả hơn.	K.QTKD; P.QLĐT	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ thực hiện rà soát CĐR của CTĐT bám sát các yêu cầu của khung trình độ quốc gia, các ý kiến đóng góp của các BLQ. Duy trì cập nhật CĐR theo định kỳ và mở rộng sự tham gia của các BLQ.	K.QTKD; P.QLĐT	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT ngành Log&QLCCU được tiến hành xây dựng và điều chỉnh CĐR và

CTĐT theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, bám sát Khung trình độ quốc gia, và tuân thủ các quy định CĐR ngoại ngữ và tin học cho SV đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, và căn cứ xây dựng dựa trên các văn bản Quy định xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT của Trường. Cho đến năm 2024, CĐR của CTĐT ngành Log&QLCCU đã được rà soát, chỉnh sửa hoàn thiện 2 năm/lần nhằm đảm bảo sự thích ứng của CTĐT với nhu cầu của thị trường lao động. Trong lần rà soát năm 2022, đã có sự điều chỉnh CTĐT theo hướng đáp ứng yêu cầu Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT [H1.01.03.01]. Khi điều chỉnh các CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tham khảo, đối sánh mục tiêu đào tạo trong các CTĐT tiên tiến trong nước, quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H1.01.03.02]. Qua các đợt điều chỉnh, số lượng CĐR có sự thay đổi qua các thời kỳ chỉnh sửa: năm 2021: 15 CĐR, 2022: 22 CĐR, 2024: 13 CĐR; chuẩn ngoại ngữ và tin học không thay đổi qua các lần chỉnh sửa (tiếng Anh đạt chuẩn năng lực theo bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; đạt chứng chỉ tin học cơ bản và nâng cao). CĐR của CTĐT từ năm 2021 đã có xác định rõ ràng và đầy đủ vị trí việc làm trong tương lai mà người học tốt nghiệp có thể đảm nhận được.

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT và CĐR, Khoa QTKD đã tiến hành khảo sát nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến ngành Log&QLCCU thông qua việc phát phiếu khảo sát một số doanh nghiệp có SV thực tập và lấy ý kiến của các BLQ để tiến hành cải tiến CĐR và CTĐT [H1.01.03.02]. Nội dung các khảo sát đã đề cập đến việc đánh giá CĐR hiện có và đề xuất yêu cầu điều chỉnh CTĐT, các kiến thức/ kỹ năng cần nhấn mạnh. Các ý kiến, đề xuất và yêu cầu thu được từ các khảo sát đã được phân tích và truyền tải vào nội dung CĐR của CTĐT.

CĐR và CTĐT ngành Log&QLCCU qua các lần chỉnh sửa và ban hành đều được công bố công khai, phổ biến rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau để các BLQ như người học, GV, CBQL, nhà tuyển dụng,... có thể dễ dàng tiếp cận. CĐR được công bố trên cổng thông tin điện tử của Trường (<http://upt.edu.vn>) của Khoa QTKD. Hồ sơ về CTĐT và CĐR cũng được lưu tại Khoa QTKD [H1.01.03.03].

2. Điểm mạnh:

CĐR CTĐT được xây dựng và điều chỉnh theo đúng các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, bám sát khung trình độ quốc gia, đảm bảo chuẩn ngoại ngữ (Bậc 3/6) và tin

học (chứng chỉ cơ bản và nâng cao).

CĐR CTĐT được đánh giá và điều chỉnh định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần theo kế hoạch của Trường, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động và quy định liên quan. Nhà trường và Khoa QTKD đã đối sánh với các CTĐT tiên tiến, đồng thời lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ trong quá trình rà soát.

CĐR và CTĐT được công bố rộng rãi trên cổng thông tin điện tử của trường (<http://upt.edu.vn>) và lưu trữ tại Khoa QTKD, giúp các bên dễ dàng tiếp cận.

3. Điểm tồn tại:

Việc khảo sát chủ yếu dựa trên các doanh nghiệp có SV thực tập, có thể chưa phản ánh đầy đủ nhu cầu của toàn ngành. Chưa đo lường rõ hiệu quả thực tế của việc điều chỉnh CĐR CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần mở rộng khảo sát đến nhiều BLQ để có đánh giá chính xác hơn trong quá trình xây dựng CĐR.	- K.QTKD - P.QLĐT	Định kỳ theo kế hoạch của Trường (2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT theo đúng các quy định hiện hành.	- K.QTKD - P.QLĐT	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Mục tiêu CTĐT của ngành Log&QLCCU được xác định rõ ràng, phù hợp với: Sự mệnh, mục tiêu chiến lược của Trường.

CĐR được ban hành và cập nhật định kỳ 2 năm/lần. Phiên bản mới nhất năm 2024 gồm 13 CĐR được cải tiến nhiều và chi tiết, ma trận kết nối giữa học phần và CĐR thể

hiện rõ sự đóng góp của từng học phần vào việc hình thành kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học.

CĐR phản ánh nhu cầu xã hội thông qua khảo sát nhu cầu nhân lực tại địa phương, tham vấn ý kiến từ các BLQ trong quá trình xây dựng và cập nhật CĐR. Các đề xuất từ BLQ được phân tích và tích hợp vào CĐR của CTĐT.

Mục tiêu và CĐR sau khi điều chỉnh đều được ban hành chính thức và công khai trên nhiều kênh để các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Mục tiêu CTĐT ngành Log&QLCCU chưa được thể hiện rõ nét trong ĐCCT của một số học phần. Sự tham gia của cựu người học và các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng mục tiêu và CĐR CTĐT còn hạn chế.

Chưa phát huy hiệu quả trong việc thu hút sự tham gia của BLQ vào quá trình cập nhật CĐR. Khảo sát thị trường lao động chưa được bài bản và phạm vi lấy ý kiến về mục tiêu CTĐT và CĐR còn hẹp, số lượng ý kiến ít, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát còn chung chung chưa đủ thông tin hữu ích để hỗ trợ việc điều chỉnh CTĐT và CĐR.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 1:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, tiêu chuẩn 1 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu:

Bản mô tả CTĐT Log&QLCCU được xây dựng theo quy định, gồm hai phần chính: Mô tả CTĐT và Mô tả chương trình giảng dạy, cung cấp thông tin đầy đủ từ mục tiêu đến phương pháp đánh giá; được cập nhật định kỳ (2020, 2021, 2022, 2024) với điều chỉnh về tín chỉ, học phần và nội dung để phù hợp với yêu cầu thực tế. ĐCHP được chuẩn hóa, cải tiến liên tục, đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ quy định. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được khảo sát, đánh giá bởi nhiều BLQ và công bố công khai trên website của Trường và Khoa QTKD, giúp các BLQ dễ dàng tiếp cận.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng:

Bản mô tả CTĐT được xây dựng theo đúng quy dựa trên biểu mẫu được ban hành bởi Nhà trường, bao gồm hai phần chính: Mô tả CTĐT và Mô tả chương trình giảng dạy. Phần Mô tả CTĐT cung cấp thông tin tổng quan về chương trình, triết lý giáo dục, tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, các ma trận, cơ hội việc làm, tiêu chí tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, cùng các chiến lược giảng dạy, đánh giá và hệ thống tính điểm. Phần Mô tả chương trình giảng dạy trình bày cấu trúc chương trình, danh sách học phần, ma trận đáp ứng giữa học phần và CĐR, kế hoạch giảng dạy, chương trình tham khảo và hướng dẫn triển khai **[H2.02.01.01]**. Bản mô tả CTĐT được xây dựng đầu tiên vào năm 2020 đã trải qua quá trình rà soát, cải tiến vào năm 2021, 2022 và 2024 với các thông tin chi tiết về CĐR, ma trận đối sánh, cùng các điều chỉnh về chiến lược giảng dạy, phương pháp đánh giá, hệ thống tính điểm, cấu trúc chương trình và danh sách học phần. Phiên bản 2024 được hoàn thiện và thay đổi lớn dựa trên ý kiến đóng góp từ các BLQ trong quá trình rà soát **[H2.02.01.02]**.

Quá trình điều chỉnh CTĐT ngành Log&QLCCU qua các năm đều tuân thủ theo các quy định về xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra (CĐR) và chương trình đào tạo do Nhà trường ban hành **[H2.02.01.03]**. Bên cạnh đó, Trường cũng tổ chức các đợt tập huấn cho cán bộ tham gia xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT, được ghi nhận qua các biên bản tập huấn cụ thể **[H2.02.01.04]**.

Bản mô tả CTĐT năm 2020 và 2021 có tổng số tín chỉ là 133 (không bao gồm tín chỉ của các học phần GDTC và GDQP) và 49 học phần (đối với SV tham gia làm khóa luận cuối khóa) và 51 học phần [đối với SV tham gia thực hiện học phần thực tập và kỹ năng mềm (thay cho khóa luận tốt nghiệp)], thời gian đào tạo là 3,5 năm. Năm 2022, CTĐT tiếp tục được cập nhật với 133 tín chỉ và 51 học phần, trong đó phân bổ lại học phần GDTC từ học kỳ II lên học kỳ I **[H2.02.01.02]**.

Phiên bản mới nhất năm 2024, số lượng tín chỉ giảm xuống còn 125 (không bao gồm tín chỉ của các học phần GDTC và GDQP), 8 tín chỉ so với năm 2021, song song đó, số lượng học phần giảm còn 47 (đối với SV tham gia làm khóa luận cuối khóa), và 49 học phần [đối với SV tham gia thực hiện học phần thực tập và kỹ năng mềm (thay cho khóa luận tốt nghiệp)]. Trong đó, 2 môn học cắt giảm trong CTĐT chính là Tiếng

Anh 4 (2TC) và tiếng Anh 5 (2TC); giảm số lượng tín chỉ của học phần từ 3TC xuống còn 2TC của các học phần: Quản trị chiến lược, Nguyên lý cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, nguyên lý kế toán, quản trị kênh phân phối. Ngoài ra, có một số học phần của CTĐT năm 2022 bị loại bỏ khỏi khung CTĐT và thay thế bởi 1 số môn mới trong khung CTĐT năm 2024 theo ý kiến đóng góp của các BLQ trong giai đoạn cải tiến CTĐT năm 2024. Thời gian đào tạo là 3,5 không thay đổi. Bản mô tả CTĐT năm 2023 đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về nội dung, bao gồm thông tin về tên chương trình, văn bằng, trình độ đào tạo, mã số, mục tiêu, căn cứ xây dựng, CĐR, thời gian đào tạo, khối lượng kiến thức, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, hình thức giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nội dung chi tiết và kế hoạch giảng dạy đúng theo các quy định hiện hành [H2.02.01.05].

Để nâng cao chất lượng và đảm bảo tính cập nhật của CTĐT, đáp ứng tối đa nhu cầu thông tin của các BLQ, theo định kỳ 2 năm và kế hoạch của phòng QLĐT [H2.02.01.06], Khoa QTKD đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật bản mô tả CTĐT một cách hệ thống và đáp ứng các quy định và thông tư hiện hành. Quá trình này được thực hiện theo quy trình, bao gồm việc tổ chức các cuộc họp chuyên môn nhằm đánh giá, cải tiến CTĐT và CĐR nhằm đánh giá về nội dung của CTĐT sao cho phù hợp với yêu cầu thực tế của thị trường lao động cũng như xu hướng phát triển kinh tế – xã hội trong nước và quốc tế, thành lập tổ xây dựng, cải tiến CTĐT theo định kỳ [H2.02.01.07]. Khoa đã chủ động lấy ý kiến đóng góp từ nhiều BLQ để làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh CTĐT một cách khách quan và hiệu quả [H2.02.01.08]. Sau khi thu thập ý kiến, Khoa tiến hành đối sánh CTĐT đồng thời thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định lại các nội dung được cải tiến theo quy định [H2.02.01.09]. Từ đó, đề xuất lên HĐKH-ĐT của Trường để xem xét, đánh giá. Trên cơ sở góp ý từ HĐKH-ĐT, Khoa tiếp tục hoàn thiện nội dung trước khi trình lên BGH phê duyệt và ban hành chính thức [H2.02.01.10].

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT đáp ứng chuẩn hoá, tuân thủ quy định chặt chẽ, xây dựng theo biểu mẫu của Nhà trường và các quy định hiện hành; đảm bảo cấu trúc rõ ràng với 2 phần chính: Mô tả CTĐT và Mô tả chương trình giảng dạy, cung cấp thông tin đầy đủ từ mục tiêu, CĐR, cơ hội việc làm đến PPDH, phương pháp KTĐG,... giúp các bên liên

quan dễ dàng nắm bắt.

Bản mô tả CTĐT đảm bảo tính cập nhật đối với các vấn đề mới của ngành, lĩnh vực và quy định hiện hành.

3. Điểm tồn tại:

Nội dung các bản mô tả CTĐT chưa thể hiện được tính logics về ma trận đánh giá mức độ đóng góp của từng CDR CTĐT trong việc đáp ứng mục tiêu đào tạo. Trong quá trình rà soát và chỉnh sửa, Nhà trường/Khoa chưa tiến hành khảo sát rộng rãi để thu thập ý kiến đa chiều từ BLQ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại bản mô tả CTĐT theo định kỳ, trong đó rà soát ma trận đánh giá với mức độ đóng góp của từng CDR của CTĐT rõ ràng hơn.	K.QTKD	Theo Kế hoạch của Trường (Năm 2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật thông tin của ngành vào bản mô tả CTĐT nhằm đáp ứng tốt nhu cầu của các BLQ.	K.QTKD	Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ Quy định xây dựng và điều chỉnh CDR và CTĐT của Trường [H2.02.02.01], các ĐCHP của CTĐT ngành Log&QLCCU được xây dựng và ban hành năm 2020 và chỉnh sửa, cải tiến vào các năm 2021, 2022 và 2024 [H2.02.02.02]. So với các phiên bản trước, ĐCHP năm 2024 đã được điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, khoa học và phù hợp với yêu cầu đào tạo hiện hành [H2.02.02.03].

ĐCHP năm 2020 cơ bản đã đảm bảo các thông tin theo quy định, phiên bản ĐCHP năm 2021 và 2022 không có sự thay đổi đáng kể, trình bày theo đúng quy định

[H2.02.02.04], bao gồm: thông tin về GV; thông tin chung về học phần (tên học phần bằng tiếng Anh, tiếng Việt, mã học phần, số tín chỉ, học phần tiên quyết/ học trước/ song hành, yêu cầu khác, phân bổ tín chỉ: lý thuyết, thực hành và giờ tự học, mục tiêu của học phần; CDR; tóm tắt nội dung học phần; mối liên hệ giữa CDR học phần với CDR CTĐT, đánh giá học phần, kế hoạch và nội dung giảng dạy, học liệu, rubric KTĐG, chữ ký của GV và cấp phê duyệt; ngày phê duyệt; phiên bản năm 2024 có sự thống nhất hơn về các nội dung trong ĐCHP.

Các ĐCHP ngành Log&QLCCU đã được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/lần. Các đợt rà soát, chỉnh sửa ĐCHP Trường/Khoa đều có kế hoạch về việc rà soát, điều chỉnh CTĐT **[H2.02.02.05]** và có tham khảo ý kiến của các BLQ **[H2.02.02.06]**. ĐCHP sau khi được thẩm định nghiệm thu, chuẩn hóa, ban hành được Trường/Khoa công bố trên website **[H2.02.02.07]**. Ngoài ra các GV cũng giới thiệu ĐCHP tới SV vào buổi học đầu tiên của học phần trong mỗi học kỳ.

2. Điểm mạnh:

Các ĐCHP ngành Log&QLCCU được cập nhật và cải tiến liên tục ít nhất 2 năm 1 lần, tuân thủ quy định và tính thống nhất cao, quy trình rà soát có kế hoạch và có sự tham gia của các BLQ; các phiên bản ĐCHP (đặc biệt năm 2024) được chuẩn hóa, trình bày đầy đủ thông tin học phần, thống nhất nội dung và hình thức theo đúng quy định, công khai minh bạch để các BLQ tham khảo.

3. Điểm tồn tại:

ĐCHP chưa thể hiện rõ hoạt động hỗ trợ, giám sát và đánh giá việc tự học của SV, học liệu một số học phần ít cập nhật, khảo sát các BLQ còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Cập nhật học liệu thường xuyên, bổ sung tài liệu mới và tiếng nước ngoài.	K.QTKD	Thường xuyên (từ 2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		- Cụ thể hóa PPDH và đánh giá trong từng học phần. - Thiết kế rõ ràng phần hướng dẫn tự học tập cho SV. - Lấy ý kiến từ các BLQ định kỳ, tổ chức khảo sát, hội thảo để tiếp nhận phản hồi thực tế.		2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì việc cập nhật và cải tiến ĐCHP định kỳ, đảm bảo nội dung phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng đào tạo. - Tiếp tục tuân thủ nghiêm các quy định và hướng dẫn của Nhà trường trong xây dựng và điều chỉnh ĐCHP. - Phát huy việc chuẩn hóa và trình bày thống nhất cả về nội dung lẫn hình thức để tạo thuận lợi cho GV và SV tiếp cận. - Tăng cường tính công khai, minh bạch, đăng tải đầy đủ ĐCHP trên hệ thống để các BLQ dễ dàng theo dõi và góp ý.	K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

1. Mô tả hiện trạng:

Toàn bộ Bản mô tả CTĐT, các ĐCHP, cùng các kế hoạch giảng dạy đều được Hiệu trưởng phê duyệt, ban hành dưới dạng văn bản điện tử và bản in, đồng thời được công bố công khai trên website chính thức của Trường và Khoa **[H2.02.03.01]**.

Trong các buổi sinh hoạt đầu khóa và các buổi học đầu tiên, GV đặc biệt chú trọng giới thiệu ĐCHP cũng như vai trò của học phần trong cấu trúc tổng thể của CTĐT và ĐCHP của ngành Log&QLCCU. Điều này giúp SV hiểu rõ mối liên hệ giữa các học phần và mục tiêu CDR của chương trình. Ngoài ra, Khoa cũng đã sử dụng đa dạng các kênh thông tin để đảm bảo SV có thể tiếp cận đầy đủ, như GV có trách nhiệm phổ biến ĐCHP ngay trong buổi học đầu tiên của mỗi môn học, để SV kịp thời nắm được tổng thể lộ trình học tập, tiếp cận mục tiêu đầu ra của chương trình và định hướng kế hoạch học tập hiệu quả. Trong suốt quá trình học, SV tiếp tục được cập nhật và hướng dẫn tiếp cận bản mô tả CTĐT và ĐCHP bởi cố vấn học tập, cảm nang SV và GV phụ trách học phần. Qua đó, SV có thể chủ động theo dõi và chuẩn bị cho các học phần trong các học kỳ tiếp theo.

Bản mô tả CTĐT và các ĐCHP được thường xuyên rà soát, điều chỉnh định kỳ **[H2.02.03.02]**. Khoa gửi đến từng GV giảng dạy để hỗ trợ việc khảo sát, đánh giá đưa ra những góp ý giúp cho việc cải tiến CTĐT và ĐCHP hiệu quả hơn ở những chu kỳ thay đổi theo kế hoạch của Nhà trường **[H2.02.03.03]**. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP còn được định kỳ dựa trên việc thu thập ý kiến từ các BLQ khác như cơ quan quản lý, nhà tuyển dụng nhà tuyển dụng, SV của Trường **[H2.02.03.03]**.

Các bản mô tả CTĐT và ĐCHP được tổ chức đánh giá và thẩm định bởi đội ngũ chuyên gia trong và ngoài Trường, được thông qua HĐKH của Khoa và Trường để được phê duyệt và công bố **[H2.02.03.01]**. Quá trình này đảm bảo sự cập nhật và phù hợp của CTĐT, đảm bảo việc phổ biến các nội dung chương trình đến các BLQ một cách chính thống và có hệ thống.

Các nhóm đối tượng như nhà tuyển dụng và cơ quan quản lý có thể dễ dàng truy cập vào website của Khoa để tìm hiểu CTĐT, các học phần cụ thể và mục tiêu đào tạo, từ đó đưa ra nhận định về năng lực của SV tốt nghiệp, tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa Nhà trường và các bên liên quan trong hoạt động đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

2. Điểm mạnh:

Bản mô tả CTĐT và tất cả ĐCHP ngành Log&QLCCU được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tăng cường quan hệ hợp tác giữa Nhà trường và các BLQ trong hoạt động đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.

3. Điểm tồn tại:

Các NTD còn ít quan tâm đến CTĐT và ĐCHP được công khai của Trường/Khoa một cách sâu sắc.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật nội dung về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP vào các tài liệu hướng nghiệp, tài liệu tuyển sinh và trên các nền tảng truyền thông số của Trường để tăng cường tính đa dạng các hình thức công bố để các đối tượng tiếp cận một cách chủ động, dễ dàng hơn ngay cả khi không có internet. Truyền thông tốt hơn đến đối tượng NTD.	- K.QTKD; - Ban TTTT & QTM	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục công bố công khai và rộng rãi bằng nhiều hình thức của về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP. - Tăng cường khảo sát, đánh giá và khảo sát để việc tiếp cận thông tin của các BLQ được rộng rãi và có tính tương tác cao trong quá trình	K.QTKD	Định kỳ (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		tiếp cận thông tin của Bản mô tả CTĐT và ĐCHP.			

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Bản mô tả CTĐT đáp ứng chuẩn hoá, tuân thủ quy định chặt chẽ, xây dựng theo biểu mẫu của Nhà trường và các quy định hiện hành, đảm bảo cấu trúc rõ ràng, cung cấp thông tin đầy đủ.

Các ĐCHP cập nhật và cải tiến liên tục, tuân thủ quy định và tính thống nhất cao, quy trình rà soát có kế hoạch và có sự tham gia của các BLQ; các phiên bản ĐCHP (đặc biệt năm 2024) được chuẩn hóa, trình bày đầy đủ đầy đủ thông tin học phần và hình thức theo đúng quy định.

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

Điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số ĐCHP chưa thể hiện rõ hoạt động hỗ trợ, giám sát và đánh giá việc tự học của SV, học liệu một số học phần ít cập nhật, khảo sát các BLQ còn hạn chế.

Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được đăng tải trên website Trường/Khoa còn ít được các NTD quan tâm cụ thể.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 2:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 2 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Cấu trúc và nội dung CTDH được thể hiện rõ nét thông qua quá trình thiết kế, triển

khai và đánh giá các học phần trong CTĐT ngành Log&QLCCU đã được thực hiện một cách bài bản, và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà trường và Bộ GDĐT. Mỗi học trong phần trong CTDH đều thể hiện rõ ràng vai trò và đóng góp của mình trong việc giúp người học đạt được CDR chương trình. Cấu trúc, nội dung chương trình, hệ thống ma trận, PPDH, KTĐG cải tiến liên tục đáp ứng nhu cầu của SV và các BLQ.

Tiêu chí 3.1 Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH trình độ đại học ngành Log&QLCCU được xây dựng trên cơ sở đảm bảo sự tương thích với CDR của CTĐT theo quy định hiện hành của Trường [H3.03.01.01]. Quá trình thiết kế CTDH được thực hiện qua các bước xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết và lựa chọn các học phần phù hợp nhằm bảo đảm mục tiêu đào tạo cũng như đáp ứng yêu cầu CDR đã đề ra.

CTDH cũng thay đổi theo các chu kỳ cải tiến CTĐT và CDR qua các năm 2020 (135TC), 2021 (133TC), 2022 (133TC) và 2024 (125TC) – số lượng tín chỉ liệt kê không bao gồm các học phần GDTC và GDQP. Các khối kiến thức và các môn học được sắp xếp trong các khối kiến thức cũng thay đổi theo từng phiên bản cải tiến của CTĐT [H3.03.01.02]. Các khối kiến thức cũng được thay đổi theo từng phiên bản. Trong đó, phiên bản hoàn chỉnh nhất là phiên bản năm 2022 và 2024 [H3.03.01.03].

Bảng 3.1 Các khối kiến thức của CTĐT các năm 2020 - 2024

Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2024
- Đại cương: Lý luận chính trị, Khoa học xã hội, ngoại ngữ, Toán – Tin học; – Khoa học tự nhiên, GDTC, GDQP. - Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: kiến	- Toán và khoa học tự nhiên; - Kiến thức chung: Lý luận chính trị và Khoa học xã hội; - Kiến thức bổ trợ: Ngoại ngữ, GDTC, GDQP;	- Khối kiến thức giáo dục đại cương: Lý luận chính trị. - Khối kiến thức khoa học cơ bản: Khoa học xã hội, ngoại ngữ, Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên, GDTC, GDQP.	- Khối kiến thức giáo dục đại cương: Lý luận chính trị, GDTC, GDQP, Ngoại ngữ - Khối kiến thức khoa học cơ bản - Khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi

Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2024
thức cơ sở của khối ngành; Kiến thức ngành và chuyên sâu: Kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn); - Kiến tập; - Khoá luận/Khoá luận và môn học thay thế	- Kiến thức cơ sở và cơ sở ngành: Khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành; - Kiến thức đồ án và tốt nghiệp: chuyên đề, kiến tập và Thực tập và KLTN (hoặc môn học thay thế)	- Khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành: kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn); - Kiến thức thực tập và trải nghiệm: Kiến tập, thực tập, KLTN và kỹ năng mềm; - Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác	ngành: Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn); - Kiến thức thực tập và trải nghiệm: Kiến tập, thực tập, KLTN và kỹ năng mềm; - Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác

CTDH phiên bản cải tiến mới nhất năm 2024 gồm 125 tín chỉ (không bao gồm tín chỉ của các học phần GDTC và GDQP), trong đó kiến thức được chia theo các tỉ lệ đáng ứng được các chuẩn đầu ra trong CTĐT [H3.03.01.04].

Bảng 3.2 Các khối kiến thức và số tín chỉ của CDR năm 2024 (125 tín chỉ không bao gồm GDTC, GDQP)

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
I	Giáo dục đại cương	22	
II	Khoa học cơ bản	17	
III	Cơ sở và cốt lõi ngành	67	6
IV	Thực tập và trải nghiệm	11	
V	Nghiên cứu khoa học và các thành phần khác	2	
Tổng số		119	6
		125	

Chương trình được tổ chức giảng dạy trong thời gian 3,5 năm, tương ứng với 10 học kỳ, số lượng học phần cùng với số tín chỉ của mỗi học kỳ được phân chia phù hợp với để giúp cho quá trình dạy – học đạt được CDR một cách hiệu quả nhất [H3.03.01.05].

Số lượng học phần và các tín chỉ được phân bổ ở các học kỳ qua các phiên bản cải tiến như sau:

Bảng 3.3 Số lượng học phần và số tín chỉ phân bổ ở các học kỳ trong phiên bản CTĐT từ năm 2020 – 2024

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2024
HK1	6HP (16TC)	4HP (12TC)	5HP (14TC)	6HP (15TC)
HK2	7HP (19TC)	6HP (16TC)	5HP (14TC)	5HP (12TC)
HK3	3HP (9TC)	5HP (16TC)	6HP (16TC)	7HP (17TC)
HK4	7HP (17TC)	5HP (15TC)	5HP (14TC)	6HP (15TC)
HK5	6HP (19TC)	5HP (15TC)	5HP (15TC)	5HP (14TC)
HK6	3HP (12TC)	7HP (23TC)	7HP (23TC)	4HP (16TC)
HK7	7HP (19TC)	6HP (15TC)	6HP (15TC)	5HP (14TC)
HK8	7HP (19TC)	5HP (14TC)	5HP (14TC)	5HP (13TC)
HK9	3HP (8TC)	4HP (10TC)	4HP (10TC)	4HP (11TC)
HK10	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)

Học kỳ cuối bao gồm 2 lựa chọn cho các SV bao gồm học phần KLTN hoặc học phần và Thực tập và kỹ năng mềm. Phân tích từng học phần trong các khối kiến thức cho thấy việc lựa chọn học phần được cân nhắc kỹ lưỡng, phù hợp với điều kiện thực tiễn Trường, đồng thời bảo đảm tính tối ưu để đáp ứng yêu cầu của CĐR. Đặc biệt, số tín chỉ phân bổ cho khối kiến thức chuyên ngành về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được tăng cường nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho người học. Kết quả khảo sát ý kiến các BLQ cho thấy CTDH được thiết kế linh hoạt, phù hợp với người học, giúp SV dễ dàng tiếp cận được các kiến thức, thuận lợi trong việc đạt được CĐR của học phần cũng như CTĐT [H3.03.01.06].

Việc xây dựng và sắp xếp các học phần trong khung CTĐT ngành Log&QLCCU được thực hiện một cách khoa học, đảm bảo tính logic và kế thừa giữa các học phần. Các môn học được phân bổ theo trình tự từ cơ bản đến nâng cao, từ kiến thức đại cương đến các học phần chuyên ngành, phù hợp với tiến trình phát triển năng lực của người học. Cách sắp xếp này tạo điều kiện để sinh viên từng bước hình thành và phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng, và phẩm chất nghề nghiệp theo đúng CĐR đã đề ra. Cụ thể, các học phần đại cương được bố trí ở giai đoạn đầu nhằm trang bị nền tảng tri thức chung và kỹ năng học thuật cần thiết. Giai đoạn tiếp theo là các học phần cơ sở ngành giúp SV nắm bắt được các khái niệm, quy trình và công cụ nền tảng của lĩnh vực Logistics. Cuối

chương trình là các học phần chuyên ngành nhằm phát triển kỹ năng phân tích, tư duy chiến lược và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Bên cạnh đó, chương trình còn tích hợp các học phần kỹ năng mềm, học phần thực tập thực tế tại doanh nghiệp, và đồ án tốt nghiệp. Những nội dung này đóng vai trò kết nối lý thuyết với thực hành, giúp SV củng cố kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và nâng cao khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng – một lĩnh vực đòi hỏi tư duy hệ thống, khả năng phối hợp liên ngành và xử lý tình huống linh hoạt **[H3.03.01.05]**.

Toàn bộ ĐCHP được xây dựng đúng quy định của Trường **[H3.03.01.07]**. Trong các ĐCHP đã xác định rõ các hoạt động dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá nhằm hỗ trợ người học đạt được các CĐR của học phần cũng như của toàn chương trình **[H3.03.01.08]**. Trong ĐCHP, các phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá được mô tả rõ ràng, đảm bảo tính thống nhất với CĐR của môn học. Các phương pháp này được xác định cụ thể theo từng bài giảng, từng tuần học **[H3.03.01.08]**. Cơ cấu điểm số được phân bổ hợp lý trong ĐCCT: điểm chuyên cần chiếm 10%, điểm kiểm tra quá trình chiếm 30% thông qua các hình thức như thảo luận, thuyết trình, bài thu hoạch..., và điểm thi kết thúc học phần chiếm 60%, đánh giá kiến thức trọng tâm, kiến thức chuyên sâu và mở rộng thông qua các rubric đánh giá nhằm phản ánh chính xác mức độ đạt được CĐR của SV **[H3.03.01.09]**. Ngành Log&QLCCU đã xây dựng và áp dụng tổ hợp các PPDH phù hợp với yêu cầu của từng học phần và đáp ứng CĐR. Các PPDH được sử dụng bao gồm: thuyết giảng, thảo luận nhóm, thảo luận tình huống, thảo luận nội dung và liên hệ thực tế, thảo luận và bài tập. Các PPDH cơ bản này được lựa chọn phù hợp với đặc trưng từng học phần và mục tiêu đào tạo, góp phần hỗ trợ người học đạt được CĐR. GV sử dụng bài giảng điện tử, mô hình trực quan trong giảng dạy và tập trung hướng dẫn học, tư vấn học tập, phản hồi kết quả thảo luận cũng như đánh giá kết quả kiểm tra, đặc biệt đối với các nội dung lý thuyết cốt lõi trong từng chương. Một số PPDH được áp dụng phổ quát cho tất cả các học phần, trong khi một số khác chỉ phù hợp với nhóm học phần nhất định. Các PPDH và hoạt động học tập được thiết kế cho từng học phần đều do đội ngũ GV đề xuất và triển khai, đảm bảo sự phù hợp với nội dung giảng dạy và mục tiêu CĐR của học phần **[H3.03.01.08]**.

Việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện định kỳ, có sự tham vấn từ doanh

ng nghiệp trong ngành, GV và chuyên gia nhằm đảm bảo tính thực tiễn và tính thích ứng cao của chương trình. Bên cạnh đó, Khoa luôn có các hoạt động rà soát đánh giá đội ngũ GV với mục tiêu đảm bảo các tiêu chí đầy đủ kinh nghiệm và chuyên môn tham gia giảng dạy các học phần để giúp người học đạt được CĐR và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động hiện nay [H3.03.01.10].

2. Điểm mạnh:

CTDH được thiết kế dựa trên mục tiêu, CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; điều chỉnh và phân bổ nội dung học thay đổi linh hoạt, phù hợp giúp SV đạt được CĐR của CTĐT.

Các ĐCHP được xây dựng đúng quy định, xác định rõ mục tiêu, nội dung giảng dạy, PPDH và phương pháp KTĐG đảm bảo hỗ trợ người học đạt CĐR chương trình. PPDH đa dạng, gồm thuyết giảng, thảo luận nhóm, phân tích tình huống, liên hệ thực tiễn, sử dụng bài giảng điện tử và giáo cụ trực quan; được GV lựa chọn phù hợp với nội dung từng học phần và đặc điểm người học.

3. Điểm tồn tại:

CTDH chưa thể hiện rõ các mức độ đo lường về các PPDH để đạt được các CĐR.

Số lượng khảo sát các BLQ về CTDH và nội dung cụ thể chưa đa dạng và đủ lớn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường lấy ý kiến từ các BLQ với số lượng mẫu đủ lớn, tập trung vào các phương pháp cụ thể được áp dụng trong từng học phần, đồng thời cần thiết kế thang đo phù hợp với từng loại phương pháp để làm cơ sở đánh giá khách quan và điều chỉnh, lựa chọn	K.QTKD	Từ năm 2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		PPDH, hương pháp KTĐG hiệu quả hơn khi cải tiến CTDH.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Duy trì và cập nhật định kỳ CTĐT dựa trên phản hồi của các BLQ, đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và CĐR. - Tổ chức các buổi tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm cho GV về PPDH tích cực, ứng dụng CNTT và kỹ thuật đánh giá theo hướng phát triển năng lực. - Rà soát, hoàn thiện ĐCHP nhằm đảm bảo nội dung, PPDH và đánh giá luôn nhất quán với CĐR và mục tiêu đào tạo.	K.QTKD	Định kỳ hằng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mỗi học phần trong CTĐT ngành Log&QLCCU đều được thiết kế với mục tiêu rõ ràng, cụ thể hóa bằng CĐR học phần và thể hiện sự đóng góp cụ thể vào việc đạt được CĐR CTĐT [H3.03.02.01]. Các học phần không chỉ đóng vai trò cung cấp kiến thức mà còn góp phần hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp, thái độ và năng lực tự chủ – trách nhiệm cho người học.

CTĐT có xây dựng ma trận liên kết giữa các học phần và các CĐR CTĐT (Course-PLO matrix). Trong ma trận này, mức độ đóng góp của từng học phần vào các PLOs được thể hiện cụ thể theo các cấp độ đạt được (ví dụ: Introduced - I, Reinforced - R, Mastered - M). Cấu trúc này góp phần đảm bảo quá trình hình thành và phát triển năng

lực của SV được thực hiện một cách tuần tự, liên tục và phù hợp với tiến trình học tập từ năm thứ nhất đến năm cuối chương trình **[H3.03.02.01], [H3.03.02.02]**.

CTĐT áp dụng nguyên tắc phân lớp CĐR theo cấp độ Bloom, trong đó các học phần đầu khóa chủ yếu nhắm đến các cấp độ nhận biết – hiểu – vận dụng, còn các học phần chuyên ngành và học phần tốt nghiệp tập trung vào phân tích – đánh giá – sáng tạo **[H3.03.02.03]**. Cách tiếp cận này giúp việc lập kế hoạch giảng dạy, phương pháp KTĐG và việc giảng dạy của GV trở nên định hướng hơn, có cơ sở rõ ràng và thuận lợi trong việc đo lường CĐR học phần và toàn khoá học.

Chương trình được cấu trúc theo trình tự logic, phiên bản năm 2024 chia thành các khối kiến thức - Khối kiến thức giáo dục đại cương (gồm: Lý luận chính trị, GDTC và GDQP, Ngoại ngữ), Khối kiến thức khoa học cơ bản Khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành (gồm: Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn)), Kiến thức thực tập và trải nghiệm (gồm Kiến tập, thực tập, khoá luận tốt nghiệp và kỹ năng mềm), Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác.

ĐCHP được ban hành và cập nhật định kỳ qua các năm 2021, 2022 và 2024. CTĐT 2024 được thiết kế với 125TC (không bao gồm GDTC và GDQP) với 50 học phần. Tất cả các học phần đều có ĐCHP và được xây dựng theo mẫu thống nhất, theo đúng quy định của Trường **[H3.03.02.04]**. ĐCHP 2024 đã chuẩn hóa đầy đủ các nội dung theo yêu cầu: từ thông tin học phần, mục tiêu, CĐR, nội dung chi tiết, PPDH, phương pháp KTĐG, kế hoạch giảng dạy đến học liệu, ma trận liên kết CĐR học phần – CĐR CTĐT và rubric đánh giá **[H3.03.02.01]**.

Các PPDH và phương pháp KTĐG trong từng học phần đều được xác định cụ thể, phù hợp với CĐR đề ra theo đúng quy định **[H3.03.02.05]**. Trong ĐCHP, GV chỉ rõ PPDH nào sẽ được áp dụng cho nội dung nào, nhằm phát triển năng lực cho SV và tương ứng với CĐR nào của học phần. Việc đánh giá kết quả học tập của SV được thực hiện qua nhiều hình thức, đảm bảo phản ánh trung thực và toàn diện năng lực của người học. Cấu trúc đánh giá điển hình bao gồm: điểm chuyên cần (10%), đánh giá giữa học phần (30%) và đánh giá cuối học phần (60%). Các phương pháp đánh giá như bài tập nhóm, thuyết trình, kiểm tra viết, dự án mô phỏng,... đều có tiêu chí rõ ràng và gắn liền với từng CĐR cụ thể **[H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.06]**.

ĐCHP được công bố trên hệ thống website của Khoa, Trường và giới thiệu đến SV vào đầu mỗi học kỳ. GV cũng được cung cấp thông tin ĐCHP qua email và các kênh nội bộ. Đồng thời, công tác cải tiến nội dung học phần được thực hiện thường xuyên dựa trên phản hồi của các BLQ [H3.03.02.07]. Các đợt rà soát, cập nhật ĐCHP đều được thực hiện theo kế hoạch rõ ràng, có tham khảo ý kiến GV, SV và đại diện doanh nghiệp. Các minh chứng bao gồm: biên bản họp lấy ý kiến, biên bản nghiệm thu chương trình, báo cáo khảo sát và kế hoạch điều chỉnh CTĐT vào các năm 2021, 2022, 2024 [H3.03.02.08].

2. Điểm mạnh:

CTDH và ĐCHP thiết kế theo năng lực người học, đảm bảo tính hệ thống và nhất quán. Ma trận CĐR rõ ràng thể hiện sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR. Tất cả các học phần đều áp dụng cấp độ Bloom trong CĐR giúp xác định rõ áp dụng các PPDH và phương pháp KTĐG phù hợp để đảm bảo người học đạt CĐR; CTDH và ĐCHP cải tiến định kỳ, có tham vấn từ GV, SV và doanh nghiệp và các BLQ khác.

3. Điểm tồn tại:

Việc lấy ý kiến các BLQ để đánh giá sự phù hợp của nội dung các học phần chưa nhiều, chưa sâu sắc. Chưa đánh giá định lượng về mức độ người học đạt CĐR học phần và CĐR CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện xây dựng ma trận liên kết CĐR học phần với CĐR CTĐT và lấy ý kiến BLQ về ĐCHP với số lượng lớn trước mỗi lần rà soát, điều chỉnh; tiến hành đánh giá định lượng mức độ người học đạt CĐR CTĐT; đánh giá phù hợp của nội dung học phần, PPDH, phương pháp KTĐG cụ thể hơn.	K.QTKD	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
2	Phát huy điểm mạnh	- Tổ chức tập huấn định kỳ cho GV về PPDH theo năng lực và tích hợp CĐR. - Cập nhật và hoàn thiện ma trận CĐR, dựa trên phản hồi từ người học và nhà tuyển dụng. - Rà soát định kỳ việc áp dụng chuẩn hóa ĐCHP trong giảng dạy và đánh giá.	K.QTKD; P.QLĐT; P.KT- ĐBCL- TT&PC	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành Log&QLCCU của Trường được xây dựng trên nền tảng tiếp cận theo năng lực, định hướng đầu ra, tuân thủ khung trình độ quốc gia Việt Nam và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. CTDH đảm bảo cấu trúc chặt chẽ, trình tự logic, nội dung cập nhật thường xuyên, và có tính thích hợp cao với mục tiêu đào tạo cũng như nhu cầu xã hội. Qua các chu kỳ thay đổi 2021, 2022, 2024 [H3.03.03.01], CTDH có sự thay đổi ở các học phần ở các khối kiến thức, các khối kiến thức, các khung chương trình cũng như số lượng tín chỉ, cụ thể như sau:

Bảng 3.4 Các khối kiến thức, số lượng học phần và số tín chỉ phân bổ trong CTDH từ năm 2020 – 2024

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2024
	- Đại cương: Lý luận chính trị, Khoa học xã hội, ngoại ngữ, Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên, GDTC, GDQP.	- Toán và khoa học tự nhiên - Kiến thức chung: Lý luận chính trị và Khoa học xã hội - Kiến thức bổ trợ: Ngoại ngữ, GDTC, GDQP.	- Khối kiến thức giáo dục đại cương: Lý luận chính trị. - Khối kiến thức khoa học cơ bản: Khoa học xã hội, ngoại ngữ, Toán – Tin	- Khối kiến thức giáo dục đại cương: Lý luận chính trị, GDTC, GDQP, Ngoại ngữ - Khối kiến thức khoa học cơ bản

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2024
	- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: kiến thức cơ sở của khối ngành; Kiến thức ngành và chuyên sâu: Kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn) - Kiến tập - Khoá luận/Khoá luận và môn học thay thế	- Kiến thức cơ sở và cơ sở ngành: Khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành - Kiến thức đồ án và tốt nghiệp: chuyên đề, kiến tập và Thực tập & KLTN (hoặc môn học thay thế)	- học – Khoa học tự nhiên, GDTC, GDQP. - Khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành: kiến thức cơ sở ngành, Kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn) - Kiến thức thực tập và trải nghiệm: Kiến tập, thực tập, KLTN và kỹ năng mềm - Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác	- Khối kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành: Kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành (bắt buộc, tự chọn) - Kiến thức thực tập và trải nghiệm: Kiến tập, thực tập, KLTN và kỹ năng mềm - Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác
Tổng số TC	135 (Không bao gồm GDTC, GDQP)	133 (Không bao gồm GDTC, GDQP)	133 (Không bao gồm GDTC, GDQP)	125 (Không bao gồm GDTC, GDQP)
Lý luận chính trị	9TC	11TC	11TC	13TC
Khoa học xã hội	6TC	6TC	6TC	Kiến thức khoa học cơ bản: 17TC
Ngoại ngữ	21TC (tiếng Anh chuyên ngành 6TC)	15TC (không có tiếng Anh chuyên ngành)	18TC (tiếng anh chuyên ngành 3TC)	9TC (không có tiếng Anh chuyên ngành)
Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên	10TC	9TC	9TC	
GDTC	3TC	3TC	3TC	3TC
GDQP	8TC	8TC	8TC	8TC
	- Kiến thức cơ sở của khối ngành: 18TC - Kiến thức chung: 29TC	- Kiến thức cơ sở: 19TC - Cơ sở ngành: 24TC	- Kiến thức cơ sở ngành: 14TC - Kiến thức chung: 27TC	- Kiến thức cơ sở ngành: 14TC - Kiến thức chuyên ngành: 59 TC ((Bắt

	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2024
	(Bắt buộc 26, Tự chọn 3) - Kiến thức chuyên ngành: 31TC (Bắt buộc 28, Tự chọn 3TC)	- Khối kiến thức chuyên ngành: 38TC (Bắt buộc 32 TC; Tự chọn: 6TC)	- Kiến thức chuyên ngành: 35TC ((Bắt buộc 29 TC; Tự chọn: 6TC)	buộc 53 TC; Tự chọn: 6TC)
	- Kiến tập: 2TC - Thực tập & KLTN (hoặc môn học thay thế): Khoá luận 9TC; Thực tập tốt nghiệp 6TC; Kỹ năng mềm: 3TC	- Chuyên đề: 0TC - Kiến tập: 2TC - Thực tập & KLTN (hoặc môn học thay thế): Khoá luận 9TC; Thực tập tốt nghiệp 6TC; Kỹ năng mềm: 3TC	- Chuyên đề: 0TC - Kiến tập: 2TC - Thực tập & KLTN (hoặc môn học thay thế): Khoá luận 9TC; Thực tập tốt nghiệp 6TC; Kỹ năng mềm: 3TC	- Kiến tập: 2TC - Thực tập & KLTN (hoặc môn học thay thế): Khoá luận 9TC; Thực tập tốt nghiệp 6TC; Kỹ năng mềm: 3TC
			Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác: 2TC	Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác: 2TC
HK1	6HP (16TC)	4HP (12TC)	5HP (14TC)	6HP (15TC)
HK2	7HP (19TC)	6HP (16TC)	5HP (14TC)	5HP (12TC)
HK3	3HP (9TC)	5HP (16TC)	6HP (16TC)	7HP (17TC)
HK4	7HP (17TC)	5HP (15TC)	5HP (14TC)	6HP (15TC)
HK5	6HP (19TC)	5HP (15TC)	5HP (15TC)	5HP (14TC)
HK6	3HP (12TC)	7HP (23TC)	7HP (23TC)	4HP (16TC)
HK7	7HP (19TC)	6HP (15TC)	6HP (15TC)	5HP (14TC)
HK8	7HP (19TC)	5HP (14TC)	5HP (14TC)	5HP (13TC)
HK9	3HP (8TC)	4HP (10TC)	4HP (10TC)	4HP (11TC)
H10	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)	Thực tập – Kỹ năng mềm/ KLTN (9TC)

Cấu trúc CTDH 2024 [H3.03.03.02] được xây dựng có trình tự logic, đảm bảo tính hệ thống và khoa học. Chương trình gồm 125 tín chỉ (GDTC, GDQP), được chia thành ba khối kiến thức lớn: đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, cùng các học phần tốt nghiệp. Cấu trúc này đảm bảo sự chuyển tiếp mạch lạc từ kiến thức nền tảng đến kiến thức chuyên ngành, theo nguyên tắc sư phạm “từ dễ đến khó”, “từ cơ bản đến ứng dụng”. Khối kiến thức đại cương (khoảng 33 tín chỉ): Trang bị các năng lực học thuật nền tảng gồm toán học, thống kê, tin học, tiếng Anh, tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp luật đại cương, kỹ năng mềm và tư duy phản biện. Đây là bước khởi đầu giúp SV hình thành tư duy

logic, phương pháp học đại học và ý thức công dân. Khối kiến thức cơ sở ngành (28 tín chỉ): Bố trí trong năm 2, cung cấp kiến thức cơ bản và cơ sở ngành làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần chuyên ngành về logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Khối kiến thức chuyên ngành (64 tín chỉ): Bao gồm các học phần như Quản trị logistics, Quản lý chuỗi cung ứng, Giao nhận quốc tế, Quản lý vận tải, Quản lý kho bãi, Quản trị rủi ro, thương mại điện tử, v.v... Các học phần được sắp xếp theo hướng phát triển năng lực từ lý thuyết đến thực hành, từ tổng quan đến chuyên sâu, đảm bảo sự tích hợp chặt chẽ giữa kiến thức chuyên môn và năng lực nghề nghiệp. Học kỳ cuối gồm các học phần thực tập và KLTN, tạo điều kiện cho SV định hướng chuyên sâu và ứng dụng thực tiễn thông qua kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp và thực hiện KLTN **[H3.03.03.02]**.

Tính logic trong cấu trúc CTDH còn thể hiện qua mối quan hệ tiên quyết giữa các học phần, đảm bảo sinh viên có đủ kiến thức nền trước khi học các môn học nâng cao. Mối liên kết ngang giữa các môn học cùng cấp độ, giúp SV phát triển tư duy hệ thống. Sự phân kỳ rõ ràng theo từng giai đoạn phát triển năng lực (nền tảng – cơ sở – chuyên ngành – ứng dụng). Tích hợp liên tục các học phần kỹ năng mềm, ngoại ngữ, tin học và tư duy phản biện, đảm bảo phát triển toàn diện cho người học **[H3.03.03.02]**.

Nội dung chương trình đảm bảo tính cải tiến và thích hợp với thực tiễn thông qua việc thiết kế bám sát với xu thế phát triển ngành logistics trong bối cảnh công nghiệp 4.0 và hội nhập toàn cầu, bổ sung thêm nhiều học phần được đề theo kịp yêu cầu nghề nghiệp thực tế. Trong đó, nội dung một số môn học phản ánh xu thế nghề nghiệp mới như chương trình tích hợp các kiến thức về tiêu chuẩn ISO, Incoterms, phần mềm quản lý chuỗi cung ứng (ERP, WMS), ứng dụng CNTT trong logistics, phân tích dữ liệu và xu hướng thương mại toàn cầu. Các học phần tăng cường học trải nghiệm như kiến tập, thực tập doanh nghiệp, một số chương trình tham quan thực tế tại các cảng biển, kho bãi, trung tâm phân phối và công ty logistics giúp SV áp dụng lý thuyết vào thực hành, đồng thời tạo cơ hội việc làm ngay sau tốt nghiệp **[H3.03.03.02]**.

PPDH được xây dựng theo các quy định và hướng dẫn **[H3.03.03.03]**, luôn cải tiến và đa dạng, bao gồm học tình huống, học dự án, tranh luận, mô phỏng, nghiên cứu nhóm và phản biện, giúp người học phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng nghề nghiệp. Mỗi năm học, Khoa có các kế hoạch và phân công GV đủ chuyên môn giảng dạy các học phần **[H3.03.03.04]**.

ĐCHP nêu rõ mối liên kết giữa kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ – học phần – CĐR [H3.03.03.05] theo quy định [H3.03.03.06]. CTĐT cũng thể hiện sự gắn kết chặt chẽ giữa các PLOs với các học phần cụ thể. Cấu trúc CTDH hướng đến phát triển toàn diện 3 nhóm năng lực cốt lõi: Kiến thức chuyên môn (PLO1–PLO5): Được hình thành qua chuỗi học phần từ đại cương đến chuyên ngành. Kỹ năng nghề nghiệp (PLO6–PLO11) gồm Kỹ năng cứng như kỹ năng phân tích, xử lý tình huống; Kỹ năng mềm như làm việc nhóm, thuyết trình, lãnh đạo, tư duy phản biện – tích hợp trong các học phần có bài tập nhóm, phản biện, mô phỏng hoặc đánh giá đồng cấp. Năng lực tự chủ và trách nhiệm (PLO12–PLO13) gắn kết với các học phần như Đạo đức kinh doanh, Thực tập tốt nghiệp, Hoạt động cộng đồng, NCKH SV đóng vai trò phát triển thái độ nghề nghiệp, tinh thần khởi nghiệp, ý thức công dân, trung thực và trách nhiệm xã hội [H3.03.03.02].

Ma trận đối sánh PLOs–học phần trong chương trình cho thấy rõ: mỗi học phần đều đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp vào ít nhất một PLO, và hệ thống học phần bao phủ đầy đủ các chuẩn đầu ra đã được xác lập [H3.03.03.02].

CTDH được rà soát định kỳ 2 năm/lần [H3.03.03.07], sửa đổi trên cơ sở các đóng góp ý kiến của các BLQ nhằm đảm bảo chương trình phản ánh đúng yêu cầu thực tế, phù hợp với thị trường lao động và xu hướng phát triển ngành nghề [H3.03.03.08]. Khi đổi mới CTDH, Khoa đã tham khảo và đối sánh CTĐT ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường với các CSGD đại học trong nước và nước ngoài để đảm bảo tính tích hợp và linh hoạt [H3.03.03.09].

2. Điểm mạnh:

Cấu trúc CTDH mạch lạc, đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức, tất cả các học phần được bố trí hợp lý theo đó; CTDH được định kỳ rà soát, cập nhật ít nhất 2 năm 1 lần theo kế hoạch của Trường, có sự tham khảo ý kiến các BLQ đảm bảo gắn với thực tiễn nghề nghiệp và có tham khảo các CTĐT ở các CSGD khác để đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp của CTĐT.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng khảo sát lấy ý kiến các BLQ chưa đủ lớn để việc rà soát đạt hiệu quả toàn diện hơn. Các hoạt động liên kết doanh nghiệp chưa đồng đều giữa các học kỳ, các khóa học.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiếp tục tăng cường khảo sát lấy ý kiến các BLQ phong phú hơn để rà soát, hoàn thiện CTDH khóa tiếp theo. - Mở rộng hợp tác thực tập, tăng cường seminar thực tế từ doanh nghiệp.	K.QTKD	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và rà soát cấu trúc CTDH chặt chẽ, đảm bảo tính logic, tính tích hợp và dễ theo dõi cho người học. Đẩy mạnh kết nối với doanh nghiệp để cập nhật nội dung học phần sát thực tiễn. Tăng cường tính liên kết giữa học phần và CDR, PPDH, phương pháp KTĐG.	K.QTKD	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

CTDH ngành áp dụng cấp độ Bloom trong CDR được thiết kế bài bản, rõ ràng, bám sát CDR của CTĐT, cập nhật định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần có sự tham khảo ý kiến các BLQ và từ CTĐT ở các CSGD khác. CTDH có sự liên kết mạch lạc từ các học phần đại cương đến chuyên ngành, áp dụng mô hình phát triển năng lực, tuân thủ khung trình độ quốc gia Việt Nam. Có mối liên kết ngang – dọc giữa các học phần; nội dung học tập theo hướng tích hợp lý thuyết và thực tiễn. Mỗi học phần được xác định mức độ đóng góp rõ ràng vào các PLOs theo cấp độ Bloom (I – R – M), giúp đảm bảo lộ trình phát

triển năng lực của người học. Phương pháp giảng dạy đa dạng, có cải tiến: Kết hợp thuyết giảng, thảo luận nhóm, tình huống thực tiễn, mô phỏng, phản biện, sử dụng công nghệ trong giảng dạy. ĐCHP được chuẩn hóa và cập nhật định kỳ: Mỗi học phần đều có CĐR, phương pháp giảng dạy, đánh giá rõ ràng, có rubric và ma trận đánh giá chi tiết. Có học phần kiến tập, thực tập, khóa luận, kỹ năng mềm, gắn với thực tiễn nghề nghiệp; nội dung được cập nhật theo xu hướng logistics 4.0 và hội nhập.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Chưa đo lường rõ mức độ hiệu quả PPDH, vẫn còn thiên về thuyết giảng; chưa lượng hóa rõ hiệu quả đạt CĐR của từng phương pháp. Số lượng mẫu khảo sát chưa đủ lớn, chưa có hệ thống phản hồi thường xuyên và đa chiều từ doanh nghiệp, cựu SV, NTD. Các học phần có yếu tố thực tiễn phân bổ chưa thật sự đều, ảnh hưởng đến việc áp dụng liên tục kiến thức vào thực tế.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 3:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 3 có 03 tiêu chí, trong đó cả 03 tiêu chí đều đạt điểm 4/7.

Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu:

Hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Logistics đáp ứng yêu cầu xã hội trong giai đoạn mới, Khoa QTKD luôn bám sát tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng của Nhà trường thông qua phương châm “Thực học – Thực nghiệp – Học suốt đời để làm việc suốt đời”. Đội ngũ GV tích cực đổi mới PPDH theo hướng tiếp cận năng lực, chú trọng phát triển tư duy phản biện, kỹ năng thực hành và khả năng giải quyết vấn đề thực tiễn. Nội dung CTĐT được thường xuyên rà soát, cập nhật theo nhu cầu thị trường và xu hướng ngành nghề, nhằm giúp SV không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn có khả năng thích ứng, sáng tạo và cạnh tranh hiệu quả trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số của ngành Log&QLCCU hiện nay.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT đã ban hành chính thức triết lý giáo dục “Thực học – Thực nghiệp” trong chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2020-2025 **[H4.04.01.01]**. Triết lý giáo dục của Trường được xác định rõ ràng và phù hợp với mục tiêu cụ thể của GDĐH được ban hành trong Luật GDĐH, mục tiêu giáo dục và sứ mạng Nhà trường được ban hành trong Quyết định ban hành tuyên bố về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2040 **[H4.04.01.02]**.

Mục tiêu cụ thể của GDĐH: “Đào tạo SV có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo”.

Mục tiêu đào tạo của UPT: “xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng nghề nghiệp theo phương châm: "Thực học – Thực nghiệp – Học suốt đời để làm việc suốt đời" ở các lĩnh vực: Công nghệ; Khoa học xã hội; Sức khỏe và Ngôn ngữ”.

Sứ mạng của UPT: “Đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức vững, kỹ năng toàn cầu và tinh thần khởi nghiệp, tạo ra các giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, tổ chức và xã hội ở tỉnh Bình Thuận và khu vực. Cung cấp các dịch vụ nghiên cứu và quản lý khoa học công nghệ ứng dụng, phục vụ nhu cầu phát triển bền vững Kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận và cả nước - Xúc tiến các hoạt động xã hội PVCD trong tỉnh Bình Thuận và cả nước”.

Trường đã ban hành chiến lược đào tạo rõ ràng để đạt được mục tiêu, sứ mạng với triết lý giáo dục như trên. Cụ thể, trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường đã nêu rõ: “Xây dựng các CTĐT theo quy định mới của Bộ GDĐT rút ngắn số tín chỉ xuống còn 120 tín chỉ với thời lượng đào tạo 3,5 năm hoặc ngắn hơn, chú trọng kỹ năng và thực hành đáp ứng nhu cầu của người học và nguồn nhân lực của Tỉnh. Đồng thời, triển khai đào tạo theo hướng tiếp cận và phát triển năng lực của người học. Trong đào tạo, coi trọng việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và năng lực giải quyết những vấn đề thực tiễn cho sinh viên **[H4.04.01.02]**.”

Các văn bản về Triết lý giáo dục và Mục tiêu giáo dục của Trường được công bố rộng rãi trên website Trường, trong các ấn phẩm giới thiệu về Trường (brochure, kỷ yếu), trưng bày tại các nơi trong phòng họp, giảng đường... cho các bên liên quan được biết nhằm góp ý xây dựng hằng năm **[H4.04.01.03]**, đồng thời gửi qua hệ thống email

nội bộ đối với CBGVNV của Trường để thành viên hiểu rõ và thực hiện, như là: i) giúp Khoa xây dựng CTĐT phù hợp hơn như là ngoài các học phần giúp phát triển kiến thức của ngành thì đưa thêm vào các học phần kỹ năng, thực hành, thực tập giúp SV xây dựng tính kỷ luật, đạo đức và trách nhiệm; ii) giúp GV lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp để đạt được CDR của học phần như đẩy mạnh việc dạy học theo phương pháp lấy người học làm trung tâm, cho SV tăng cường làm việc nhóm, tự đưa ra kết luận và tranh luận, phản biện giữa các nhóm... Hầu hết các CBGV đã phản hồi đều đồng ý ở tỷ lệ cao về sự phù hợp của Tầm nhìn - sứ mạng và Mục tiêu chiến lược của Nhà trường là mang tính lâu dài, bao quát các lĩnh vực và phản ánh được các vấn đề ưu tiên mà Nhà trường cần thực hiện [H4.04.01.04].

Đối với SV, ngay từ khi vào nhập học, Triết lý giáo dục cũng được phổ biến tới SV trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, giúp SV hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường [H4.04.01.05]. Ngoài ra, mỗi học kỳ các GV là Cố vấn học tập của các lớp tổ chức sinh hoạt lớp với SV, giúp SV hiểu rõ lịch trình và mục tiêu đào tạo của Khoa, để SV có kế hoạch học tập phù hợp [H4.04.01.06]. Đối với Nhà tuyển dụng lao động, các chuyên gia đầu ngành cũng được Khoa trao đổi các nội dung về chủ trương, chiến lược, mục tiêu giáo dục của Nhà trường trong các buổi tọa đàm, lấy ý kiến về xây dựng CTĐT, hội thảo khoa học... [H4.04.01.07].

Trường cũng đã điều chỉnh cập nhật giá trị cốt lõi cho giai đoạn 2020-2025 là “Nhân văn - Hội nhập - Phát triển bền vững” [H4.04.01.08] với ý nghĩa bao hàm, tiếp nối giá trị vận hành của giai đoạn trước nhưng với mục tiêu lớn hơn, phù hợp xu thế hội nhập và yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao hơn của xã hội.

2. Điểm mạnh:

Trường có văn bản tuyên bố chính thức và rõ ràng về triết lý giáo dục và quán triệt đến CBGVNV của Trường hiểu rõ và thực hiện. Triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến rộng rãi đến các BLQ qua nhiều kênh thông tin khác nhau.

3. Điểm tồn tại:

Một số ít GV thỉnh giảng chưa quan tâm lắm đến triết lý giáo dục của Trường để chuyển tải vào các hoạt động giảng dạy cho phù hợp.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường, Khoa tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường cho các bên liên quan, đặc biệt là các GV thỉnh giảng một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ của Khoa với GV trước khi bắt đầu mỗi học kỳ...	- Ban TTTT & QTM; - K.QTKD	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường, Khoa tiếp tục thực hiện định kỳ công tác rà soát, cập nhật về Triết lý giáo dục thông của Trường, Khoa cho phù hợp với giai đoạn phát triển. Đồng thời tiếp tục thực hiện phổ biến rộng rãi đến CBGVNV và người học của Trường hiểu rõ và thực hiện.	- P.QLĐT; - Ban TTTT & QTM; - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Để đạt chuẩn CĐR và phù hợp với triết lý giáo dục của Nhà trường, tất cả GV tham gia giảng dạy các học phần phải xác định và lựa chọn tổ hợp các PPDH đa dạng, hiệu quả, phù hợp với từng môn học. Những phương pháp này được thể hiện rõ trong CTĐT và ĐCHP [H4.04.02.01]. Xu hướng giảm thuyết giảng, tăng tỷ lệ các PPDH tương tác, lấy người học làm trung tâm nhằm phát huy tính chủ động học tập của SV được cải tiến

qua các lần cập nhật CTĐT và ĐCHP. GV giảng dạy ngành Log&QLCCU' luôn linh hoạt kết hợp nhiều phương pháp như: thuyết giảng, thảo luận nhóm, bài tập tình huống, mô phỏng quy trình, và các hoạt động thực hành – nhằm giúp SV chủ động tiếp cận và vận dụng kiến thức vào thực tế, từ đó đạt được CĐR. Việc tích hợp giảng dạy truyền thống và các hoạt động tương tác, mô phỏng và ứng dụng công nghệ là định hướng xuyên suốt trong các lần cập nhật CTĐT **[H4.04.02.01], [H4.04.02.02]**.

Bên cạnh đó, GV luôn chú trọng tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực giảng dạy của bản thân thông qua việc đổi mới phương pháp sư phạm, tích cực tham gia các buổi sinh hoạt học thuật, tọa đàm chuyên môn **[H4.04.02.03]**.

CTĐT ngành Log&QLCCU' cũng chú trọng thực hành và trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp. Các học phần như Thực tập, Kiến tập được tổ chức định kỳ, giúp SV rèn luyện kỹ năng, quan sát thực tiễn hoạt động chuỗi cung ứng tại các doanh nghiệp logistics và sản xuất **[H4.04.02.04]**. SV cũng được tham gia các chương trình tham quan, học hỏi kinh nghiệm thực tế tại một số cảng biển, công ty **[H4.04.02.05]**.

Ngay từ năm nhất, SV đã được định hướng phương pháp tự học, kỹ năng học đại học, và tìm hiểu về ngành Log&QLCCU' thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa. Đây là nền tảng để SV xây dựng lộ trình học tập, phát triển bản thân và tham gia các hoạt động NCKH, kỹ năng mềm, và hoạt động ngoại khóa liên quan đến ngành nghề **[H4.04.02.06]**. Đồng thời, Trường cũng có cổng thông tin trực tuyến, nơi mà một số thông tin cần thiết về vấn đề học tập sẽ được cung cấp nhanh chóng cho SV **[H4.04.02.07]**. Thông qua đó, SV có thể tiếp cận CTĐT, các CĐR và xác định cách thức học tập phù hợp để đạt được CĐR. Ngoài ra, mỗi đầu năm học, Khoa đều tổ chức các buổi gặp gỡ Tân SV và SV các khóa cũ để giới thiệu CTĐT, các hoạt động của Khoa; nhắc nhở SV về phương pháp học tập hiệu quả để đạt CĐR. Từ đó, SV có thể chủ động tiếp thu, lĩnh hội thêm kiến thức nhằm đạt được CĐR **[H4.04.02.06]**.

Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến của SV về sự hài lòng đối với sự đa dạng về các hình thức giảng dạy cũng như sự phù hợp của PPDH, nội dung giảng dạy và phương pháp KTĐG của GV. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV qua các năm gần đây cho thấy tỷ lệ người học hài lòng với các PPDH của GV khoa QTKD khá cao, luôn trên 93% **[H4.04.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Khoa, GV ngành Log&QLCCU' đã xây dựng các PPDH và tổ chức các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR mỗi môn học và CTĐT. Người học được hướng dẫn, khuyến khích, tạo điều kiện chủ động tiếp cận các hoạt động học tập phù hợp để đạt được CĐR và hài lòng với các PPDH của GV khoa QTKD.

3. Điểm tồn tại:

Chưa ứng dụng tích cực công nghệ số vào việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV. Số lượng các buổi trao đổi học thuật, tọa đàm chuyên ngành còn ít.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tổ chức thêm nhiều buổi tọa đàm về phương pháp học tập và NCKH đối cho SV. - Tăng cường nghiên cứu các ứng dụng công nghệ số vào việc tổ chức đánh giá kết quả học tập của SV nhằm đảm bảo các tiêu chí khoa học, khách quan, năng suất.	K.QTKD	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh	- Dựa trên các kết quả khảo sát các bên liên quan về CTĐT để có điều chỉnh phù hợp, khai thác tối đa thực hành trực tiếp tại doanh nghiệp và đa dạng hơn các hoạt động học tập khác để SV ra trường dễ thích nghi với công việc thực tế.	K.QTKD	Hàng năm	
		- Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện công thông tin học tập trực tuyến để người học có thể tiếp cận dễ dàng và toàn	K.QTKD; P.QLĐT	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		diện hơn.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT ngành Log&QLCCU của Trường được xây dựng với mục tiêu cung cấp cho SV kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quản lý chuỗi cung ứng, logistics, quản trị kho vận, vận tải, mua hàng quốc tế, quản lý tồn kho và công nghệ thông tin trong logistics. Đồng thời, chương trình trang bị cho SV năng lực thực hành nghề nghiệp vững vàng và các kỹ năng thiết yếu như phân tích dữ liệu chuỗi cung ứng, lập kế hoạch vận hành, tối ưu hóa logistics và giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn nghề nghiệp. Ngoài kiến thức chuyên môn, chương trình cũng chú trọng phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, làm việc nhóm, tư duy phản biện, phân tích và ra quyết định... nhằm giúp SV thích nghi và hội nhập tốt trong môi trường làm việc toàn cầu. Tất cả ĐCHP thuộc CTĐT ngành Log&QLCCU đều mô tả rõ các PPDH phù hợp với đặc thù từng môn học, nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho SV. Các phương pháp như học theo dự án, thảo luận tình huống thực tế trong doanh nghiệp, làm việc nhóm, báo cáo thực hành và thuyết trình... được áp dụng nhằm phát huy tính chủ động, khả năng giải quyết vấn đề và nâng cao năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, quản trị thời gian... giúp sinh viên sẵn sàng đáp ứng nhu cầu công việc trong lĩnh vực logistics hiện đại **[H4.04.03.01]**.

Trong tất cả ĐCHP, hoạt động tự học và tự nghiên cứu được thiết kế như một phần không thể thiếu, thông qua yêu cầu đọc tài liệu trước buổi học, chuẩn bị câu hỏi thảo luận, nghiên cứu các mô hình thực tiễn trong doanh nghiệp, thực hiện tiểu luận chuyên đề, viết báo cáo phân tích... SV được khuyến khích tự khai thác tài nguyên học tập, sử dụng nguồn học liệu điện tử, và tiếp cận các công cụ công nghệ phục vụ học tập. Việc rèn luyện khả năng tự học còn được cụ thể hóa qua yêu cầu thực hiện thực tập tốt nghiệp,

khóa luận, các tiểu luận..., giúp SV hình thành tư duy học tập chủ động, phát triển khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.01]. Ngoài ra, cổng thông tin học tập trực tuyến của Khoa, Trường cũng đã hỗ trợ SV tích cực trong rèn luyện kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.02].

Đội ngũ GV ngành Log&QLCCU thực hiện giảng dạy theo đúng nội dung đã mô tả trong ĐCHP, đồng thời linh hoạt điều chỉnh phương pháp phù hợp với trình độ và nhu cầu thực tế của lớp học. SV còn được khuyến khích tham gia các hoạt động NCKH, hoạt động trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp, từ đó tăng cường khả năng tự định hướng học tập và thích nghi với thay đổi nghề nghiệp [H4.04.03.03].

Trường và Khoa cũng tổ chức các buổi trao đổi học thuật, chương trình giao lưu, hỗ trợ GV cập nhật phương pháp giảng dạy và bổ sung nguồn tư liệu phù hợp, hiện đại hơn. Từ đó, nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng và thúc đẩy tư duy học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.04]. Hệ thống khảo sát ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và nhà tuyển dụng được sử dụng để điều chỉnh và cải tiến liên tục các PPDH, đảm bảo đào tạo SV đáp ứng CĐR và yêu cầu của thị trường lao động ngành logistics [H4.04.03.05].

2. Điểm mạnh:

Các PPDH trong ĐCHP được mô tả rõ ràng, thiết kế hoạt động dạy và học nhằm thúc đẩy người học phát triển toàn diện các kỹ năng nghề nghiệp, điều kiện để người học rèn luyện kỹ năng mềm, tích lũy những năng lực cần thiết trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; có mô tả các hoạt động tự học, tự nghiên cứu của người học, qua đó nâng cao khả năng thích ứng, phát triển bản thân và học tập suốt đời.

3. Điểm tồn tại:

SV chưa thể hiện được sự chủ động và quyết tâm cần thiết trong quá trình học tập, đặc biệt là trong hoạt động tự học, tự nghiên cứu và tham gia NCKH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	- Khoa tăng cường định hướng và hỗ	K.QTKD	Thường	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	phục tồn tại	trợ nhằm khơi dậy tinh thần chủ động học tập của SV thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn và gặp gỡ với cố vấn học tập. - GV tích cực động viên, tạo điều kiện để SV tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như đẩy mạnh tự học, tự nghiên cứu theo các chủ đề chuyên môn.		xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	- Khoa chú trọng đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của người học và yêu cầu từ nhà tuyển dụng. - Các PPDH được trình bày, cụ thể, rõ ràng hơn nữa trong ĐCHP để hướng dẫn hoạt động dạy và học cho GV, SV.	K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Triết lý giáo dục của Trường đã được xây dựng và tuyên bố một cách rõ ràng, đồng thời được phổ biến rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài Nhà trường. Trên cơ sở đó, Khoa đã thiết kế và triển khai một hệ thống hoạt động giảng dạy – học tập đa dạng, gắn với thực tiễn, nhằm đảm bảo đạt được CDR của từng học phần và CTĐT.

Người học được tạo điều kiện chủ động tham gia vào quá trình học tập thông qua các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp, linh hoạt. Các hoạt động dạy và học được thể hiện cụ thể trong ĐCHP, góp phần rèn luyện hiệu quả các kỹ năng nghề

nghiệp, kỹ năng mềm cần thiết trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, đồng thời nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu và phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm đầy đủ đến việc lồng ghép triết lý giáo dục của Trường vào hoạt động giảng dạy.

Việc ứng dụng công nghệ số trong đánh giá kết quả học tập còn hạn chế. Các hoạt động tọa đàm, trao đổi học thuật của ngành tuy có triển khai nhưng chưa đa dạng.

SV còn thiếu chủ động và quyết tâm trong tự học, tự nghiên cứu và tham gia NCKH.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 4:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đạt điểm 5/7 và 01 tiêu chí đạt 4/7.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu:

Khoa QTKD và Phòng QLĐT luôn xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá rõ ràng mỗi học kỳ. GV sử dụng phương pháp đánh giá đa dạng, phù hợp, đảm bảo tính công bằng và chính xác. Đồng thời, người học được thông tin minh bạch về quy định liên quan đến kết quả học tập để có thể chủ động điều chỉnh kế hoạch học tập. Việc tổ chức thi tập trung tại Trường được thực hiện theo quy trình chặt chẽ: từ ra đề, coi thi, chấm điểm đến công bố và lưu trữ kết quả. Những quy trình và hình thức này giúp Khoa đánh giá sát mức độ đạt CĐR của người học.

Tiêu chí 5.1 Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong ngành Log&QLCCU, việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo quy định đào tạo tín chỉ của Bộ GDĐT và các văn bản quy định của Trường, bao gồm: quy chế đào tạo ĐH, quy trình tổ chức thi học kỳ, hướng dẫn xây dựng và sử dụng ngân

hàng đề thi, hình thức thi tự luận – trắc nghiệm, quy định trách nhiệm cán bộ coi thi, kế hoạch học tập **[H5.05.01.01]**. Song song đó, bản mô tả CTĐT và ĐCHP được điều chỉnh, cập nhật định kỳ tương ứng với quy chế đào tạo, quy trình thi, kiểm tra, đánh giá người học phù hợp với CĐR ngành Log&QLCCU. Toàn bộ kế hoạch và quy trình kiểm tra – đánh giá đều được công khai rõ ràng từ đầu học kỳ qua website trường, cổng thông tin SV, hoặc Sổ tay SV **[H5.05.01.02]**.

Khi xây dựng chương trình học, Khoa luôn cập nhật ĐCHP và phương pháp đánh giá theo đúng CĐR ngành, đồng thời bám sát các quy định **[H5.05.01.03]**. Nhà trường đã cải tiến phương pháp đánh giá, chia thành 3 nhóm chính:

- Đánh giá chẩn đoán/đầu vào (*Diagnostic assessment*).
- Đánh giá theo tiến trình (*Formative assessment*).
- Đánh giá tổng kết/định kỳ (*Summative assessment*).

Để đảm bảo đánh giá phù hợp với mục tiêu và mức độ đạt CĐR, Trường có hướng dẫn cụ thể về thiết kế công cụ, tiêu chí đánh giá, trọng số điểm, cách tính kết quả... được quy định trong các văn bản như: quy chế đào tạo, hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần, biểu mẫu bảng điểm, mẫu đề thi – đáp án – thang điểm **[H5.05.01.04]**.

Trong mỗi học phần, ĐCHP đều nêu rõ hình thức đánh giá, trọng số điểm và nội dung đánh giá gắn với CĐR môn học. GV có trách nhiệm thiết kế các bài kiểm tra phản ánh đúng năng lực cần đạt, thể hiện rõ trong ĐCHP **[H5.05.01.05]**.

(1) *Đánh giá quá trình/Đánh giá môn học*: Theo quy định của Trường, điểm mỗi học phần bao gồm:

- Điểm chuyên cần (10%) – đánh giá sự tham gia của SV trong lớp học, hoạt động nhóm, làm bài tập, thảo luận,...;
- Điểm giữa kỳ (30%) – có thể là bài kiểm tra, bài tập, bài thuyết trình nhóm, v.v....;
- Điểm cuối kỳ (60%) – thường là bài thi tổng hợp hoặc báo cáo cuối kỳ, tùy theo đặc thù học phần.

Bên cạnh đó, GV được khuyến khích áp dụng các hình thức đánh giá linh hoạt, thực tiễn như: tình huống (case study), làm việc nhóm, tiểu luận, báo cáo thực tập... Ví

dự: học phần Quản lý chuỗi cung ứng có bài thi cuối kỳ là phân tích chuỗi cung ứng thực tế (Vinamilk, Bách Hóa Xanh, Co.opmart Phan Thiết...), chỉ ra điểm mạnh – yếu và đề xuất giải pháp. Tất cả hoạt động đánh giá đều được lưu trữ trong Hồ sơ đánh giá người học **[H5.05.01.06]**.

(2) Về đánh giá đầu ra toàn khóa:

- *Báo cáo thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ) và các môn học bổ sung (kỹ năng mềm):*
Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức thực tập tại doanh nghiệp nhằm giúp SV có điều kiện khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Các SV sẽ được GV của Khoa hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại cơ sở, SV cũng được hướng dẫn bởi Cán bộ tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn. Ngoài đi thực tập tốt nghiệp SV phải học thêm học phần kỹ năng mềm (3 tín chỉ) để đảm bảo đủ điều kiện tốt nghiệp **[H5.05.01.01]**, **[H5.05.01.06]**.

- *Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ):* Chỉ áp dụng đối với những SV thỏa mãn đồng thời 2 tiêu chuẩn là điểm trung bình chung học tập tích lũy đến hết học kỳ 7 phải trên 7.0 và không còn nợ môn. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài và được GV hướng dẫn. SV phải trải qua kỳ bảo vệ tốt nghiệp trước hội đồng chấm khóa luận, được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng **[H5.05.01.01]**.

Khi đánh giá đầu ra của SV tốt nghiệp, Khoa căn cứ trên 3 nhóm năng lực chính: Kiến thức chuyên ngành và kỹ năng mềm như giải quyết vấn đề, giao tiếp, làm việc nhóm; Kỹ năng công nghệ – tin học, sử dụng phần mềm hỗ trợ logistics và quản lý chuỗi cung ứng; Kết quả học tập toàn khóa: gồm điểm trung bình tích lũy, kết quả thực tập và khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung kiểm tra – đánh giá không chỉ đo lường kiến thức, mà còn chú trọng kỹ năng thực hành và thái độ học tập. Tất cả được thể hiện rõ trong Bản mô tả CTĐT và ĐCHP, công khai từ đầu học kỳ **[H5.05.01.02]**, **[H5.05.01.05]**. Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo SV sau khi tốt nghiệp có thể vận hành công việc thực tế, chứ không chỉ đạt lý thuyết. Mỗi bước trong quy trình đánh giá đều nhằm xác định mức độ SV đạt được CDR

CTĐT.

Nhà trường cũng thường xuyên rà soát và cập nhật quy chế học vụ, các quy định về thi – kiểm tra – đánh giá người học để đảm bảo phù hợp thực tiễn và xu hướng đào tạo [H5.05.01.01], [H5.05.01.07].

2. Điểm mạnh:

Trường/Khoa có các quy định, quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học; phù hợp để hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp KTĐG trong các học phần đảm bảo phù hợp với mục tiêu cần đánh giá, tương ứng với CĐR.

Phương pháp, hoạt động KTĐG trong các ĐCHP đa dạng theo đặc thù từng môn, phù hợp để đo lường mức độ đạt CĐR của người học.

3. Điểm tồn tại:

SV chưa chủ động theo dõi CĐR môn học, còn phụ thuộc vào GV và cố vấn học tập.

Một số học phần chưa quản lý và lưu trữ đầy đủ hồ sơ đánh giá quá trình để cải tiến giảng dạy.

Đánh giá đầu vào chưa được thực hiện đồng bộ, gây khó khăn trong việc nắm bắt trình độ SV và lựa chọn PPDH phù hợp.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường lồng ghép CLOs vào bài giảng và hướng dẫn học tập, thể hiện rõ ràng nội dung nào gắn với CLO nào. Xây dựng mẫu Hồ sơ đánh giá người học thống nhất theo từng học phần, bao gồm: điểm chuyên cần, điểm bài tập, nhận xét đánh giá, phiếu phản hồi,	K.QTKD; P.QLĐT; P.KT- ĐBCL- TT&PC;	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		rubric,...			
		Yêu cầu mỗi GV xây dựng bài đánh giá đầu vào đơn giản (có thể là phiếu khảo sát, trắc nghiệm nhanh, câu hỏi mở) cho từng học phần – tập trung vào kiến thức nền và kỹ năng liên quan.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát lại các quy trình chung để xây dựng CTĐT. Trong đó có hướng dẫn về xây dựng, tổ chức các phương pháp KTĐG người học phù hợp hơn và đồng bộ hơn giữa các môn học.	P.QLĐT; K.QTKD	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục áp dụng đa dạng hình thức đánh giá (trắc nghiệm, tự luận, báo cáo nhóm, thuyết trình, mô phỏng...). Giữ nguyên cách linh hoạt đánh giá của các môn thực hành, nhất là các môn có tổ chức đi thực tế hoặc mô phỏng logistics thực chiến.		Theo học kỳ của năm học	
		- Tăng sự chủ động cho SV. - Hướng dẫn SV ngay từ đầu học kỳ hiểu rõ từng môn sẽ đánh giá theo cách nào – qua bảng hướng dẫn cụ thể và nói rõ trong buổi học đầu tiên. Đồng thời, khuyến khích SV tự phản biện, tự nhận xét lẫn nhau trong một số môn.		Định kỳ	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.2 Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm

thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT ban hành đầy đủ tài liệu, hướng dẫn về kiểm tra – đánh giá, quy định rõ thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, các hình thức/phương pháp và cơ chế phản hồi cho đánh giá kết quả học tập của người học qua Quy chế đào tạo ĐH, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường và trong ĐCHP của CTĐT **[H5.05.02.01]**. Quy chế đào tạo đại học (Chương III) cũng nêu cụ thể các nội dung này, đảm bảo thống nhất trong đánh giá kết quả học tập của người học. Cụ thể, mỗi học phần được đánh giá qua 3 phần: điểm chuyên cần (10%) – đánh giá mức độ tham gia quá trình học; điểm giữa kỳ (30%) – qua kiểm tra, bài tập, thảo luận...; điểm cuối kỳ (60%) các hình thi tập trung, tiểu luận, thuyết trình nhóm,... Kết quả tính theo thang điểm 10 và quy đổi sang điểm 4; Từ năm học 2021–2022, điều kiện dự thi cuối khóa được điều chỉnh linh hoạt hơn: SV chỉ cần đạt từ 4 điểm chuyên cần và tối thiểu 0,5 điểm kiểm tra giữa kỳ. Ngoài ra, lịch trình công bố kết quả các hoạt động như thực tập, khóa luận tốt nghiệp cũng được quy định rõ trong kế hoạch từng đợt; Các phương pháp, hình thức, thời điểm kiểm tra (giữa kỳ, cuối kỳ), trọng số và tiêu chí đánh giá cụ thể trong ĐCHP để SV chủ động học tập. **[H5.05.02.02]**.

Kỳ thi kết thúc học phần được tổ chức trong vòng 10-15 ngày sau khi môn học kết thúc, theo kế hoạch của Phòng QLĐT. Từ năm học 2019–2020, Trường tổ chức 1 kỳ thi chính mỗi học kỳ **[H5.05.02.01]**, **[H5.05.02.03]**.

Về cơ chế phản hồi, SV có thể phản hồi trực tiếp với GV về kết quả đánh giá quá trình trong tuần cuối của môn học. Đối với điểm thi kết thúc học phần, SV có thể thực hiện phúc khảo thông qua Khoa và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC theo quy trình được hướng dẫn **[H5.05.02.01]**.

Các thông tin liên quan đến đánh giá học tập như quy định, phương pháp, cách tính điểm, phản hồi... đều được công bố công khai trên website Trường, hệ thống email SV, Sổ tay SV và tại các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa học, họp đầu năm của Khoa QTKD và yêu cầu bắt buộc mỗi GV phải công bố cho SV ngay tại buổi học đầu tiên của mỗi học phần **[H5.05.02.04]**, **[H5.05.02.05]**.

2. Điểm mạnh:

Các quy định, tài liệu hướng dẫn về KTĐG kết quả học tập có đầy đủ nội dung thông tin cần thiết và kế hoạch kiểm tra, đánh giá được xây dựng rõ ràng, công khai đến SV ngay từ đầu khóa, học kỳ và từng môn học.

Khoa và cố vấn học tập phối hợp với Phòng QLĐT phổ biến, hướng dẫn SV nắm rõ và thực hiện đúng quy định KTĐG kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV chưa quan tâm đúng mức đến quy định đánh giá được phổ biến đầu khóa, nên còn thiếu chủ động trong việc theo dõi kết quả học tập, chỉ hỏi lại khi có nhu cầu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	GV chủ nhiệm, cố vấn học tập tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng để phổ biến các quy định và hướng dẫn SV theo dõi, đánh giá kết quả học tập. Hướng dẫn SV nếu có thắc mắc thì trước hết phải tự tìm hiểu trong Sổ tay SV/hỏi bạn bè/tham khảo trên website trường trước khi liên hệ với Khoa/Trường.	K.QTKD	Định kỳ đầu năm học và hàng tháng (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên cập nhật quy định mới của Bộ GDĐT và các điều chỉnh trong CTĐT để kịp thời xây dựng, điều chỉnh các quy định về kiểm tra, đánh giá và trong ĐCHP đảm bảo phù hợp và đo lường đúng mức độ đạt CDR.	P.QLĐT; K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		Đồng thời phổ biến rõ ràng, chi tiết để tất cả SV nắm rõ về quy chế, cách thức thi khi kết thúc học phần vào đầu khóa học, học kỳ, môn học.			

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.3 Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

1. Mô tả hiện trạng:

Trong quy chế đào tạo, quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường đã quy định, hướng dẫn rõ ràng về phương pháp KTĐG kết quả học tập, với nhiều hình thức như: kiểm tra viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, bài tập cá nhân/nhóm, thuyết trình, tiểu luận, đồ án, báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp... **[H5.05.03.01]**.

GV được quyền lựa chọn tổ hợp phương pháp KTĐG phù hợp với mục tiêu, nội dung và đặc điểm của học phần. Các phương pháp này được quy định trong bản mô tả CTĐT và ĐCHP, phổ biến rõ ràng cho SV trước khi bắt đầu môn học. Hình thức thi, đánh giá cuối học phần phải được duyệt và nộp về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC ngay đầu học kỳ **[H5.05.03.02]**.

Việc đánh giá đảm bảo tính khách quan và công bằng như: GV có kế hoạch rõ ràng, công bố điểm quá trình, có sổ theo dõi, đối chiếu minh bạch. Đề thi được phê duyệt căn cứ vào CDR và các yêu cầu đã nêu trong ĐCHP đảm bảo độ giá trị và được niêm phong nộp về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC trước khi kết thúc giảng dạy học phần; bài thi được rọc phách và chấm bởi 02 GV theo đáp án thống nhất để đảm bảo độ tin cậy **[H5.05.03.03]**. Kết quả được công bố trên hệ thống có mã bảo mật cá nhân của SV **[H5.05.03.04]**. SV có thời gian 01 tuần để phản hồi các khiếu nại nếu có và Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ phối hợp với Khoa để xử lý hồ sơ phúc khảo, khiếu nại, chấm thi lại như chấm lần 01 **[H5.05.03.05]**. Tỷ lệ số bài thi xin chấm phúc khảo các năm qua rất ít, cho thấy đa số SV Khoa QTKD hài lòng với tính chính xác và đánh giá công bằng của

kết quả thi. Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa QTKD tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (*SV, cựu SV, GV*) về các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá và có trên 80% hài lòng về tiêu chí này [H5.05.03.06].

Sau mỗi học kỳ, Phòng QLĐT phối hợp với Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành phân tích phổ điểm thi của tất cả các học phần, đặc biệt những học phần có phổ lệch bất thường. Kết quả phân tích được gửi về Khoa để rà soát, điều chỉnh hình thức đánh giá phù hợp. Khoa QTKD căn cứ trên dữ liệu do Phòng KT-ĐBCL-TT&PC cung cấp để tiến hành phân tích sâu hơn về kết quả học tập của các học phần của ngành Log&QLCCU để đưa ra giải pháp điều chỉnh đề thi hoặc hình thức thi qua các cuộc họp chuyên môn, tổng kết mỗi học kỳ... [H5.05.03.07].

2. Điểm mạnh:

Khoa QTKD áp dụng đa dạng phương pháp và hình thức đánh giá kết quả học tập; nội dung KTĐG bám sát vào yêu cầu CĐR của mỗi môn học đảm bảo độ giá trị; quá trình KTĐG thực hiện đúng quy trình, đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng, phù hợp với đặc thù ngành Log&QLCCU.

3. Điểm tồn tại:

Một số GV vẫn còn lúng túng trong việc thiết kế tiêu chí đánh giá các yêu cầu liên quan kỹ năng mềm, mức độ tự chủ và trách nhiệm hoặc làm việc nhóm.

Việc phân tích phổ điểm thi tuy có thực hiện thường xuyên, nhưng chưa khai thác triệt để để điều chỉnh phương pháp đánh giá cho một số học phần đặc thù.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề cho GV về xây dựng tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm, thuyết trình, làm việc nhóm.	K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		Tăng cường sử dụng kết quả phân tích phổ điểm để điều chỉnh đề thi, cách thức đánh giá; đưa vào nội dung hợp chuyên môn định kỳ.	K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống đánh giá.	K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	
		Mở rộng khảo sát ý kiến SV về phương pháp đánh giá của từng học phần để hoàn thiện và cải tiến phù hợp thực tiễn người học.	K.QTKD	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành đầy đủ các quy định liên quan đến kiểm tra, đánh giá và phản hồi kết quả học tập cho người học [H5.05.04.01]. Theo đó, điểm đánh giá quá trình được GV công bố trên lớp trước khi kết thúc lịch giảng của học phần đó, GV giải đáp thắc mắc và giải quyết các khiếu nại của SV về điểm thành phần nếu có và nộp bảng điểm quá trình về văn phòng Khoa vào tuần kết thúc học phần để chuyển cho Phòng QLĐT kiểm tra điều kiện được dự thi kết thúc học phần của SV, điểm thi kết thúc học phần được công bố chậm nhất sau 14 ngày. Với hình thức thi trắc nghiệm hoặc vấn đáp, SV được biết điểm ngay sau khi kết thúc bài/ca thi. Nếu chưa hài lòng với kết quả, SV có thể khiếu nại, phúc khảo và sẽ được phản hồi trong vòng 10 ngày kể từ khi nộp đơn [H5.05.04.01].

Từ năm học 2021–2022, điều kiện dự thi cuối khóa được điều chỉnh linh hoạt hơn: SV chỉ cần đạt từ 4 điểm chuyên cần và tối thiểu 0,5 điểm kiểm tra giữa kỳ. Ngoài ra, lịch trình công bố kết quả các hoạt động như thực tập, khóa luận tốt nghiệp cũng được

quy định rõ trong kế hoạch từng đợt [H5.05.04.02].

Thông tin phản hồi kết quả học tập được công bố công khai qua nhiều kênh như website Trường, Khoa, Sổ tay SV, hệ thống email nội bộ,...[H5.05.04.03]. Kết quả từng học phần, học kỳ được cập nhật trên cổng thông tin đào tạo – chỉ cá nhân SV có tài khoản truy cập mới xem được. Đồng thời, Phòng QLĐT cũng gửi báo cáo tổng hợp cho Khoa theo dõi và lưu bảng điểm giấy có xác nhận để đối chiếu khi cần [H5.05.04.04].

Kết quả học tập còn được sử dụng để cố vấn học tập hỗ trợ SV yếu kém. Cố vấn và Ban cán sự lớp thường xuyên tổ chức họp lớp để lắng nghe ý kiến phản hồi của đại diện SV về các hoạt động giảng dạy, học tập, thi cử, về khóa học, về cơ sở vật chất, chất lượng GV và cán bộ Khoa...trong đó có nội dung liên quan đến phản hồi kết quả học tập [H5.05.04.05].

SV được khảo sát ý kiến định kỳ qua hệ thống online của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, cả khi kết thúc học phần và kết thúc khóa học. Từ năm 2020-2024, tỷ lệ SV hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá luôn duy trì ở mức cao (91%–97%). Tuy nhiên, năm học 2023–2024 ghi nhận mức giảm nhẹ (học kỳ 1 đạt 86,4%; học kỳ 2 đạt 84,4%) do CTĐT và phương pháp KTĐG đang được đổi mới theo hướng hiện đại hơn, SV cần thêm thời gian để thích nghi [H5.05.04.06]. Kết quả khảo sát được gửi về các Khoa để làm cơ sở điều chỉnh hoạt động đào tạo và đánh giá ngày càng phù hợp hơn [H5.05.04.07].

Bảng 5.2. Tỷ lệ % mức độ hài lòng của SV về hoạt động KTĐG kết quả học tập SV của GV khoa QTKD qua các học kỳ

Mức độ	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
Hài lòng	94.1	94.9	95.3	97	94.2	96.6	84.6	84.4	83.4	-
Không hài lòng	2.1	2.4	2.9	1.8	5	2.7	4	3.9	5.1	-

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống văn bản, quy định rõ ràng về công bố kết quả kiểm tra, đánh giá và việc phản hồi của người học. Kết quả học tập được phản hồi kịp thời, đầy đủ và chính xác, giúp SV theo dõi tiến độ và điều chỉnh kế hoạch học tập hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Công tác chấm bài thi đôi khi có sự chậm trễ do một số GV thỉnh giảng từ TP.HCM ra phải sắp xếp lịch trình công việc và chưa hoàn thành đúng theo đúng kế hoạch được triển khai.

Vẫn còn SV chưa nắm rõ quy trình khiếu nại điểm.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa thường xuyên theo dõi nhắc nhở các GV chấm thi và gửi điểm đúng hạn để việc thông báo kết quả học tập cho SV đúng quy định.	K.QTKD;	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
		Cố vấn học tập, GVCN, GV giảng dạy phổ biến lại quy định về phản hồi kết quả trong các buổi sinh hoạt đầu năm học/học phần.	CVHT/ GVCN	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản, quy định, quy trình về kiểm tra đánh giá người học. Công bố kết quả học tập của người học kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo.	P.QLĐT; P.KT-ĐBCL-TT&PC; K.QTKD	Hàng năm, từ 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 5.5 Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn quy trình khiếu nại kết quả học tập trong Quy chế học vụ, quy trình thi học kỳ, quy trình xét tốt nghiệp với biểu mẫu cụ thể. Những nội dung này được phổ biến công khai tới SV trước mỗi khóa học,

học kỳ, học phần thông qua website, cẩm nang SV, email nội bộ, và các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa **[H5.05.05.01]**.

SV có quyền khiếu nại về điểm đánh giá quá trình trực tiếp với GV phụ trách học phần khi công bố điểm trên lớp. Sau khi bảng ghi điểm này đã được nộp cho Phòng QLĐT, SV không còn quyền khiếu nại về cột điểm quá trình nữa. SV có thể nộp đơn xin phúc khảo bài thi cuối kỳ cho Khoa QTKD trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ ngày Phòng QLĐT công bố kết quả thi. Đối với các môn thi vấn đáp, thực hành, thi trắc nghiệm trên máy tính thì SV sẽ khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy/chấm thi nếu có. Việc tổ chức chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo quy định chấm phúc khảo hiện hành của Trường. Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng điểm thi đã công bố và điểm được nhập trên phần mềm quản lý học vụ, SV có trách nhiệm thông báo và đề nghị Phòng KT-ĐBCL-TT&PC kiểm tra lại và trả lời cho SV về kết quả kiểm tra. Trong vòng 10 ngày kể từ khi nộp đơn phúc khảo, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ thông báo kết quả phúc khảo cho Khoa, SV và Phòng QLĐT để cập nhật điểm (nếu có). Hồ sơ khiếu nại, phúc khảo của SV và kết quả phúc khảo của SV được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC thống kê, lưu trữ đầy đủ và có file dữ liệu tổng hợp để quản lý **[H5.05.05.02]**.

Các quy định này được phổ biến công khai đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo Khoa, GV và SV biết để thực hiện như: website của Trường, Khoa QTKD, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, cẩm nang SV, vào các buổi sinh hoạt công dân đầu năm học... **[H5.05.05.03]**, **[H5.05.05.04]**, **[H5.05.05.05]**. Mặt khác, các phòng ban liên quan và cán bộ, GV Khoa QTKD luôn quan tâm hướng dẫn và giải quyết nhanh chóng, tốt nhất các khiếu nại hoặc thắc mắc của người học về kết quả học tập của mình. Như vậy, người học hoàn toàn dễ dàng tiếp cận và thực hiện việc khiếu nại về kết quả học tập của mình nếu có.

2. Điểm mạnh:

Quy trình khiếu nại rõ ràng, minh bạch và được phổ biến đầy đủ cho người học thường xuyên. SV được hỗ trợ kịp thời, giải quyết các thắc mắc hiệu quả, tạo niềm tin trong học tập.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV chưa nắm kỹ quy trình do chưa thực sự quan tâm khi được phổ biến,

dẫn đến lúng túng khi cần thực hiện quyền khiếu nại.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức sinh hoạt đầu năm/học kỳ để phổ biến quy trình khiếu nại, phúc khảo. Cập nhật thông tin trên website Khoa, email nội bộ, cẩm nang SV.	K.QTKD; P.CTCTSV &HTDN	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật hệ thống văn bản, quy định về đánh giá, công bố kết quả học tập cho SV.	K.QTKD	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
		Hướng dẫn và giải quyết sớm các vấn đề khiếu nại của SV về kết quả học tập, kết hợp hình thức trực tuyến.	K.QTKD		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Hoạt động đánh giá kết quả học tập người học của ngành Log&QLCCU' từ khâu tuyển sinh đầu vào đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp bám sát các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nhà trường có quy định rõ ràng về KTĐG kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về KTĐG được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học.

Khoa QTKD áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với ngành Log&QLCCU'.

Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa QTKD dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình và luôn quan tâm giải quyết

tốt việc khiếu nại về kết quả học tập trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại Trường dưới nhiều hình thức.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Vẫn còn một vài trường hợp một số môn học mới bổ sung/điều chỉnh trong CTĐT chưa được tiến hành phân tích chính xác nên chọn lựa thi kết thúc học phần theo hình thức nào là phù hợp nhất nên có thay đổi hình thức thi so với ĐCCT. Một số GV thỉnh giảng của Khoa QTKD từ TP.HCM ra giảng dạy nên công tác ra chấm bài sau thi đôi lúc còn chưa kịp thời.

Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về KTĐG khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 5:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 5 có 05 tiêu chí, trong đó có 01 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 04 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu:

Công tác xây dựng và phát triển đội ngũ GV được xác định là nhiệm vụ xuyên suốt, được thực hiện một cách có hệ thống, không mang tính ngắn hạn hay thời vụ. Hoạt động này được triển khai đồng bộ trong toàn Trường và từng đơn vị chuyên môn như Khoa, Phòng, Ban.

Tại Khoa QTKD, đội ngũ GV được tuyển dụng đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định. Bên cạnh đó, đội ngũ này còn có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công. Quá trình tuyển dụng được thực hiện công khai, minh bạch, tuân thủ đúng các quy định hiện hành của Nhà trường và các văn bản pháp lý liên quan.

Sau khi tuyển dụng, việc phân công giảng dạy và phân bổ nhiệm vụ cho GV được thực hiện dựa trên sự phù hợp về chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng sư phạm của

từng cá nhân. Nhà trường áp dụng cơ chế quản lý theo kết quả công việc, kết hợp với chính sách ghi nhận thành tích nhằm tạo động lực cho GV trong thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và tham gia các hoạt động PVCD.

Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ GV, NCV được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Tại UPT, công tác tuyển dụng và bồi dưỡng đội ngũ GV được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, đóng vai trò then chốt trong việc triển khai sứ mạng và thực hiện mục tiêu phát triển của Trường. Trên cơ sở các chiến lược phát triển giai đoạn 2020–2025 (tầm nhìn đến năm 2040) [H6.06.01.01]. Nhà trường đã xây dựng quy hoạch nhân sự có hệ thống nhằm bảo đảm nguồn lực phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD. Kế hoạch nhân sự chiến lược được cụ thể hóa với mục tiêu hoàn thiện cơ cấu, nâng cao chất lượng, hiện đại hóa và chuẩn hóa đội ngũ CBGVNV, phù hợp với mô hình đại học tư thực định hướng ứng dụng [H6.06.01.02].

Hằng năm, Nhà trường căn cứ vào chiến lược nhân sự để xác định mục tiêu cụ thể và xây dựng các nhóm giải pháp phù hợp cho công tác tuyển dụng, thu hút nhân lực chất lượng cao [H6.06.01.03]. Đề án tuyển sinh cũng được lồng ghép vào kế hoạch dự báo quy mô đào tạo, từ đó phân bổ chỉ tiêu nhân sự về các đơn vị. Quá trình triển khai và giám sát được giao cho Phòng TC-HC phụ trách, bảo đảm thống nhất và hiệu quả. Khoa QTKD đã xây dựng kế hoạch chiến lược 5 năm (2020–2025) nhằm phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ kế thừa, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Hoạt động tuyển dụng được điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ để phù hợp với yêu cầu chất lượng và xu thế đổi mới giáo dục đại học [H6.06.01.04].

Đối với ngành Log&QLCCU, đội ngũ GV được quy hoạch theo các hướng chuyên môn cụ thể liên quan đến ngành đào tạo. Nhà trường và lãnh đạo Khoa luôn chú trọng đảm bảo cả số lượng và chất lượng GV. Ngoài đội ngũ cơ hữu có trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm giảng dạy thực tế, Khoa còn mời các GV là PGS, Tiến sĩ, ThS từ các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ và nước ngoài tham gia giảng dạy, hướng dẫn khóa luận và hỗ trợ nghiên cứu. Hoạt động mời giảng không chỉ nhằm tăng cường kiến thức chuyên môn mà còn góp phần truyền đạt phương pháp,

phong cách giảng dạy hiện đại **[H6.06.01.05]**.

Chính sách quy hoạch cán bộ lãnh đạo, GV được Nhà trường triển khai có định hướng dài hạn và có lộ trình cụ thể, hướng đến chuẩn hóa và nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo. Quy trình tuyển dụng được quy định chi tiết, minh bạch, có sự tham gia xét chọn của tập thể nhằm bảo đảm lựa chọn đúng người, đúng việc. Thông tin tuyển dụng được công khai rộng rãi trên website chính thức của Trường và các phương tiện truyền thông đại chúng **[H6.06.01.06]**.

Ngoài ra, Trường đã ban hành quy trình mời giảng và quản lý hoạt động giảng dạy, kèm theo biểu mẫu hướng dẫn chi tiết. Với mỗi vị trí tuyển dụng, đều có bộ tiêu chí riêng, trong đó các chức danh cán bộ quản lý phải được xét duyệt qua Hội đồng Trường, BGH và Hội đồng tuyển dụng để bảo đảm cả trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức nghề nghiệp **[H6.06.01.07]**.

Hoạt động bồi dưỡng đội ngũ cũng được triển khai đồng bộ. GV mới được tuyển dụng đều được hỗ trợ nâng cao chuyên môn để đáp ứng yêu cầu CTĐT. Đồng thời, các chính sách khen thưởng và thi đua cũng được thực hiện thường xuyên nhằm ghi nhận và khuyến khích những cá nhân có thành tích trong giảng dạy và NCKH **[H6.06.01.07]**.

Việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc nghỉ hưu được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Lao động hiện hành, đồng thời được thể hiện rõ trong nội quy lao động, quy chế trả lương và từng hợp đồng lao động **[H6.06.01.08]**.

Công tác dự báo, quy hoạch và lập kế hoạch nhân sự của Khoa được thực hiện định kỳ, được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch nhiệm vụ năm học mới. Việc rà soát đội ngũ lãnh đạo Khoa, ngành được thực hiện thường xuyên, nhằm bảo đảm tính kế thừa, ổn định và phù hợp với chiến lược phát triển nhân sự chung của Nhà trường **[H6.06.01.09]**, **[H6.06.01.10]**.

2. Điểm mạnh:

Chiến lược phát triển nhân sự luôn được hoạch định một cách bài bản, gắn liền giữa tầm nhìn dài hạn của Nhà trường với điều kiện thực tiễn đang hiện hữu. Riêng tại Khoa QTKD, các mục tiêu và giải pháp cụ thể trong công tác nhân sự không chỉ dừng lại ở lý thuyết, mà được cụ thể hóa bằng những kế hoạch tuyển dụng GV một cách chủ động và linh hoạt, bám sát nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.

Bên cạnh đó, việc quy hoạch và bổ nhiệm đội ngũ cán bộ quản lý cũng được triển khai bài bản, bảo đảm tính kế thừa và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, trong khuôn khổ điều kiện đặc thù của Trường. Mỗi quy trình tuyển dụng, mỗi tiêu chuẩn đặt ra cho từng vị trí đều được xây dựng rõ ràng, công khai và minh bạch, qua đó tạo ra nền tảng vững chắc để lựa chọn được những ứng viên có năng lực thực sự, sẵn sàng đóng góp hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD mà Nhà trường và Khoa đã đặt ra trong sứ mạng phát triển của mình.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng GV cơ hữu trong Khoa còn chưa đủ mạnh trong tất cả các bộ môn, cần tuyển dụng thêm GV có đủ trình độ, phẩm chất, ưu tiên GV trẻ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Chú trọng hơn nữa về việc tuyển dụng GV nhằm đáp ứng việc nâng cao chất lượng giảng dạy và NCKH của GV. Tăng cường tuyển dụng số lượng GV cơ hữu trong Khoa QTKD.	- BGH; - P.TC-HC; - K.QTKD; - P.QLĐT	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường công tác chiến lược nhân sự với kế hoạch tuyển dụng tuyển dụng rõ ràng, minh bạch, mang lại hiệu quả cao đội ngũ GV có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD. Đảm bảo quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường.	- BGH; - P.TC-HC; - K.QTKD; - P.QLĐT	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động PVCĐ.

1. Mô tả hiện trạng:

Xuất phát từ kế hoạch phát triển chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ và xây dựng đội ngũ kế thừa, cùng với nhu cầu đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ, hằng năm Trường và Khoa QTKD đã tổ chức công tác tuyển dụng GV một cách chủ động và bài bản. Việc tuyển chọn luôn bám sát yêu cầu chuyên môn, góp phần đáp ứng đầy đủ mục tiêu đào tạo, NCKH, các hoạt động PVCĐ của Khoa [H6.06.02.01].

Hằng năm, Khoa chủ động mời GV thỉnh giảng có học vị cao, giàu kinh nghiệm từ các trường đại học uy tín như Đại học Ngoại Thương, HUTECH, Tây Đô... nhằm bổ sung nguồn lực giảng dạy chất lượng. Tỷ lệ SV/GV của ngành Log&QLCCU' luôn đáp ứng đúng quy định của Bộ GDĐT [H6.06.02.02].

Đội ngũ GV của Khoa có độ tuổi trung bình là 45, trong đó 63% thuộc nhóm 30–50 tuổi, thể hiện cơ cấu nhân sự trẻ, năng động và có tính kế thừa. Mặc dù số lượng GV cơ hữu giảm nhẹ do biến động thị trường lao động và sự sụt giảm tạm thời về số lượng SV ngành Log&QLCCU', nhưng tỷ lệ SV/GV vẫn đáp ứng yêu cầu của Bộ GDĐT và đảm bảo chất lượng đào tạo. Khoa/Trường giám sát định kỳ để chủ động điều tiết nhân sự và tổ chức bồi dưỡng GV phù hợp với nhu cầu giảng dạy, nghiên cứu và PVCĐ [H6.06.02.02], [H6.06.02.03].

Để bảo đảm tính khoa học và minh bạch trong quản lý giảng dạy và nghiên cứu, Nhà trường đã ban hành Quy định về chế độ làm việc của GV, trong đó quy định rõ các nguyên tắc quy đổi giờ giảng dạy, thời lượng công việc chuẩn, cùng với hướng dẫn chi tiết về tiết nghĩa vụ, tiết miễn giảm, khối lượng công việc và thời gian hoàn thành. Căn cứ vào các chức danh khác nhau, định mức giảng dạy và nghiên cứu được xác định rõ ràng: mỗi GV phải hoàn thành tối thiểu 350 giờ chuẩn giảng dạy và 100 giờ chuẩn NCKH trong năm học [H6.06.02.04].

Bên cạnh đó, GV còn tham gia các công việc hỗ trợ quan trọng như biên soạn tài liệu học tập, hướng dẫn SV NCKH, viết ĐCHP, tham gia xây dựng, cập nhật và cải tiến CTĐT, đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập, chấm thi và tham gia các hoạt động đoàn thể.

Về NCKH, Trường/Khoa phân công nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn và học vị của từng người, bao gồm thực hiện đề tài cấp trường, viết bài báo khoa học, tham gia hội thảo chuyên ngành, biên soạn tài liệu hoặc hướng dẫn SV thực hiện đề tài nghiên cứu **[H6.06.02.05]**.

Toàn bộ nội dung công việc của GV được cụ thể hóa thông qua bảng mô tả vị trí việc làm, giúp mỗi cá nhân phát huy năng lực, tăng cường tính chủ động và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, từ đó nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Trường thường xuyên khảo sát ý kiến phản hồi của GV về khối lượng công việc, và phần lớn phản hồi đều cho thấy sự hài lòng với mức độ phân bổ nhiệm vụ hiện nay **[H6.06.02.06]**.

Kết thúc mỗi năm học, trên cơ sở chức danh và nhiệm vụ được giao, từng CBGV thực hiện bản tự đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Bản tự đánh giá này sẽ được rà soát ở cấp Bộ môn, sau đó chuyển lên Khoa QTKD và cuối cùng là Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp Trường thẩm định, đánh giá và xét khen thưởng. Việc đánh giá được thực hiện dựa trên số liệu giảng dạy do Phòng QLĐT thống kê, khối lượng NCKH do Phòng QLKH&HTQT tổng hợp. Căn cứ vào các số liệu này, Phòng KH-TC tiến hành tính toán, thanh toán phần thù lao vượt giờ cho GV, bảo đảm quyền lợi tương xứng với đóng góp chuyên môn **[H6.06.02.07]**.

Với các GV hết hạn hợp đồng, quy trình tái ký hoặc chấm dứt hợp đồng được thực hiện công khai. Họ cần nộp báo cáo công việc, có ý kiến đánh giá của lãnh đạo và tập thể GV Khoa gửi về Phòng TC-HC để tiến hành gia hạn hoặc kết thúc hợp đồng, đảm bảo đúng quy định và công bằng trong đội ngũ. Toàn bộ dữ liệu giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động liên quan đều được thống kê và tổng hợp hàng năm, không chỉ phục vụ cho công tác chi trả, mà còn làm cơ sở cho việc hoạch định nhân sự chiến lược trong những năm tiếp theo **[H6.06.02.08]**.

2. Điểm mạnh:

Đội ngũ GV Khoa QTKD đảm bảo về tỷ lệ GV/NH theo quy định, GV có chuyên môn vững, giàu kinh nghiệm và phẩm chất nghề nghiệp tốt, luôn tận tụy trong giảng dạy, nghiên cứu và PVCD.

Nhà trường có quy định về nhiệm vụ, khối lượng công việc của GV, áp dụng hệ thống tiêu chí rõ ràng để giám sát khối lượng công việc, làm cơ sở đánh giá, thi đua và

khen thưởng khách quan, minh bạch, góp phần nâng cao động lực và năng lực của đội ngũ GV.

3. Điểm tồn tại:

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được đo lường, giám sát nhưng chủ yếu được sử dụng để đánh giá mức hoàn thành công việc, xét thi đua, chưa khai thác, sử dụng đúng mức dữ liệu này để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Trường/Khoa xây dựng và ban hành các quy định về việc sử dụng kết quả đo lường, giám sát khối lượng công việc của đội ngũ GV cụ thể hơn về cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. - Khoa đề xuất tuyển dụng thêm GV cơ hữu, gia bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh đáp ứng yêu cầu của chương trình quốc tế theo định hướng của Nhà trường. Tăng cường đẩy mạnh hoạt động NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV.	- BGH; - K.QTKD; - P.TC-HC	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường đội ngũ GV của Khoa QTKD có thâm niên công tác, kinh nghiệm giảng dạy lâu năm để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ.	- BGH; - K.QTKD; - P.QLĐT	Hàng năm (từ 2025-2026)	
		Phát huy tiêu chí rõ ràng, minh	- P.TCHC;	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		bạch trong công tác tuyển dụng. Có tiêu chí rõ ràng để đo lường giám sát khối lượng công việc của GV, làm căn cứ để đánh giá thi đua khen thưởng vào cuối năm học.	- K.QTKD; - P.QLĐT	(từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường triển khai công tác tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV trên cơ sở ban hành Quy chế về tuyển dụng, thu hút, đãi ngộ, đào tạo và bồi dưỡng nhân sự có tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, chặt chẽ, xem xét đồng thời các yếu tố như học vị, học hàm, năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Đối với các vị trí cán bộ quản lý cốt cán, quy trình tuyển dụng được thiết kế theo tiêu chuẩn chi tiết, được công khai và tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ đội ngũ CBGVNV trong toàn Trường **[H6.06.03.01]**.

Tiêu chuẩn chung đối với ứng viên GV bao gồm: lý lịch rõ ràng, phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn từ ThS trở lên, đúng chuyên ngành đào tạo. Về ngoại ngữ, ứng viên phải đạt bậc 3 (B1) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản. Bên cạnh đó, ứng viên cần có khả năng NCKH, sức khỏe phù hợp, và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm **[H6.06.03.02]**.

Nhà trường đồng thời ban hành quy trình bổ nhiệm, điều chuyển và sắp xếp nhân sự theo hướng chuyên môn hóa, bài bản và đồng bộ. Việc phân công đảm bảo hợp lý, nhằm khuyến khích nhân sự phát triển theo năng lực thực tế và định hướng chuyên môn đào tạo **[H6.06.03.03]**.

Công tác quy hoạch đội ngũ quản lý Khoa được thực hiện công khai, minh bạch, tuân thủ nguyên tắc dân chủ. Nhà trường chú trọng lựa chọn cán bộ có năng lực chuyên

môn, phẩm chất đạo đức và uy tín để đảm nhận các vị trí quản lý. Quy trình đề bạt, bổ nhiệm và miễn nhiệm được thực hiện đúng quy định, được thẩm định bởi Hội đồng Trường và phê duyệt bởi BGH. Giai đoạn 2020-2025, Ban Lãnh đạo Nhà trường đã theo dõi sát quá trình bổ nhiệm và điều chuyển nhân sự tại các đơn vị, đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu đào tạo và phát huy đúng sở trường của từng cán bộ **[H6.06.03.04]**.

Quy trình tuyển dụng GV được tổ chức nghiêm túc, đảm bảo tính minh bạch và khách quan. Các nội dung tuyển dụng gồm chức danh, mô tả công việc, tiêu chí về năng lực, phẩm chất và kỹ năng đều được công khai thông qua các kênh thông tin chính thức như website Nhà trường, hệ thống thư điện tử nội bộ, các website của phòng/khoa liên quan và các phương tiện truyền thông đại chúng. Nhà trường khuyến khích sự tham gia của toàn thể CBGVNV trong quá trình xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm và đánh giá thông qua việc phát phiếu khảo sát, thông báo lấy ý kiến đóng góp và tổ chức thảo luận tại đại hội công đoàn hoặc hội nghị người lao động hàng năm **[H6.06.03.05]**.

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển dụng GV cũng như công tác bổ nhiệm CBQL của Khoa QTKD hàng năm được Nhà trường tổ chức nghiêm túc, theo đúng quy định, tuân thủ theo các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và được phổ biến công khai.

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại, trình độ tiếng Anh và năng lực NCKH và việc tham gia PVCD của GV của Khoa QTKD còn chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường công tác tuyển dụng thêm GV cơ hữu, GV thỉnh giảng đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn trường yêu cầu.	- P.TC-HC; - P.QLĐT; - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		Khoa tăng cường tổ chức các hoạt động, phong trào NCKH và PVCĐ cho GV của Khoa hằng năm.			
2	Phát huy điểm mạnh	Phát huy tính nghiêm túc và minh bạch trong công tác tuyển dụng GV, cũng như công tác bổ nhiệm CBQL của Khoa/Trường theo đúng quy định, tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể và được phổ biến công khai trong toàn Trường.	- P.TC-HC; - P.QLĐT; - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định rõ ràng nhằm xác lập các tiêu chí đánh giá năng lực chuyên môn của GV. Các tiêu chí này bao gồm năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và tổ chức thực hiện CTĐT; năng lực lựa chọn và áp dụng PPDH, KTĐG phù hợp với CDR của từng học phần; năng lực ứng dụng CNTT trong giảng dạy; khả năng tự giám sát và đánh giá hiệu quả công việc; tinh thần đóng góp cho cộng đồng [H6.06.04.01].

Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về phương thức và quy trình đánh giá năng lực GV. Các văn bản này hỗ trợ Khoa và các đơn vị chuyên môn trong việc giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ, xác định mức độ hoàn thành công việc và ghi nhận thành tích một cách khách quan, minh bạch. Trên cơ sở kết quả khảo sát và đánh giá, GV được phân loại cụ thể, là cơ sở để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo phù hợp với năng lực và định hướng phát triển nhân sự của Nhà trường [H6.06.04.02].

Hoạt động đánh giá năng lực được triển khai định kỳ hằng năm. Vào các dịp lễ quan trọng như ngày thành lập Trường, lễ khai giảng, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11

và lễ tổng kết năm học, những cá nhân và tập thể đạt thành tích xuất sắc trong đào tạo, NCKH và PVCĐ sẽ được tuyên dương, khen thưởng. Việc đánh giá được thực hiện nghiêm túc, dựa trên các tiêu chí về khối lượng và chất lượng nghiên cứu, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ tuân thủ nội quy và thái độ làm việc. Kết quả đánh giá của Hội đồng là cơ sở cuối cùng để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV trong năm học **[H6.06.04.03]**.

Cuối năm học, tất cả CBGVNV thực hiện bản tự đánh giá theo chức danh, nhiệm vụ và kế hoạch công tác cá nhân đã đăng ký từ đầu năm. Việc đánh giá được phân theo 4 mức độ: hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó, Bộ môn và Khoa tổ chức họp để bình xét thi đua theo đúng quy định, gửi kết quả về Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp Trường để xét duyệt **[H6.06.04.04]**.

Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến SV định kỳ hai lần mỗi năm, vào cuối mỗi học kỳ, nhằm thu thập thông tin phản hồi về hoạt động giảng dạy của GV. Đây là kênh thông tin quan trọng giúp Trường/Khoa QTKD theo dõi sát thực tiễn triển khai giảng dạy, kịp thời nhắc nhở, hỗ trợ và điều chỉnh đối với những GV còn hạn chế về năng lực chuyên môn. Thông qua đó, Trường/Khoa từng bước nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu. Kết quả thống kê từ các phiếu khảo sát cho thấy toàn bộ GV của Khoa đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ từ tốt trở lên. Hiện nay, đội ngũ GV áp dụng đa dạng phương tiện và PPDH, kết hợp linh hoạt các hình thức KTĐG phù hợp với đặc thù từng học phần và nhóm người học. Mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV Khoa QTKD được ghi nhận ở mức khá cao (>85%). Các dữ liệu thu thập từ khảo sát SV được Nhà trường và Khoa xử lý nghiêm túc, sử dụng làm căn cứ để điều chỉnh công tác bố trí, phân công GV giảng dạy phù hợp, nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo và đáp ứng đúng nguyện vọng học tập của người học **[H6.06.04.05]**.

2. Điểm mạnh:

Năng lực của đội ngũ GV thuộc Khoa QTKD luôn được xác định một cách cụ thể, rõ ràng và toàn diện, đáp ứng quy định hiện hành. Phương thức và quy trình đánh giá GV được triển khai thực hiện từ Bộ môn, Khoa một cách chi tiết giúp đo lường mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của từng cá nhân, từ đó phản ánh khách quan năng lực chuyên môn, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào hoạt động đào tạo, NCKH

cũng như PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Hiện tại năng lực NCKH của các GV trong Khoa chưa đồng đều do phải dành thời gian nhiều cho công tác giảng dạy và các hoạt động khác như rà soát CTĐT, đánh giá CTĐT.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nâng cao kỹ năng NCKH của GV, yêu cầu tất cả các GV trong Khoa phải xây dựng kế hoạch cụ thể, tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo tài liệu, chủ động dự các buổi sinh hoạt khoa học nghiệm thu các đề tài về NCKH của đồng nghiệp để học tập kinh nghiệm, tự nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân.	- K.QTKD; - P.QLKH &HTQT	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát việc đánh giá năng lực của GV hằng năm, xác định rõ ràng các phương thức, quy trình cụ thể. Thực hiện định kỳ đánh giá năng lực GV. Cải thiện chế độ khen thưởng đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ và có chế tài cụ thể với những GV không hoàn thành nhiệm vụ.	- P.TC-HC; - K.QTKD;	Hằng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, NCV được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, Phòng TC-HC có thông báo đến các khoa, đơn vị của Trường thực hiện rà soát và đăng ký nhu cầu về phát triển đội ngũ của đơn vị, nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ của đơn vị. Trên cơ sở đó, các kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng được xây dựng bài bản, rõ định hướng và sát với thực tiễn nhu cầu các khoa/CTĐT **[H6.06.05.01]**.

Nhằm bảo đảm hiệu quả và tính trọng tâm trong triển khai công tác đào tạo – bồi dưỡng, Nhà trường phối hợp với Khoa QTKD tổ chức khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo của GV một cách nghiêm túc. Việc phân tích nhu cầu dựa trên quy hoạch tổng thể về nguồn nhân lực, yêu cầu của vị trí việc làm và tiêu chuẩn của từng chức danh nghề nghiệp. Các kết quả khảo sát được tích hợp trong kế hoạch phát triển chuyên môn, gắn với lộ trình xây dựng đội ngũ kế thừa, đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và hiệu quả **[H6.06.05.02]**.

Trường đã triển khai các kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, đồng thời dành ngân sách cụ thể để đầu tư cho hoạt động phát triển nhân lực. Chính sách hỗ trợ cũng được áp dụng nhằm khuyến khích GV nâng cao trình độ. Các trường hợp học tập trung được miễn khối lượng giảng dạy và nghiên cứu, hỗ trợ học phí và vẫn được hưởng đầy đủ quyền lợi về lương **[H6.06.05.03]**.

Kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng được thiết kế phù hợp với CTĐT và định hướng chiến lược phát triển của Nhà trường. Công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV Khoa nói riêng và toàn Trường nói chung luôn được xác định rõ ràng và triển khai sát với nhu cầu thực tiễn, đặc biệt quan tâm đến đội ngũ GV trẻ mới tuyển dụng, nhằm giúp họ nhanh chóng thích nghi và định hướng công việc **[H6.06.05.04]**. Trường/Khoa cũng công khai các cơ hội học bổng quốc tế, tạo điều kiện để GV trẻ nâng cao trình độ và mở rộng góc nhìn học thuật **[H6.06.05.05]**.

Hoạt động đào tạo – bồi dưỡng nhận được sự hưởng ứng tích cực của đội ngũ CBGVNV. Hầu hết 100% GV tham gia các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ theo Kế hoạch của Trường.

Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Khoa/Phòng TC-HC tổng kết hàng năm để giám sát và đánh giá. Trên cơ sở đó, Nhà trường có điều chỉnh phù hợp, nâng cao hiệu quả triển khai trong các năm học tiếp theo

[H6.06.05.06].*2. Điểm mạnh:*

Trường/Khoa đã có xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của GV dựa trên nhu cầu của các khoa hằng năm;

Trường/Khoa đã triển khai các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và có những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi để các GV của Khoa tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tổng hợp kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV hằng năm để giám sát và đánh giá.

3. Điểm tồn tại:

Chưa có GV của Khoa được đề cử đi học tập, dự hội thảo ở nước ngoài, việc đào tạo cho đội ngũ GV chưa tương xứng với nhu cầu phát triển của Nhà trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa tiếp tục khuyến khích GV tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chương trình hợp tác quốc tế, các Hội thảo và NCKH trong và ngoài nước nhằm không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ của Khoa và của Trường nói chung.	- K.QTKD;	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường cần đẩy mạnh chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa để các GV tham gia học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, NCKH trong và ngoài nước.	- BGH; - P.TC-HC; - K.QTKD	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, NCV (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã xây dựng một hệ thống quy định đầy đủ và chặt chẽ để đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ GV trong các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCD. Phòng TC-HC là đơn vị được giao trách nhiệm trực tiếp theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc của CBGVNV mỗi năm học. Trên cơ sở các quy định chung của Nhà trường, Khoa QTKD đã chủ động xây dựng bảng mô tả công việc cụ thể cho từng vị trí quản lý và từng GV, bảo đảm phân công rõ ràng và phù hợp với năng lực, chuyên môn của từng cá nhân. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, GV còn được phân công thêm các nhiệm vụ như hướng dẫn thực tập, định hướng nghề nghiệp cho SV và hỗ trợ người học **[H6.06.06.01]**.

Các văn bản quy định được Nhà trường ban hành được cập nhật theo từng năm học, bao gồm nội quy lao động, chế độ làm việc của GV, quy định về NCKH với những yêu cầu rõ ràng về định mức giảng dạy, định mức số giờ NCKH tương ứng cho từng loại hình hoạt động để quản lý theo hướng định lượng hóa và tạo sự minh bạch trong đánh giá năng suất làm việc **[H6.06.06.02]**.

Nhà trường thực hiện mô hình quản trị theo kết quả công việc, thể hiện qua việc đầu mỗi học kỳ, Ban Chủ nhiệm Khoa QTKD tổ chức các buổi họp chuyên môn với trưởng ngành và toàn thể CBGV để phổ biến quy chế, triển khai kế hoạch công tác, đồng thời lắng nghe phản hồi từ các GV về những khó khăn trong công việc, những đề xuất cải tiến hoạt động giảng dạy, NCKH và công tác khác. Những phản ánh chính đáng được giải quyết ngay ở cấp Khoa; các vấn đề vượt thẩm quyền được tổng hợp và chuyển đến BGH trong các phiên họp giao ban định kỳ hằng tuần hoặc hằng tháng với sự tham gia đầy đủ của các BLQ **[H6.06.06.03]**.

Tháng 8 hằng năm, mỗi CBGV đều xây dựng kế hoạch công tác cá nhân cho năm học mới. Bản kế hoạch này bao gồm nội dung giảng dạy, các hoạt động NCKH (loại hình, đề tài, số lượng), kế hoạch nâng cao trình độ, các công tác chuyên môn, hành chính, đoàn thể và đăng ký danh hiệu thi đua. Đến cuối năm học, từng cá nhân lập bảng

tự đánh giá công tác dựa trên mức độ hoàn thành nghĩa vụ tiết chuẩn, khối lượng nghiên cứu đã thực hiện (từ bài báo đến báo cáo hội thảo, giáo trình, hướng dẫn khóa luận), tham gia hoạt động của Khoa, Trường và các công việc được giao.

Sau bước tự đánh giá, Khoa sẽ tổ chức họp bình xét thi đua ở cấp cơ sở, tiến hành bỏ phiếu chọn ra những cá nhân tiêu biểu để đề xuất Phòng TC-HC trình lên Hội đồng thi đua – khen thưởng cấp Trường để xét chọn và biểu dương **[H6.06.06.04]**.

Nhà trường luôn tạo điều kiện để tất cả CBGV được tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng quy chế, tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, Nhà trường phát phiếu khảo sát đến toàn thể CBGV để lấy ý kiến đánh giá về các quy trình hiện hành. Kết quả khảo sát cho thấy có đến 86,9% người tham gia bày tỏ sự hài lòng đối với sự rõ ràng, minh bạch và công bằng trong công tác phân công, đánh giá, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an toàn khi làm việc tại Trường **[H6.06.06.05]**.

Song song với quy trình đánh giá công việc, Trường còn tổ chức khen thưởng định kỳ nhân dịp sơ kết học kỳ 1 kết hợp lễ kỷ niệm ngày thành lập Trường, cũng như lễ tổng kết năm học kết hợp khai giảng năm học mới. Đây là dịp để Nhà trường vinh danh những cá nhân và tập thể đã nỗ lực không ngừng trong giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ. Chính sự ghi nhận và trân trọng này đã tạo nên môi trường làm việc gắn bó, nhân văn, tiếp thêm động lực cho mỗi GV yên tâm công tác và cống hiến lâu dài. Đội ngũ CBGV của Khoa QTKD luôn nỗ lực không ngừng và đã được BGH Nhà trường ghi nhận bằng nhiều giấy khen trao tặng cho cả cá nhân và tập thể Khoa trong các năm học vừa qua **[H6.06.06.06]**.

2. Điểm mạnh:

Trường/Khoa QTKD đã triển khai nghiêm túc và khoa học kế hoạch nhiệm vụ hằng năm của tất cả CBGV.

Công tác đánh giá GV hằng năm dựa trên kết quả, hiệu quả công việc của GV theo quy định và có công nhận, khen thưởng công khai của Nhà trường và địa phương.

Đa số GV hài lòng về hoạt động đánh giá, xếp loại thi đua khen thưởng hằng năm của Trường/Khoa.

3. Điểm tồn tại:

Còn một số tiêu chí đánh giá chưa lượng hóa cụ thể vào Phiếu đánh giá năm học để quản trị kết quả công việc của từng CBGVNV như công tác tham gia ĐBCL, công tác PVCĐ...

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát, bổ sung thêm các tiêu chí cụ thể về ĐBCL, PVCĐ vào các quy định nhiệm vụ của GV nhằm quản trị kết quả công việc của CBGV được hiệu quả và rõ ràng hơn nữa.	- P.TC-HC; - K.QTKD	Từ năm 2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục định kỳ triển khai công tác đánh giá hiệu quả công việc của CBGV. Chú trọng xây dựng các văn bản quy định cụ thể và thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, tạo động lực, đáp ứng được các yêu cầu, nguyện vọng của CBGV trong toàn Trường.	- P.TC-HC; - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và NCV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Tại UPT, hoạt động NCKH được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, triển khai song hành cùng hoạt động đào tạo, giảng dạy. Nhà trường đã xây dựng hệ thống văn bản quy định cụ thể, trong đó xác lập rõ các loại hình và khối lượng công việc nghiên cứu mà GV phải thực hiện hằng năm trên cơ sở các văn bản pháp lý của Chính phủ, Bộ GDĐT, kết hợp với hướng dẫn chuyên môn nội bộ, bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán và phù hợp với từng đơn vị đào tạo **[H6.06.07.01]**.

Các chính sách về NCKH không chỉ giới hạn ở việc triển khai đề tài mà còn bao

gồm quy định về sở hữu trí tuệ, quy trình đăng ký bảo hộ và chuyển giao công nghệ, quy tắc đạo đức trong NCKH, chuẩn mực trích dẫn và các quy định chống đạo văn. Những nội dung này được thể hiện rõ trong hệ thống văn bản chuyên đề, tạo hành lang pháp lý vững chắc, đảm bảo quyền lợi và nâng cao trách nhiệm học thuật của đội ngũ GV **[H6.06.07.01]**.

Song song với các quy định mang tính pháp quy, Nhà trường cũng ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể đến từng Khoa **[H6.06.07.02]**. Trong đó, quy định nghĩa vụ NCKH là 100 tiết chuẩn/năm đối với mỗi GV, với yêu cầu thực hiện tối thiểu một hoạt động nghiên cứu được công nhận và có quy đổi tiết chuẩn. Các phụ lục hướng dẫn về cách quy đổi, tính điểm và đánh giá mức độ hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu được ban hành kèm theo. Ngoài ra, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế lương được ban hành đồng bộ để hỗ trợ và khuyến khích hoạt động NCKH **[H6.06.07.01]**.

Chất lượng các công trình NCKH được giám sát bởi Hội đồng Khoa học của Khoa và Nhà trường **[H6.06.07.03]**. Các sản phẩm bao gồm sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu học tập, đề tài nghiên cứu các cấp, bài báo khoa học, tham luận tại hội thảo đều được đánh giá, phản biện nghiêm túc nhằm đảm bảo chất lượng và giá trị học thuật. **[H6.06.07.04]**.

Ngay từ đầu năm học, chỉ tiêu và yêu cầu chất lượng nghiên cứu được thông báo đến từng GV **[H6.06.07.05]**. Trong tháng 8, GV lập kế hoạch cá nhân năm học, trong đó có kế hoạch nghiên cứu cụ thể theo chức danh và tiêu chuẩn khối lượng công việc. Phòng QLKH&HTQT là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể về NCKH, đưa ra chỉ số, chỉ tiêu cụ thể cho GV và SV; đồng thời tổ chức xét duyệt đề tài hằng năm, tiếp nhận đăng ký NCKH từ các Khoa. Đến thời điểm nghiệm thu đề tài, các Khoa lập tờ trình đề xuất Hội đồng nghiệm thu. Trong trường hợp GV không hoàn thành định mức nghiên cứu, Nhà trường áp dụng biện pháp chế tài như không xét tăng lương, không xét thi đua, hạn chế quyền tham gia các chương trình đào tạo nâng cao – các nội dung này được quy định rõ trong quy chế thi đua khen thưởng **[H6.06.07.06]**.

Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước của đội ngũ GV Khoa QTKD đã được cải thiện chất lượng lẫn số lượng. Khoa đã triển khai kế hoạch cụ thể, phân công đề tài, đôn đốc tiến độ và tạo điều kiện thuận lợi để GV

hoàn thành đúng thời hạn nhằm nâng cao chất lượng NCKH, phục vụ chiến lược phát triển học thuật bền vững và khẳng định uy tín của Nhà trường [H6.06.07.07]. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu được Phòng QLKH&HTQT thực hiện định kỳ, có đối sánh và điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế. Cuối năm học, Phòng QLKH&HTQT tổng hợp kết quả hoạt động NCKH của từng khoa, đơn vị của Trường, phối hợp với Phòng TC-HC tiến hành rà soát toàn diện đánh giá kết quả đóng góp của từng GV, làm cơ sở cho việc xếp loại, khen thưởng hoặc xử lý vi phạm nếu có [H6.06.07.07].

Ngoài hoạt động quản lý hành chính, Nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến GV và SV về hoạt động nghiên cứu để phục vụ công tác cải tiến. Các cuộc khảo sát và trao đổi học thuật, cập nhật xu hướng nghiên cứu, định hướng chiến lược phát triển khoa học được khuyến khích, góp phần thúc đẩy phong trào nghiên cứu tại các đơn vị chuyên môn [H6.06.07.08].

2. Điểm mạnh:

Trong thời gian qua, Trường đã ban hành nhiều chính sách, quy định minh bạch, mang tính khuyến khích cao nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH. Các chính sách này hỗ trợ tích cực về thủ tục và tài chính, đồng thời góp phần xây dựng môi trường học thuật năng động.

Tại Khoa QTKD, GV tích cực đăng ký thực hiện đề tài cấp Trường, thể hiện tinh thần chủ động và nhận thức rõ vai trò của NCKH trong nâng cao chất lượng đào tạo. Kết quả về hoạt động NCKH của GV, của Khoa được Phòng QLKH&HTQT thống kê đầy đủ, giám sát và đối sánh hằng năm để đề xuất cải tiến.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng và chất lượng sản phẩm NCKH của CBGV Khoa QTKD được công bố vẫn còn hạn chế do GV chủ yếu tập trung công tác giảng dạy và năng lực NCKH của GV chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường số lượng các bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế của CBGV. Thực hiện chế tài các GV chưa hoàn thành nghĩa vụ NCKH.	P.QLKH &HTQT; P.TC-HC; K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Cải thiện các chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV bằng nhiều hình thức như: đầu tư, khen thưởng xứng đáng đối với các GV có các sản phẩm được xuất bản, các đề tài từ cấp trường, cấp tỉnh trở lên.	P.QLKH &HTQT; P.TC-HC; K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường/Khoa QTKD đã xây dựng chiến lược nhân sự với mục tiêu và giải pháp cụ thể, trong đó thể hiện rõ định hướng dài hạn và gắn liền với thực tiễn của từng giai đoạn phát triển. Công tác tuyển dụng đội ngũ GV được lên kế hoạch chủ động, đồng bộ với quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, cũng như điều kiện thực tế của Trường. Tất cả các quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng đều được quy định rõ ràng, công khai, mang tính minh bạch cao. Các thông tin tuyển dụng, tiêu chuẩn và quy trình được phổ biến công khai rộng rãi, tạo cơ hội tiếp cận công bằng cho mọi ứng viên.

Bên cạnh đó, Trường cũng thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc dựa trên khối lượng và chất lượng giảng dạy, NCKH của GV, làm cơ sở cho công tác thi đua và khen thưởng vào cuối mỗi năm học. Các biện pháp và chính sách hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cũng được triển khai tích cực.

Đội ngũ GV của Khoa QTKD có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, tận tụy trong các hoạt động chuyên môn cũng như trong NCKH và PVCĐ và đồng hành cùng SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Số lượng, chất lượng GV cơ hữu ngành Log&QLCCU của Khoa còn hạn chế. Số lượng, chất lượng công bố của GV vẫn còn khiêm tốn. Khoa chưa có CBGV được cử tham gia học tập, dự hội thảo ở nước ngoài, điều này phần nào hạn chế cơ hội mở rộng giao lưu học thuật quốc tế. Ngoài ra, các hoạt động ĐBCL, PVCĐ dù được triển khai thường xuyên, nhưng Trường vẫn chưa lượng hóa cụ thể các tiêu chí liên quan vào bảng đánh giá công tác xếp loại GV cuối năm, việc quản trị hiệu quả công việc của từng GV chưa toàn diện và định lượng.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 6:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 6 gồm có 7 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 03 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu:

Trường quan tâm quy hoạch và tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách bài bản, đáp ứng đầy đủ yêu cầu phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ tại các đơn vị đào tạo, trong đó có Khoa QTKD. Nhà trường cũng thiết lập hệ thống quản lý kết quả công việc một cách chặt chẽ, giúp theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu suất lao động một cách minh bạch, khách quan. Song song đó, kế hoạch đào tạo – bồi dưỡng chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên cũng được triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao năng lực cá nhân và chất lượng phục vụ chung, từ đó tạo nền tảng vững chắc cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và các hoạt động chuyên môn tại Khoa cũng như toàn Trường.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường xác định rõ việc xây dựng đội ngũ nhân viên chất lượng cao và chuyên nghiệp trong tất cả các khâu sẽ tạo nên vị thế và “thương hiệu” của UPT [H7.07.01.01]. Nhà trường đã ban hành chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến 2040 [H7.07.01.02], [H7.07.01.03]. Trong đó, Nhà trường đã xây dựng các chiến lược phát triển nguồn nhân sự, cụ thể là có các kế hoạch quy hoạch nguồn nhân lực đối với từng nhóm chức danh và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên làm việc tại các đơn vị Phòng/Khoa/Ban và Bộ môn nhằm lựa chọn đội ngũ nhân viên hỗ trợ phục vụ cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Dựa vào các chiến lược phát triển nguồn nhân sự của Nhà trường qua các giai đoạn và phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị [H7.07.01.04], Nhà trường giao cho Phòng TC-HC thực hiện chức năng tham mưu, giúp việc cho BGH trong công tác tổ chức cán bộ, quản lý nhân sự; công tác đào tạo, bồi dưỡng và được cụ thể hóa các nhiệm vụ trong Quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị được ban hành năm 2015, 2021 và Đề án Xây dựng Vị trí Việc làm ban hành năm 2018, sửa đổi bổ sung năm 2024 [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Từ đề án vị trí việc làm đã được xây dựng, hằng năm Nhà trường đều có các kế hoạch tuyển dụng nhân viên nhằm đáp ứng các nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ cho ngành Log&QLCCU và Khoa QTKD [H7.07.01.07].

Hiện nay, nhân viên làm việc tại các bộ phận có liên quan hỗ trợ cho Khoa đến từ nhiều phòng ban khác nhau trong Nhà trường, trong đó mỗi phòng ban có những chức năng, nhiệm vụ riêng biệt như: Phòng TC-HC, Phòng QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, Phòng KH-TC, Phòng QLKH&HTQT, Trung tâm PTNNL, Thư viện,... Tất cả các chức năng, nhiệm vụ của các vị trí nhân viên hỗ trợ đều được quy định rõ ràng trong bảng mô tả công việc của nhân viên ở từng đơn vị [H7.07.01.08]. Nhân viên hỗ trợ đảm bảo về số lượng và đa số có trình độ từ đại học trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn cao, phù hợp với vị trí việc làm đảm bảo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ của ngành Log&QLCCU/Khoa/Trường. Trong đó, Trợ lý Khoa QTKD có trình độ ThS, tuổi đời còn trẻ và nhiệt tình, năng nổ nên hiệu quả làm việc rất cao, giải quyết được khối lượng công việc khá nhiều của Khoa, hỗ trợ tốt trong hầu hết các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, đáp ứng nhu cầu thực hiện CTĐT [H7.07.01.09], [H7.07.01.10].

Hàng năm, dựa vào các phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của từng đơn vị đề xuất, Nhà trường quy hoạch lại đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban nhằm

đẩy mạnh và tạo hiệu quả hơn nữa trong công tác hỗ trợ cho các ngành đào tạo trong đó có ngành Log&QLCCU [H7.07.01.04], [H7.07.01.11].

Kết quả khảo sát định kỳ hàng năm cho thấy người học khá hài lòng với chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên phục vụ của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.01.12].

2. Điểm mạnh:

Trường có các chiến lược phát triển nhân sự lâu dài, trong đó có đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Hàng năm, Trường/Khoa luôn phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên, từ đó có các chính sách tuyển dụng, quy hoạch nhằm phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

Đội ngũ cán bộ nhân viên hỗ trợ của Trường/Khoa có năng lực, trình độ chuyên môn cao; có số lượng đảm bảo, năng động, nhiệt tình làm việc có hiệu quả, giải quyết được các yêu cầu từ SV, GV một cách nhanh chóng và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Một số CBNV hỗ trợ của các phòng, ban còn thay đổi vị trí công việc nên việc quy hoạch đội ngũ nhân viên còn chưa đảm bảo tính ổn định, lâu dài.

Khả năng ứng dụng công nghệ mới, khả năng ngoại ngữ của đội ngũ nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần tăng cường chính sách động viên nhân viên, quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ nhân viên. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn	P.TC-HC; K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		ng nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự nghiên cứu, tự học để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu đổi mới ngày càng đa dạng và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tổng hợp, phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên từ các đơn vị, từ đó có các chính sách tuyển dụng, quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.	P.TC-HC; K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng:

Để tuyển chọn được đội ngũ nhân viên hỗ trợ đáp ứng nhu cầu, Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng và cụ thể. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng vị trí việc làm [H7.07.02.01].

Quy định về tuyển dụng nhân viên với các tiêu chí đảm bảo yêu cầu chung về chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học văn phòng. Việc sắp xếp bố trí nhân lực theo đúng các tiêu chí của Nhà trường. Quy trình bổ nhiệm dựa theo điều 8 của Quy định tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy chế bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm nhân sự lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường và thành lập Hội đồng tuyển dụng [H7.07.02.02]. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Phòng TC-HC tham mưu xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích và khảo sát nhu cầu của

các đơn vị chuyển lên. Cụ thể: hàng năm, Nhà trường xem xét công việc cụ thể được phân công và hoàn thành trong báo cáo tổng kết năm học của các cá nhân để làm cơ sở đánh giá về khối lượng công việc được giao, mức độ hoàn thành để xác định kế hoạch tuyển dụng, bổ nhiệm bổ sung nhân sự, giúp các đơn vị đáp ứng được nhu cầu hỗ trợ của các đơn vị và của Khoa **[H7.07.02.03]**.

Nhà trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm các CBQL và nhân viên theo đúng quy trình. Các bước tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình được ban hành **[H7.07.02.02]**. Dựa trên kế hoạch phát triển đội ngũ của Khoa, Nhà trường sẽ xác định mức tuyển dụng hàng năm căn cứ trên kế hoạch tuyển dụng và phát triển của Trường **[H7.07.02.04]**. Việc sắp xếp, bố trí đội ngũ nhân viên được tùy thuộc theo yêu cầu của công việc và có đánh giá thi đua cuối năm thông qua kết quả khảo sát lấy các ý kiến phản hồi của các BLQ là người học và GV **[H7.07.02.05]**.

Ngoài ra, Phòng TC-HC còn dựa vào các báo cáo phân tích dữ liệu phản hồi từ các BLQ về đội ngũ nhân viên hỗ trợ và dựa vào báo cáo tổng kết cuối năm của các đơn vị để xây dựng các tiêu chí tuyển dụng và điều chuyển nhân sự. Căn cứ trên chỉ tiêu về đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường và căn cứ trên đề nghị tuyển dụng của Ban Chủ nhiệm Khoa, Phòng TC-HC sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa. Việc điều chuyển nhân sự giữa các bộ phận trong Trường được Phòng TC-HC tùy theo nhu cầu của các đơn vị và năng lực cá nhân của từng NV **[H7.07.02.02]**, **[H7.07.02.04]**.

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển NV được phổ biến tới toàn thể CBGVNV và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường. Tất cả nội dung về tuyển dụng được thông báo công khai về tiêu chuẩn, số lượng, hình thức trên website Trường, qua hệ thống Email, website của Phòng TC-HC và trên các phương tiện truyền thông khác như báo giấy, báo điện tử... Việc bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Phòng TC-HC công bố bằng email nội bộ và qua các cuộc họp giao ban hàng tháng. Ngoài ra, để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Nhà trường còn thành lập Hội đồng tuyển dụng và cập nhật nhân sự phù hợp thực tế hoạt động theo từng năm học, đặc biệt trong Hội đồng này có đại diện của lãnh đạo Khoa. Kết quả tuyển dụng được báo cho ứng viên biết và công bố công khai sau khi ứng viên được Hội đồng đồng ý tuyển dụng **[H7.07.02.06]**. Số lượng nhân viên được tuyển dụng,

bổ nhiệm, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm hàng năm được phổ biến công khai cho đội ngũ CBGVNV trong Nhà trường được biết [H7.07.02.07]. Để đảm bảo tính chính xác và khách quan, trong quá trình tuyển dụng, Trường có thành lập Hội đồng tuyển dụng [H7.07.02.08]. Sau khi có kết quả tuyển dụng, Phòng TC-HC có trách nhiệm công bố theo đúng quy định. Khi đã trúng tuyển, nhân viên phải trải qua thời gian tập sự theo quy định. Sau khi hoàn thành thời gian tập sự và đạt được các yêu cầu của Nhà trường, người tập sự sẽ được chính thức nhận việc [H7.07.02.09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự. Có các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự rõ ràng trên cơ sở phân tích/khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý của các BLQ. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân sự được phổ biến tới toàn thể CBGVNV và được công khai trên trang thông tin điện tử của Trường/Phòng TC-HC, báo đài địa phương.

Trường đã tuyển được đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu công việc theo các tiêu chí tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại:

Chính sách tuyển dụng chưa thực sự hấp dẫn, mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều.

Vị trí công việc của nhân viên ở các đơn vị vẫn còn chưa ổn định.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần tăng cường truyền thông về tuyển dụng, có chính sách ưu đãi và cam kết trong tuyển dụng, ổn định vị trí công việc của nhân viên.	- P.TC-HC; - Các đơn vị	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		Các Khoa, phòng ban tích cực giới thiệu nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trường xem xét tuyển dụng.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục xây dựng các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và có quy hoạch lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển và phổ biến công khai trên các phương tiện truyền thông.	- P.TC-HC; - Các đơn vị	Thường niên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Để đánh giá năng lực đội ngũ, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và ban hành quy định về quy trình, tiêu chí đánh giá rõ ràng về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ... Các quy định này được phổ biến trong Đề án Vị trí việc làm và Quy định về công tác thi đua khen thưởng của Trường [H7.07.03.01].

Việc đánh giá năng lực nhân viên được thực hiện dưới nhiều cấp và theo đúng quy trình: từ nhân viên tự đánh giá, đồng nghiệp đánh giá qua cuộc họp tổng kết năm học và bỏ phiếu bầu chọn danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua. Trường các đơn vị dựa vào các kết quả trên để đánh giá xếp loại lao động và cuối cùng là phần đánh giá của Hội đồng thi đua – khen thưởng [H7.07.03.02].

Tùy vào từng vị trí công việc cụ thể mà Nhà trường có những quy định, tiêu chí đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ, năng lực cũng như các kỹ năng cần thiết [H7.07.03.03]. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Khoa làm việc giờ hành chính theo quy định của Nhà trường, các GV kiêm nhiệm công việc cố vấn học tập luôn có giờ trực công việc cụ thể (2 buổi/tuần).

Để có thể xác định, phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng

lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan, hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ của CBGVNV được Nhà trường xây dựng là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa CBQL và nhân viên nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thực hiện thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Trường. Phòng TC-HC là đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp bảng đánh giá hiệu quả công việc của CBGVNV hàng tháng, hàng năm [H7.07.03.04].

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí theo quy định và được Hội đồng cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận. Các nhân viên của Khoa hàng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, trong đó có nhân viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được nâng lương trước hạn [H7.07.03.05]. Tuy nhiên, đội ngũ nhân viên chưa tham gia nhiều trong công tác PVCD và NCKH.

Hàng năm, Khoa và Nhà trường luôn thực hiện việc đánh giá chất lượng công việc và phân loại thi đua cho nhân viên. Trước khi ban hành các quy định về đánh giá xếp loại CBGVNV, Phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến, góp ý của tất cả CBGVNV để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp [H7.07.03.06].

Ngoài hệ thống đánh giá năng lực NV theo quy trình của Nhà trường, mức độ đáp ứng đội ngũ NV các đơn vị còn được đánh giá bởi GV và SV hàng năm do Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức khảo sát độc lập. Kết quả khảo sát cho thấy sự nhất trí cao với trên 85% hài lòng đối với CBGVNV dự trên đánh giá công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên là phù hợp [H7.07.03.07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quy trình, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên, có phân loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các BLQ.

Có thực hiện việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên hằng tháng/hàng năm. Hoạt động đánh giá, phân loại đội ngũ nhân viên công bằng, công khai qua nhiều bước từ nhân viên tự đánh giá đến quyết định của Hội đồng thi đua - khen thưởng hàng năm.

3. Điểm tồn tại:

Đội ngũ nhân viên chưa tham gia nhiều trong công tác PVCD. Các quy định chưa đủ tính khuyến khích dành riêng cho đội ngũ nhân viên tham gia NCKH.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	Cải tiến các chính sách cũng như các quy định nhằm động viên khuyến khích đội ngũ CBNV hoàn thành nhiệm vụ, làm tốt vai trò hỗ trợ cho công tác đào tạo, đồng thời tích cực tham gia PVCD và NCKH nếu có thể.	- BGH; - P.TC-HC; - P.KH-TC	Từ năm 2025-2026	
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoạt động đánh giá, phân loại năng lực đội ngũ nhân viên một cách công bằng, công khai thông qua các bước đánh giá nhiều cấp và qua ý kiến đánh giá của người học và GV về đội ngũ nhân viên hằng năm.	- P.TC-HC; - K.QTKD; - P.KT-ĐBCL-TT&PC	Hằng năm	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng:

Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Nhà trường đã tiến hành điều tra tổng thể trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ NV, thực hiện phân tích nhu cầu và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm. Cụ thể: vào đầu năm học, đội ngũ NV các đơn vị đăng ký đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng về nhu cầu phát triển nhân lực của đơn vị và Nhà trường. Các đơn vị tiếp nhận, tổng hợp và báo cáo về Phòng TC-HC tập hợp, phân

tích nhu cầu và đưa vào kế hoạch công tác năm học **[H7.07.04.01]**.

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách cho các hoạt động năm học, trong đó có ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ NV. Kinh phí chi cho hoạt động đào tạo bồi dưỡng được thể hiện trong báo cáo tài chính hàng năm của Nhà trường **[H7.07.04.01]**.

Phòng TC-HC triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ NV dựa trên các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm được phê duyệt với các hình thức đào tạo bồi dưỡng sau: (i) Đào tạo tại chỗ: về nội quy, chính sách, lề lối làm việc, phương pháp giảng dạy; (ii) Đào tạo nội bộ: các lớp Anh văn giao tiếp, vi tính văn phòng, các kỹ năng mềm, (giao tiếp, làm việc đội nhóm, quản lý thời gian...); (iii) Đào tạo chuyên sâu: do Phòng TC-HC chủ động liên hệ hoặc tiếp nhận thông tin đào tạo của các tổ chức bên ngoài về các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc Sau đại học; (iv) Tự đào tạo chuyên sâu: do cá nhân CBGVNV có nhu cầu theo học các lớp đào tạo chuyên môn đặc thù hoặc SDH và nộp chứng chỉ, chứng nhận về Phòng TC-HC sau mỗi khóa đào tạo **[H7.07.04.02]**.

Các chính sách hỗ trợ CBGVNV được nêu rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ, được bố trí nghỉ làm việc để đi học theo lịch của cơ sở đào tạo; được Trường hỗ trợ tiền học phí (nếu có); Trong thời gian được cử đi đào tạo, bồi dưỡng CBGVNV được hưởng tiền lương và các chế độ khác theo các quy định hiện hành của Trường. Sau khi hoàn thành CTĐT, CBGVNV sẽ được tiếp nhận và bố trí công tác tại đơn vị cũ hoặc bổ nhiệm vào các vị trí cao hơn, đồng thời được hưởng các chế độ đãi ngộ tương đương học hàm, học vị mới **[H7.07.04.03]**. Nhà trường còn hỗ trợ tìm học bổng và thực hiện các thủ tục cần thiết đối với CBGVNV cơ hữu có nguyện vọng và năng lực theo học các chương trình đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ theo chương trình học bổng trong hoặc ngoài nước. Mặt khác, hằng năm Khoa có rà soát trình độ năng lực của CBGVNV, ai chưa đủ các chứng chỉ yêu cầu thì đề xuất bắt buộc, ai có mong muốn học nâng cao trình độ thì lập danh sách nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng của nhân viên **[H7.07.04.03]**.

CBGVNV của Nhà trường nói chung, của Khoa QTKD nói riêng thường xuyên được Nhà trường và Khoa cử tham gia các đợt học tập, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ ngay tại Trường hoặc tại các tỉnh/thành phố khác.

Đội ngũ nhân viên của Khoa hiện tại có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý SV và các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo. Nhiều CBGVNV thuộc các phòng ban, trung tâm trong Trường có học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ, đảm bảo chuyên môn và nghiệp vụ tốt đáp ứng yêu cầu của CTĐT [H7.07.04.04].

Đối với các nhân sự trẻ được tuyển dụng, Phòng TC-HC sẽ phân công về các đơn vị để thực hiện thời gian thử việc 2 tháng, việc đánh giá nhân sự mới một phần được dựa trên đánh giá nhận xét của đơn vị mà NV về thực tập, sau đó tiếp tục đánh giá định kỳ trong các năm làm việc tiếp theo [H7.07.04.05].

Nhà trường cũng đã ban hành các chính sách liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài, chính sách hỗ trợ kinh phí cho CBGVNV tham gia các CTĐT trong và ngoài nước. Cụ thể, đối với CBGVNV được Trường cử đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước hoặc nước ngoài) [H7.07.04.06].

Tuy nhiên, cơ chế hỗ trợ cho CBGVNV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ kích thích CBGVNV vì còn mang tính tự túc nhiều từ phía CBGVNV.

2. Điểm mạnh:

Hàng năm, Nhà trường và Khoa luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, thiết thực và triển khai thực hiện kế hoạch để đáp ứng nhu cầu của đội ngũ này.

3. Điểm tồn tại:

Công tác đào tạo bồi dưỡng và cơ chế hỗ trợ cho CBGVNV học tập nâng cao trình độ của Nhà trường chưa đủ kích thích CBGVNV vì còn mang tính tự túc nhiều từ CBGVNV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và tổ chức thêm nhiều hoạt động, khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên. Đồng thời có cơ chế khuyến khích và tạo điều kiện hơn nữa để đội ngũ nhân viên có thể tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	- BGH; - P.TC-HC; - K.QTKD; - P. KH-TC	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2.	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục rà soát và xác định rõ ràng những nhu cầu về việc nâng cao chuyên môn của đội ngũ CBNV hỗ trợ và đẩy mạnh triển khai các hoạt động đáp ứng nhu cầu này.	- BGH; - P.TC-HC, - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ này, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Hệ thống các quy định, quy chế này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học [H7.07.05.01].

Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua, khen thưởng, quy chế lương đã giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động

lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường. Hàng năm, vào những ngày lễ lớn (Ngày thành lập trường, ngày Khai giảng, Ngày 20/11 và Tổng kết năm học...) Nhà trường tổ chức khen thưởng những cá nhân, tập thể đạt thành tích cao trong công tác các cấp (Trường, thành phố, trung ương,...) tạo động lực cho đội ngũ nhân viên đóng góp cho hoạt động của Khoa QTKD và Nhà trường **[H7.07.05.02]**.

Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng bậc lương trước hạn đối với các nhân viên đạt được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp.

Đội ngũ CBNV của Khoa đều có kế hoạch cụ thể, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành công việc. Nhà trường và Lãnh đạo Khoa QTKD đã triển khai theo dõi, giám sát và đánh giá công việc của đội ngũ nhân viên dựa trên các quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công, dựa trên kế hoạch công tác cá nhân mà mỗi nhân viên đã xây dựng **[H7.07.05.03]**. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường thực hiện nghiêm túc. Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mức độ chấp hành nội quy, kỷ luật lao động; đóng góp ý kiến, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác, làm lợi cho Trường; mức độ tham gia các hoạt động khác từ theo dõi của Phòng TC-HC, thông tin ghi nhận và báo cáo của Ban Kiểm tra thường xuyên, Phòng QLĐT, thông tin ghi nhận và báo cáo của Công đoàn, Đoàn Thanh niên; kết quả tự đánh giá của cá nhân, đánh giá của Lãnh đạo Khoa QTKD và Hội đồng thi đua - khen thưởng. Nhà trường đánh giá hiệu quả công việc của mỗi nhân viên hằng tháng/năm **[H7.07.05.04]**.

Các quy định, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác trước khi ban hành được Phòng TC-HC tổ chức lấy ý kiến của tất cả CBGVNV trong trường để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp. Khoa QTKD cũng thường xuyên có các buổi họp định kỳ để lấy ý kiến một cách dân chủ, làm cơ sở đề xuất với Nhà trường các kiến nghị của Khoa về đội ngũ nhân viên. Qua đó tất cả CBNV đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc của CBGVNV **[H7.07.05.05]**.

Kết quả đánh giá các cấp được công khai tại các buổi họp và trên email cá nhân của nhân viên. Các danh hiệu thi đua khen thưởng được đăng tải trên email nội bộ của

Trường. Vì vậy, 100% nhân viên Khoa QTKD hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường. Tính đến thời điểm này, chưa có trường hợp nào của nhân viên Khoa khiếu nại về kết quả đánh giá hoặc xét thi đua khen thưởng [H7.07.05.06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên, quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Có triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ NV dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công hằng tháng/năm. Tất cả nhân viên đều được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Nhân viên hài lòng về kết quả đánh giá, xếp loại, xét thi đua khen thưởng của Trường hằng năm.

3. Điểm tồn tại:

Do chỉ tiêu khen thưởng, danh hiệu thi đua hàng năm còn hạn chế, nên số lượng nhân viên đạt các danh hiệu thi đua còn ít, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng, chưa tạo động lực để đội ngũ CBNV tham gia hỗ trợ nhiều hơn nữa cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.

Các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc còn nhiều điểm chưa lượng hóa được mức độ cụ thể hoàn thành công việc vì nhân viên có nhiều nhiệm vụ, chức năng khác biệt nhau.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần có chính sách động viên, khen thưởng cho những nhân viên đạt thành tích cao trong việc hỗ trợ công tác đào tạo,	- P.TC-HC; - P.KH-TC; - K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		NCKH và PVCD bằng cách tăng chỉ tiêu khen thưởng cho các đối tượng này và có các hình thức khen thưởng đa dạng hơn. - Hoàn thiện bộ tiêu chuẩn đánh giá CBNV theo hướng định lượng phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của Trường, nghiên cứu kết hợp giữa việc đánh giá kết quả công việc với ưu tiên phát triển đội ngũ về chuyên môn.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và thực hiện đầy đủ thường xuyên quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, gồm cả các quy định về khen thưởng và công nhận hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.	- P.TC-HC; - P.KH-TC; - Các đơn vị	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 7:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa trẻ, đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về tuyển dụng chặt chẽ và tiêu chí rõ ràng của Nhà trường đã được công bố công khai. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường.

Căn cứ nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ CBGVNV từ các Khoa, đơn vị, Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ cho CBGVNV bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm.

Trường/Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên. Có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ và có chính sách khen thưởng kịp thời, minh bạch hằng năm.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều, tính ổn định của đội ngũ nhân viên các đơn vị chưa được ổn định lâu dài.

Chính sách hỗ trợ cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CBGVNV còn chưa đủ khuyến khích. Số lượng nhân viên đạt các danh hiệu thi đua còn ít vì chỉ tiêu hạn chế, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 7 có 5 tiêu chí, trong đó cả 5 tiêu chí đều đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu:

Trường/Khoa tạo điều kiện tốt nhất trong điều kiện có thể cho SV ngành Log&QLCCU được học tập và rèn luyện trong môi trường GDĐH định hướng gắn liền ngành đào tạo với thực tiễn. Chính sách tuyển sinh được được công khai và cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. SV được giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện chặt chẽ bởi một hệ thống phù hợp từ Khoa và các đơn vị liên quan trong Nhà trường. Trong quá trình học tập, Khoa/Trường thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ học tập, giao lưu với doanh nghiệp cũng như tổ chức các học phần thực hành tại doanh nghiệp, tăng sự cọ xát với thực tế cho SV, ngoài ra sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học được giám sát và hỗ trợ kịp thời, giúp cải thiện

việc học tập và khả năng tìm kiếm việc làm nhanh chóng sau khi ra trường. Bên cạnh đó, yếu tố tâm lý học đường luôn được Trường quan tâm. Cảnh quan sư phạm sạch đẹp, an toàn, văn minh và thân thiện đã góp phần tạo không khí học tập và rèn luyện cho tất cả các đối tượng trong Trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT và kết quả tuyển sinh của Trường trong các năm trước, Trường xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh riêng hàng năm rõ ràng, đầy đủ và chi tiết cho từng ngành tuyển. Những chính sách, đề án này được điều chỉnh qua các năm cho phù hợp với tình hình thực tế [H8.08.01.01]. Mỗi năm, trước khi xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh, Nhà trường tổ chức các cuộc họp phân tích kết quả tuyển sinh năm trước, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới (phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của cơ sở giáo dục, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của địa phương) để xây dựng các chính sách, đề án tuyển sinh riêng [H8.08.01.02].

Mỗi năm, Nhà trường tổ chức các cuộc họp nhằm thảo luận, lấy ý kiến đóng góp của CBGVNV và các thành viên trong ban tuyển sinh để xây dựng phương thức tuyển sinh phù hợp [H8.08.01.03]. Về thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh, hằng năm sau khi kết thúc kỳ tuyển sinh Nhà trường sẽ lập báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho năm học kế tiếp [H8.08.01.04]. Từ năm 2020, bên cạnh 2 phương thức tuyển sinh thường áp dụng là: Xét tuyển kết quả thi THPT Quốc gia (*chiếm 25% tổng chỉ tiêu*) và Xét tuyển theo kết quả bậc THPT (*chiếm 70% tổng chỉ tiêu*) thì Nhà trường xét tuyển thêm theo phương thức thứ 3: Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức (*chiếm 5% tổng chỉ tiêu*).

Bảng 8.1. Số lượng và tỷ lệ SV Ngành Log&QLCCU qua từng năm

Khóa học	SLSV nhập học	SL/ tỷ lệ SV thôi học qua các năm				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Tổng
2020-2024	23	0	0	2	0	2
		0,00%	0,00%	8,69%	0.00%	8,69%

Khóa học	SLSV nhập học	SL/ tỷ lệ SV thôi học qua các năm				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Tổng
2021-2025	23	0	1	0	0	1
		0,00%	4,34%	0,00%	0,00%	4,34%
2022-2026	17	0	0	1	0	1
		0,00%	0,00%	5,88%	0,00%	5,88%
2023-2027	21	0	1	-	-	1
		0%	4,71%	-	-	4,71%
2024-2028	16	0	-	-	-	0
		0.00%	-	-	-	0.00%

Các chính sách tuyển sinh (đối tượng, quy trình thi/xét tuyển, đánh giá đầu vào; đối tượng thi tuyển, xét tuyển; đối tượng ưu tiên,...) được Nhà trường công bố công khai. Trường chú trọng truyền thông trên tất cả các kênh thông tin. Phòng QLĐT là đơn vị chủ trì trong việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai và giám sát công tác truyền thông tuyển sinh. Hằng năm, đội ngũ tư vấn tuyển sinh UPT sẽ đến các trường THPT tư vấn tại chỗ cho các em học sinh **[H8.08.01.03]**. Nhằm hỗ trợ công tác tuyển sinh của trường nói chung và công tác tuyển sinh liên quan đến ngành đào tạo nói riêng, Khoa đã cử một số CBGV tham gia để có những hướng dẫn cụ thể về ngành học **[H8.08.01.03]**. Theo định kỳ mỗi mùa tuyển sinh, Trường tham gia Ngày hội Tư vấn tuyển sinh được tổ chức tại các trường trong tỉnh Bình Thuận **[H8.08.01.03]**. Bên cạnh đó, trong các buổi truyền hình trực tiếp tư vấn tuyển sinh, Nhà trường đều cử cán bộ tham gia, tư vấn và giải đáp thắc mắc cho học sinh. Bên cạnh đó, Nhà trường còn lập một website tuyển sinh riêng. Qua website, các bên liên quan có thể tìm hiểu và được tư vấn đầy đủ các thông tin về công tác tuyển sinh của Nhà trường. Ngoài ra, các thông tin tuyển sinh của Nhà trường còn được công bố công khai trên các phương tiện truyền thông xã hội khác như: Báo giấy, báo điện tử, đài truyền hình, các hoạt động tiếp cận cộng đồng, các tài liệu quảng bá, các brochure, Sổ tay tuyển sinh... **[H8.08.01.04]**. Trường còn có hệ thống tư vấn tuyển sinh qua các kênh: Fanpage ĐHPT, tư vấn tuyển sinh tại website, Chat trực tuyến, Zalo Đại học Phan Thiết, Hộp thư tuyển sinh và Tổng đài tư vấn để tư vấn, giải đáp cho thí sinh những thông tin, quy chế tuyển sinh của Trường, đồng thời định hướng, hướng dẫn để thí sinh có thể lựa chọn được ngành học phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân...

Nhà trường không ngừng cập nhật cải tiến chính sách tuyển sinh, quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền

thông,... Quy trình nhận hồ sơ xét tuyển được cải tiến sao cho tiện lợi nhất cho các thí sinh khi nộp hồ sơ xét tuyển như: nộp hồ sơ online, xét tuyển trực tuyến, tư vấn trực tuyến... Dựa trên các kết quả tổng kết sau mỗi kỳ tuyển sinh về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, Hội đồng tuyển sinh sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Trường cũng như trên cả nước, cơ hội, thách thức và xu hướng, để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra. Từ đó, Hội đồng tuyển sinh rút kinh nghiệm trong việc đặt ra các tiêu chí tuyển sinh, vùng tuyển, công tác truyền thông... Dựa trên kinh nghiệm đó, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt **[H8.08.01.05]**.

Cách thức truyền thông trong tuyển sinh của Trường đã có những sự thay đổi qua từng năm, đã bổ sung nhiều phương thức tiếp cận với các SV tiềm năng thông qua mạng xã hội và các công cụ trực tuyến. Cụ thể: i) Triển khai quản lý, tư vấn thí sinh, phụ huynh trên các trang mạng xã hội; ii) Xây dựng chiến lược và kế hoạch quảng cáo Online (Facebook, Zalo,...) cho các chương trình. Bên cạnh đó, Trường còn mở rộng phạm vi truyền thông trực tiếp từ Bình Thuận đến các tỉnh thành khác trong cả nước như Lâm Đồng, Ninh Thuận, Đồng Nai.

Các chính sách tuyển sinh được Nhà trường xây dựng theo đúng các quy định hiện hành của Bộ GDĐT, dựa trên sự góp ý của các bên liên quan, phân tích tình hình tuyển sinh, nhập học của năm trước và tình hình tuyển sinh chung từ đó dự báo nhu cầu nguồn nhân lực cần tuyển. Trước các kỳ tuyển sinh, Nhà trường đã dựa vào dự báo nhu cầu về nhân lực của từng ngành nghề để có chính sách tuyển sinh phù hợp. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã tổ chức ngày hội việc làm, gặp mặt các cựu SV, nhà tuyển dụng để lắng nghe ý kiến đóng góp về CTĐT, về các kỹ năng SV cần phải có, về nhu cầu nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp hiện nay **[H8.08.01.06]**.

2. Điểm mạnh:

Công tác tuyển sinh của ngành Log&QLCCU thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT, Trường có các quy định về tuyển sinh được xác định rất rõ ràng và được cập nhật điều chỉnh hằng năm trên cơ sở đóng góp của các BLQ, quy định của Bộ GDĐT và tình hình thực tế.

Các chính sách, quy định, phương thức tuyển sinh đa dạng, được công khai, quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông, cùng với đó là nhiều hình thức ưu đãi học phí đặc biệt để thu hút được những học sinh THPT khá và giỏi.

3. Điểm tồn tại:

Mặc dù Trường đã xây dựng được các hình thức tuyển sinh đa dạng nhưng chưa thu hút được những thí sinh dự tuyển, tham gia đăng ký nhập học tại Trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường quảng bá tuyển sinh, truyền thông về tuyển sinh. - Tiếp tục cải thiện CTĐT và truyền thông về ngành Log&QLCCU để thu hút SV. - Cải thiện CSVC hạ tầng để thu hút tuyển sinh.	- P.QLĐT; - Ban tuyển sinh; - Ban TTTT &QTM; - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện chính sách tuyển sinh, cập nhật và chủ động công bố thông tin và hình ảnh trên website của Trường/Khoa, thực hiện tuyển sinh theo đúng quy định của Bộ GDĐT và linh hoạt cách thức.	- P.QLĐT; - Ban tuyển sinh; - Ban TTTT &QTM; - K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng:

Hàng năm, BGH sẽ tổ chức họp Hội đồng Tuyển sinh xác định tiêu chí lựa chọn người học, hình thức thi/xét tuyển và phương pháp tuyển chọn người học cho từng

CTĐT trên cơ sở góp ý của các BLQ, trên cơ sở các quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, các dữ liệu báo cáo của Phòng QLĐT, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực năm tới. Từ năm 2020, Nhà trường đã bổ sung thêm phương thức xét tuyển thứ ba, với sự điều chỉnh tỷ lệ chỉ tiêu tương ứng: 25% dành cho kết quả thi tốt nghiệp THPT, 70% cho kết quả học bạ THPT, và 5% cho kết quả kỳ thi ĐGNL-ĐHQG HCM; Trong phương thức xét học bạ, từ 3 tiêu chí lên thành 6 tiêu chí: ngoài điều kiện điểm trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6 điểm trở lên trường còn bổ sung thêm điều kiện điểm trung bình 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển của năm lớp 12 đạt từ 6 điểm trở lên và điểm trung bình 3 môn theo tổ hợp môn xét tuyển của năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 đạt từ 6 điểm trở lên. **[H8.08.02.01]**. Nhà trường xác định và công bố công khai chỉ tiêu, tiêu chí tuyển sinh hằng năm **[H8.08.02.02]**.

Hằng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá và cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học để đảm bảo tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo. Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Nhà trường và trên cả nước dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học. Đồng thời, Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường cũng phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển (các tổ hợp môn xét tuyển), phương pháp tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông... Từ đó, Hội đồng Tuyển sinh Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho khóa mới hiệu quả hơn, nhằm đạt kết quả tác tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tác tuyển sinh, kịp thời đáp ứng nguyện vọng của phụ huynh và học sinh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào Đại học mà vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào **[H8.08.02.03]**.

Để đảm bảo chất lượng người học cho từng CTĐT, Trường đã lựa chọn các tổ hợp môn phù hợp với từng ngành học để xét tuyển. Các tổ hợp môn này có tính chất điển hình, yêu cầu thí sinh cần phải đạt vì có mối liên hệ với ngành học **[H8.08.02.03]**, **[H8.08.02.04]**. Theo quy trình xét tuyển trong công tác tuyển sinh hàng năm **[H8.08.02.05]**, trước khi công bố mức điểm chuẩn cho từng ngành, Hội đồng tuyển sinh sẽ họp thống nhất và thông báo mức điểm chuẩn trên tất cả các kênh thông tin của Nhà trường **[H8.08.02.06]**. Căn cứ vào đề án tuyển sinh và chỉ tiêu được giao hàng năm, đối

với các ngành chưa tuyển đủ chỉ tiêu, thông qua tất cả các kênh thông tin, Trường sẽ ban hành thông báo tuyển sinh cho các đợt tiếp theo **[H8.08.02.07]**.

Hàng năm, Nhà trường không ngừng rà soát, đánh giá, cải tiến tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học **[H8.08.02.08]**, sau khi trúng tuyển, tất cả SV sẽ có buổi gặp mặt đầu năm với Lãnh đạo Khoa, Trợ lý và GV trong Khoa. Tại buổi gặp mặt, tân SV được nghe giới thiệu về Khoa, về ngành nghề, định hướng nghề nghiệp, CTĐT, phương pháp học đại học cũng như yêu cầu CĐR khi sinh viên tốt nghiệp, phát biểu cảm nghĩ của tân SV về Khoa, về Trường. Đồng thời, thông qua buổi gặp mặt của cựu SV và các doanh nghiệp tại ngày hội việc làm được tổ chức hàng năm, Khoa đã nhận được những góp ý về các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn SV đầu vào. Từ đó, Khoa/Trường có kế hoạch tuyển sinh, đào tạo hàng năm sát với nhu cầu của xã hội, thu hút được nhiều SV theo học **[H8.08.02.09]**.

2. Điểm mạnh:

Trường/Khoa có quy định về các tiêu chí tuyển chọn người học phù hợp, đảm bảo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được công bố rộng rãi, công khai là cơ sở để xã hội và thí sinh theo dõi và giám sát. Hàng năm, Trường/Khoa lấy ý kiến từ các BLQ và các thông tin báo cáo thống kê phân tích từ đơn vị quản lý tuyển sinh, Phòng QLĐT để rà soát, đánh giá điều chỉnh các phương pháp, tiêu chí tuyển chọn người học.

3. Điểm tồn tại:

Trường chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	P.QLĐT và Khoa QTKD sẽ tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác	P.QLĐT; Ban TTTT &QTM;	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	tại	tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm.	K.QTKD		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh hàng năm theo đúng quy chế tuyển sinh với tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học và phù hợp với ngành đào tạo. Công khai tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học trên các kênh thông tin truyền thông.	P.QLĐT; Ban TTTT & QTM; K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... được Nhà trường giao cho các đơn vị chuyên trách bao gồm: Khoa QTKD, Phòng CTCTSV&HTDN và Phòng QLĐT. Tại Khoa QTKD, lãnh đạo Khoa và một số GV, thư ký Khoa ở cấp lớp, Ban Cán sự lớp là những lực lượng chủ chốt đảm nhiệm vai trò kết nối giữa Nhà trường với SV. Việc tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực hoạt động, chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng này đã và đang được Nhà trường triển khai thực hiện qua các năm học [H8.08.03.01]. Cụ thể, ban Cán sự lớp hỗ trợ Nhà trường và Khoa trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch của Trường và Khoa. Ngoài ra, Ban cán sự lớp cũng theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc và báo cáo tình hình SV với Cố vấn học tập. Việc này giúp các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường được giải quyết kịp thời. Đồng thời, Nhà trường phân công một Phó Hiệu trưởng

trực tiếp chỉ đạo hoạt động công tác này trong toàn trường **[H8.08.03.02]**.

Nhà trường còn xây dựng một hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV một cách chặt chẽ. Bao gồm: Giám sát hoạt động đào tạo; giám sát học tập, xử lý học vụ; giám sát rèn luyện, ngoại trú SV **[H8.08.03.03]**.

Ngoài hệ thống phần mềm, Nhà trường còn sử dụng nhiều kênh thông tin khác nhau để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của SV như:

Mỗi học kỳ, Phòng QLĐT thống kê kết quả học tập của SV, tỷ lệ SV bị điểm F theo từng môn học, từng học kỳ; trao đổi với các khoa để lấy ý kiến, tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề học tập của SV. Phòng QLĐT cũng thống kê tình hình bỏ học để báo cáo cho BGH. Thông qua các cuộc họp giao ban tuần của BGH, giao ban toàn trường, họp Khoa, các kết quả này được phân tích, và tìm ra nguyên nhân. Phòng QLĐT cũng tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến góp ý của các BLQ về giải pháp hạn chế tình trạng nghỉ học, cảnh báo học vụ. Về tình trạng nghỉ học do hoàn cảnh gia đình khó khăn, một số ý kiến đề xuất: Phòng CTCTSV&HTDN tìm kiếm thêm các nguồn học bổng cho SV nghèo vượt khó; tăng cường hỗ trợ SV trong các thủ vay vốn ngân hàng chính sách, Phòng QLĐT và các khoa phối hợp rà soát, cập nhật CTĐT định kỳ cho phù hợp với thực tiễn **[H8.08.03.04]**.

Cuối mỗi học kỳ, Phòng CTCTSV&HTDN gửi thông báo đến các khoa về việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của SV. Gồm 5 tiêu chí đánh giá: (1) Đánh giá về ý thức tham gia học tập; (2) Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường; (3) Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; (4) Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng; (5) Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hợp pháp khác trong Trường hoặc đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của SV. Phòng CTCTSV&HTDN sẽ thống kê kết quả rèn luyện của SV và thông báo trong các buổi họp giao ban của Trường. Nhờ đó, Khoa/GV kịp thời nắm bắt được tiến độ học của người học để kịp thời điều chỉnh, bổ sung TKB và các hoạt động khác cho SV **[H8.08.03.05]**.

Thêm vào đó, GV và Thư ký phụ trách công tác SV của Khoa cũng nắm bắt tiến độ của người học thông qua trang mạng xã hội (Facebook). Ngoài ra, việc điểm danh SV được thể hiện trong Sổ theo dõi tình hình lên lớp của GV, kết quả đánh giá điểm chuyên cần, kết quả xử lý học vụ từng học kỳ là những phương thức truyền thống để theo dõi việc học tập SV.

Hàng năm, Nhà trường và Khoa tổ chức gặp gỡ SV để trao đổi về những vấn đề, kinh nghiệm trong quá trình học tập. Đó cũng là dịp để Khoa/Trường lắng nghe những đề xuất, ý kiến đóng góp của SV [H8.08.03.06].

UPT phát huy tính dân chủ và tích cực của người học thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu có kết quả đánh giá người học trong cả tiến trình học tập. Kết thúc mỗi học phần, SV truy cập vào website Trường theo link: <http://pdt.upt.edu.vn/sinhvien/> đăng nhập vào tài khoản mật khẩu Trường đã cung cấp để xem điểm, SV phải hoàn thành phiếu khảo sát đánh giá môn học mới được xem điểm các học phần của mình. Dựa trên những đánh giá của SV, Nhà trường xây dựng những kế hoạch để cải tiến chất lượng đào tạo trong những môn học sau. Ngoài ra, SV còn có thể bày tỏ ý kiến, nguyện vọng của mình thông qua các kênh facebook, Fanpage Trường <https://www.facebook.com/upt.edu.vn/>, qua Zalo, Email... Trường luôn luôn chú trọng về chất lượng đầu ra của SV, cũng như tích cực tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc làm cho SV thông qua website liên kết với doanh nghiệp cũng như các kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm cho SV năm cuối.

Đặc điểm là trường đại học tư thục và ở địa phương nên UPT có số lượng và chất lượng SV đầu vào không cao. Vì lẽ đó, BGH và Khoa thường xuyên quan tâm chăm sóc SV, theo dõi kết quả học tập, rèn luyện, theo dõi tỷ lệ bỏ học, và xem đây là một nhiệm vụ quan trọng. Từ các kết quả thống kê của các phòng và của Khoa, Nhà trường/Khoa đề ra nhiều biện pháp khắc phục nhanh chóng nhằm hạn chế tối đa tỷ lệ bỏ học, cải thiện kết quả học tập và rèn luyện. Cụ thể: (1) Cảnh báo học vụ sớm cho SV và phụ huynh qua việc: gửi thư, gặp mặt trực tiếp, gọi điện thoại, trao đổi qua Facebook...; (2) tăng cường nhân sự tại mỗi khoa hỗ trợ về công tác SV để theo dõi tỷ lệ lên lớp của SV, nếu SV nào vắng trên 2 buổi/môn học, gọi điện thoại trực tiếp cho SV hoặc phụ huynh để tìm hiểu lý do; (3) phân bổ hợp lý khối lượng học tập đảm bảo người có học lực trung bình cũng có thể hoàn thành CTĐT đúng thời hạn [H8.08.03.07].

BGH yêu cầu các Khoa và các phòng/ban có liên quan, có biện pháp giúp những SV năm đầu còn gặp khó khăn trong việc thích nghi với môi trường học tập cũng như cách học tập mới ở bậc Đại học; áp dụng nhiều biện pháp để những SV có kết quả học tập, rèn luyện yếu kém có thể nâng cao kết quả. Ngoài ra, Khoa còn có trách nhiệm theo dõi, nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp, họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV và có những biện pháp xử lý, hỗ trợ kịp thời; tổ chức hội thảo tư vấn phương pháp học tập **[H8.08.03.08]**. Bên cạnh đó, trợ lý Khoa sẽ gọi điện thoại, gửi thư cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ. Về phía GV, chủ động tăng tiết dạy thêm và tăng giao tiếp qua Email, qua mạng xã hội, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập... Khoa cũng phân công GV hướng dẫn tư vấn cho SV về việc chọn nơi thực tập, làm luận văn tốt nghiệp; hỗ trợ thêm các kênh thông tin tìm kiếm chỗ thực tập/Thực hành và tìm kiếm việc làm bán thời gian cho SV đang học hoặc toàn thời gian cho SV tốt nghiệp ra trường... **[H8.08.03.09]**.

Tỷ lệ SV ngành Log&QLCCU được Nhà trường khen thưởng gia tăng qua mỗi năm; tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học của SV cũng được giảm xuống, tỷ lệ SV ngành Log&QLCCU khóa đầu tiên có việc làm sau khi ra Trường khá cao **[H8.08.03.10]**.

2. Điểm mạnh:

Trường/Khoa có phân công các đơn vị và cán bộ chuyên trách trong công tác giám sát sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện. Quy trình về giám sát trong học tập và rèn luyện của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới sự phối hợp của các đơn vị và nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Các cơ sở dữ liệu về điểm học tập, rèn luyện, thống kê các tỷ lệ thôi học,... được xác lập định kỳ và theo dõi sát sao.

3. Điểm tồn tại:

SV cung cấp các kênh thông tin liên lạc nhiều trường hợp chưa chính xác gây khó khăn cho Khoa trong việc liên lạc với SV và phụ huynh trong quá trình hỗ trợ SV trong suốt khóa học. Việc luân phiên thay đổi Cố vấn học tập của các lớp hàng năm trong Khoa làm cho công tác hỗ trợ người học đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường/Khoa sẽ phối hợp trong việc cập nhật thêm các thông tin liên lạc của SV và phụ huynh về địa chỉ nơi ở; facebook và một số trang mạng xã hội khác,... để phục vụ cho quá trình hỗ trợ người học. Cải tiến thêm việc phân công cố vấn học tập trong giám sát, hỗ trợ người học.	P.QLĐT, P.CTCTSV &HTDN, K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hệ thống giám sát, hỗ trợ người học cấp Trường và cấp Khoa bằng việc bổ sung thêm nhân sự và biện pháp giám sát hiệu quả hơn.	- P.QLĐT, - K.QTKD, - Các đơn vị	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN, và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của người học cũng như các hoạt động giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học, cảnh báo học vụ... Khoa QTKD phân công một số GV (là những GV có kinh nghiệm) làm cố vấn học tập, Thư ký Khoa chịu trách nhiệm trực tiếp các hoạt động này. Thêm vào đó, Khoa QTKD đã lên kế hoạch và thực hiện tổ chức Hướng nghiệp cho SV ngành Log&QLCCU nhằm giúp SV tìm hiểu về nghiệp vụ và kinh nghiệm chuyên ngành làm việc, thông qua công

tác trao đổi với chuyên gia ngành. Cụ thể, khoa có mời Giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội Bình Thuận về giảng dạy môn hướng nghiệp, hỗ trợ và chia sẻ những kinh nghiệm thực tế cho SV. Phối hợp với Khoa, Ban Cán sự lớp là lực lượng nòng cốt hỗ trợ Khoa tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác. Ban Cán sự lớp chủ động theo dõi, nắm bắt tình hình SV, thường xuyên liên lạc với Cố vấn học tập nhằm giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường. Về phía nhà Trường, một Phó Hiệu trưởng được phân công trực tiếp chỉ đạo công tác này trong toàn Trường **[H8.08.04.01]**.

Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho SV, mở rộng các mối quan hệ với các doanh nghiệp, tăng cường phối hợp thực tiễn để nâng cao công tác giảng dạy học tập của Nhà trường, giới thiệu SV cho các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, giới thiệu việc làm thực tập cho SV năm cuối. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn thường xuyên mời các cơ quan, doanh nghiệp tham dự các buổi hội thảo, các buổi tư vấn phổ biến kinh nghiệm chinh phục nhà tuyển dụng, tổ chức ngày Hội việc làm... **[H8.08.04.02]**.

Thông qua một số quy trình và kế hoạch công tác của các đơn vị, các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập được xây dựng và triển khai một cách chặt chẽ.

+ Về công tác đào tạo, NCKH SV: Triển khai và giám sát công tác đào tạo qua Quy chế đào tạo của Trường; hệ thống các quy trình nghiệp vụ như: Quy trình hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp, báo cáo thực tập; Quy trình xét tốt nghiệp; Quy trình tổ chức thi học kỳ **[H8.08.04.03]**. Đầu năm học, Trường thành lập Ban thường trực tuyển sinh và xây dựng kế hoạch tuần sinh hoạt công dân rất chi tiết, tân SV và SV sẽ được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các văn bản hướng dẫn của Nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của SV trong quá trình tuyển sinh, hỗ trợ đăng ký nhập học và tuần sinh hoạt công dân đầu khóa học. Khi vào Website của Phòng QLĐT, Khoa, Phòng CTCTSV&HTDN hoặc xem Sổ tay SV,... SV sẽ được hỗ trợ các thông tin liên quan đến công tác đào tạo. Ngoài ra, để hỗ trợ tối đa cho người học, và chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng SV, Trường còn cung cấp cho mỗi SV một tài khoản email cá nhân, thông qua đó, SV sẽ biết được CTĐT, các thông báo và hướng dẫn đóng học phí, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả thi, cảnh báo học

vụ, phúc khảo, thực tập, tốt nghiệp, việc làm... [H8.08.04.04], [H8.08.04.05]. Khoa, cố vấn học tập được giao nhiệm vụ tham gia sinh hoạt lớp, tổ chức cuộc gặp SV đầu năm để giới thiệu về định hướng phát triển của Trường hiện nay, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập, các quy định, biểu mẫu hướng dẫn các hoạt động tại Trường và giải đáp một số thắc mắc của tân SV và SV các khóa. Ngoài ra, Nhà trường còn tổ chức đối thoại giữa SV và lãnh đạo Nhà trường hằng năm nhằm thu thập thông tin phản hồi của SV về tất cả các phương diện của Trường, Khoa [H8.08.04.06].

NCKH của SV là hoạt động luôn được Nhà trường và Khoa QTKD quan tâm, khuyến khích. SV được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các GV và NCV của Trường. Các chương trình Hội thảo Khoa học của Trường và các Khoa tăng dần về số lượng và chất lượng hằng năm nên đã thu hút hàng nhiều SV tham gia [H8.08.04.07].

Để hỗ trợ cho việc học tập và NCKH của SV, thư viện Nhà trường ngày càng được trang bị, cập nhật đủ giáo trình, tài liệu học tập sát với từng CTĐT. Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động Thư viện cũng được Nhà trường chú trọng. Cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho SV về nguồn tài liệu học tập và NCKH [H8.08.04.08].

+ Về các hoạt động ngoại khóa, các dịch vụ hỗ trợ khác: Phòng CTCTSV&HTDN giữ vai trò chính trong công tác quản lý giáo dục về phẩm chất đạo đức, nhân cách của SV. Nội dung trọng tâm của công tác này bao gồm: giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống trong SV; Thực hiện thi đua, khen thưởng, kỷ luật, chăm lo và hỗ trợ SV; Đánh giá rèn luyện SV toàn Trường; Phát động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, câu lạc bộ; Giữ liên lạc với Cựu SV; Tổ chức các chương trình sự kiện cấp trường. Để thực hiện tốt các động phục vụ và hỗ trợ người học, Phòng CTCTSV&HTDN đã xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể [H8.08.04.09].

Trường đã thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện cấp Khoa, cấp Trường. Đặc biệt, cổng thông tin điện tử Trường là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường,

mọi thông tin liên quan đều được thể hiện một cách trực quan, cụ thể, rõ ràng thông qua chuyên mục SV **[H8.08.04.10]**.

Trường xây dựng Quỹ học bổng dành cho SV với nhiều chương trình học bổng phong phú để động viên, khích lệ SV đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động phong trào, đồng thời hỗ trợ SV gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính. Ngoài ra, SV cũng có thể nhận được các học bổng được tài trợ bởi chính các đối tác, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Trường. Nhà trường đảm bảo SV được tiếp cận đầy đủ các thông tin về chương trình học bổng trong và ngoài Trường qua chuyên mục Học bổng hỗ trợ SV, thống kê nguồn học bổng, tổng hợp theo dõi tình hình SV nhận học bổng **[H8.08.04.11]**, **[H8.08.04.12]**.

Ngoài các dịch vụ hỗ trợ trên, tất cả những SV thuộc diện chính sách đều được Trường đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách xã hội đúng theo quy định Nhà nước như hoạt động cấp giấy xác nhận SV giới thiệu về địa phương để vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho SV học tập và sinh hoạt.

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Đầu năm học, Đoàn Thanh niên sẽ lên kế hoạch hoạt động trong năm. Trong kế hoạch sẽ đưa ra các thông tin cụ thể về mục tiêu của hoạt động, nội dung hoạt động, dự trù kinh phí và thời gian thực hiện. Nhờ đó, các phòng/khoa có thể tiếp cận thông tin, lên kế hoạch thực hiện cho phòng/khoa và có những góp ý phù hợp nhằm hỗ trợ các hoạt động được tốt hơn. Một số kế hoạch triển khai các hoạt động chính trong năm học: chương trình chào đón tân sinh viên, các giải bóng đá cho SV nam/nữ và các hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng các ngày lễ lớn. Hiện nay, Trường có 4 câu lạc bộ do Đoàn TN và Hội SV trực tiếp quản lý tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để thu hút đông đảo SV tham gia. Khoa QTKD đã chỉ đạo Ban chấp hành đoàn Khoa, GV phụ trách các mảng hoạt động phong trào tổ chức các hoạt động ngoại khóa trong suốt năm học; tham gia cuộc thi Khúc hát tri ân, các giải bóng đá mini, cuộc thi cắm hoa, hội chợ ẩm thực và trò chơi, hội thao ... **[H8.08.04.13]**.

Về sức khỏe SV: Hỗ trợ các vấn đề về sức khỏe (sơ cứu khi có tai nạn, khám sức khỏe, bảo hiểm y tế), tư vấn tâm lý cho SV. Việc khám sức khỏe cho SV được tổ chức khi SV nhập học. SV được Nhà trường hỗ trợ đăng ký bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn

cho SV. Bên cạnh đó, SV được còn được tư vấn tâm lý miễn phí khi có nhu cầu. Trung bình mỗi năm học Phòng Y tế Trường đã khám và cấp phát thuốc cho hơn 1.000 lượt người, cấp cứu tại chỗ trên 50 trường hợp **[H8.08.04.14]**.

Định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV hằng năm, Trường đều tổ chức ngày Hội việc làm cho SV với sự tham gia của hơn 30 doanh nghiệp mỗi năm và có hơn 1000 vị trí việc làm cho các bạn ứng tuyển **[H8.08.04.02]**.

Tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm: 100% SV tốt nghiệp các năm đều được khảo sát việc làm, tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm hằng năm đạt 90-96% **[H8.08.04.15]**.

Dịch vụ tiện ích: Hiện nay KTX đáp ứng được nhu cầu chỗ ở nội trú của SV, có Căn tin, Thư viện, các phòng tự học cho SV cơ bản đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho học tập và sinh hoạt **[H8.08.04.16]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổ chức lấy ý kiến phản hồi trên 80% SV và SV cuối khóa về khóa học và về chất lượng các hoạt động hỗ trợ, đội ngũ nhân viên hỗ trợ **[H8.08.04.17]**. Các kết quả khảo sát sẽ được báo cáo cho BGH và gửi đến các khoa/đơn vị liên quan để cải tiến chất lượng công tác hỗ trợ người học. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường triển khai theo một nguyên tắc nhất quán xuyên suốt trong mọi hoạt động, có kế hoạch, triển khai, rà soát và cải tiến các kết quả hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học cho thấy SV Khoa QTKD hài lòng cao về hoạt động này **[H8.08.04.18]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có hệ thống hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, NCKH, hoạt động ngoại khoá, việc làm... được phân công, phân nhiệm rõ ràng và phối hợp với nhau. Các kế hoạch, biện pháp hỗ trợ được triển khai thường xuyên giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của SV.

Hàng năm tất cả SV, SV sắp tốt nghiệp đều được khảo sát ý kiến về các hoạt động hỗ trợ của Nhà trường/Khoa để tiếp tục có các giải pháp cải tiến.

3. Điểm tồn tại:

Các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá... của SV ngành Log&QLCCU

còn chưa phong phú. Trên thực tế, hệ thống giám sát, hỗ trợ người học của Trường còn khá thô sơ, phụ thuộc nhiều vào người hỗ trợ, giám sát nên vẫn còn hạn chế về việc theo dõi việc triển khai và hiệu quả thực hiện.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp với các đơn vị sẽ tổ chức thêm các hoạt động phong trào, học thuật, ngoại khóa hấp dẫn hơn và tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho sinh viên kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh, trang mạng xã hội khác.	K.QTKD; P.CTCTSV &HTDN; Các đơn vị	Thường xuyên (từ 2025-2026)	
		Khoa đề xuất Nhà trường có thêm hệ thống giám sát bằng camera, các phần mềm quản lý học vụ tích hợp hiện đại hơn, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào con người.	- P.QLĐT; - P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giám sát, hỗ trợ người học đồng bộ, gắn kết ở từ cấp Trường đến Khoa. Khích lệ và động viên đội ngũ CBNV hỗ trợ để phát huy tinh thần nhiệt huyết trong công tác hỗ trợ SV.	- P.QLĐT; - K.QTKD; - Các đơn vị.	Thường niên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường có đủ số phòng học, giảng đường, phòng thực hành phục vụ cho việc giảng

dạy, học tập và NCKH đáp ứng yêu cầu học tập và NCKH của SV và GV ngành Log&QLCCU. Phan Thiết là một trong các thành phố du lịch, nơi tập trung rất nhiều khu nghỉ dưỡng bậc nhất của Việt Nam, hệ thống các ngân hàng cũng có mặt khá đông đủ ở đây, rất thuận lợi cho đào tạo ngành Log&QLCCU theo định hướng đào tạo kết hợp với thực tiễn. Với khuôn viên rộng gần 12 hecta, Trường định hướng đến sự kết hợp giữa xanh, sạch, đẹp và hiện đại. Tất cả các phòng học đều được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ công tác dạy và học. Khu hiệu bộ, giảng đường, các phòng/khoa,... KTX được bố trí khoa học, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH của CBGV, SV. Cảnh quan sư phạm của Trường và Khoa QTKD luôn sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái cho tất cả các SV. Trang bị máy điều hòa cho toàn bộ phòng học, phòng làm việc, phòng nghỉ cho các GV từ xa đến công tác. Nhà trường có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [H8.08.05.01]. Nhà trường có ban hành nội quy/quy tắc ứng xử trong Trường cho tất cả SV, CBGVNV [H8.08.05.02].

Khoa luôn tạo dựng môi trường học tập và sinh hoạt cho SV ngành Log&QLCCU được thuận lợi, thoải mái nhất. SV dễ dàng liên hệ với Khoa thông qua Trợ lý Khoa, GV một cách dễ dàng, thân thiện. Tất cả các vấn đề có liên quan đến học tập, chính sách hỗ trợ cho SV, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ, Khoa luôn cố gắng thông tin đến SV kịp thời, rõ ràng nhất. Nếu SV cần sự hỗ trợ về các vấn đề khác ngoài học tập, tất cả thành viên của Khoa QTKD kể cả Trưởng Khoa đều luôn sẵn lòng. Với các trường hợp gia cảnh khó khăn hoặc gặp trở ngại về tâm lý làm ảnh hưởng đến việc học tập, Trợ lý khoa sẽ kết hợp với cố vấn học tập trao đổi, tư vấn giúp đỡ SV. Hàng năm, Trường/Khoa QTKD có khảo sát, lấy ý kiến người học và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan khuôn viên Trường [H8.08.05.03].

Vấn đề an toàn phòng chống cháy nổ được Trường rất quan tâm. Hằng năm, Trường đều nghiêm túc cử người tham gia tập huấn [H8.08.05.04]. Để đảm bảo vấn đề sức khỏe cho SV, CBGVNV; Trường chú trọng nguồn nước sạch và chất lượng thực phẩm phục vụ trong Nhà trường [H8.08.05.05].

Số lượng SV lưu trú tại KTX khá nhiều nên Nhà trường cũng chú trọng về công tác đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm như: báo cáo kết quả triển khai về việc

thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin, các giấy chứng nhận liên quan; Lập tờ trình gửi Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Thuận về xin ký cam kết đảm bảo ATTP cho bếp ăn tập thể **[H8.08.05.05]**.

SV Khoa QTKD được tham gia BHYT, BHTN đồng thời đều được Khoa thông báo tham dự các buổi tư vấn sức khỏe học đường, tâm lý do các đơn vị trong Trường tổ chức đầy đủ **[H8.08.05.06]**.

Ngoài ra, SV Khoa QTKD còn tham gia hoạt động thường niên là Tổ chức giải bóng đá Nam/Nữ tại trường và các hoạt động văn nghệ sôi nổi. Các hoạt động này khá thu hút SV của Khoa và toàn Trường quan tâm, tham gia **[H8.08.05.07]**.

2. Điểm mạnh:

Môi trường sinh thái và môi trường tâm lý học tập, môi trường thực hành lý tưởng, công tác y tế học đường, phòng cháy chữa cháy,... luôn được Nhà Trường quan tâm, đầu tư, đánh giá và cải tiến. Văn hóa ứng xử trong Nhà trường văn minh, lịch sự, thân thiện. Người học được tham gia góp ý về môi trường học tập tại UPT.

3. Điểm tồn tại:

Nhà trường chưa trang bị CSVC phục vụ riêng cho những người có nhu cầu đặc biệt (dị tật cơ thể) vì số lượng rất ít.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát số SV có nhu cầu đặc biệt cần hỗ trợ hằng năm để có kế hoạch trang bị CSVC phù hợp, cũng như các hoạt động hỗ trợ khác để tạo điều kiện thuận lợi cho SV học tập tại Trường.	- K.QTKD; - P.QLĐT; - P.TC-HC	Hằng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy	Tiếp tục nâng cấp về CSVC, môi trường cảnh quan phục vụ học tập,	P.TC-HC; P.CTCTSV	Định kỳ (từ 2025-	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	nghiên cứu và các hoạt động ngoại khóa của SV, đảm bảo an toàn và tạo tâm lý thoải mái cho SV. Tiếp tục duy trì những điểm mạnh về Văn hóa ứng xử của SV trường.	&HTDN	2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 8:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Công tác tuyển sinh của Trường, Khoa thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT và đề án tuyển sinh của Trường với các phương thức tuyển sinh đa dạng, tiêu chí rõ ràng và được quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông. Đồng thời được liên tục rà soát, đánh giá và cải tiến hằng năm để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào học tại Trường cũng như vào ngành Log&QLCCU'.

Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc phát triển và nâng cao giá trị không gian kiến trúc, cải thiện CSVC, cảnh quan, đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho người học.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Mặc dù Nhà trường đã xây dựng được các hình thức tuyển sinh đa dạng, có nhiều chính sách học bổng, ưu đãi học phí nhưng số lượng học sinh tham gia đăng ký nhập học tại Trường và ngành Log&QLCCU' chưa đạt chỉ tiêu hằng năm. Trường và Khoa QTKD chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản. Việc luân phiên thay đổi Cố vấn học tập của

các lớp hàng năm trong Khoa làm cho công tác hỗ trợ người học đạt hiệu quả chưa cao. Số lượng và loại hình các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa... của SV ngành Log&QLCCU chưa phong phú.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 8:

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn 8 gồm có 5 tiêu chí, trong đó 5 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu:

Trường có hệ thống CSVC và trang thiết bị cơ bản đáp ứng đầy đủ yêu cầu đào tạo và NCKH của Nhà trường nói chung và của Khoa QTKD nói riêng và đang đẩy mạnh công tác đầu tư, nâng cấp CSVC để đáp ứng tốt nhu cầu dạy – học của GV và SV.

Đối với khoa QTKD, Nhà trường chú trọng đến việc trang bị các phòng thực hành mô phỏng doanh nghiệp, phòng học tương tác, hệ thống máy tính kết nối mạng nội bộ và Internet phục vụ cho các học phần chuyên ngành như quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị nhân sự, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo... Ngoài ra, SV còn được tiếp cận với các phần mềm ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp, giúp nâng cao năng lực thực hành và khả năng thích ứng với môi trường làm việc thực tế sau khi ra trường.

Thư viện của Nhà trường được kết nối với hệ thống học liệu điện tử của nhiều trường đại học uy tín trong và ngoài nước, đồng thời chú trọng biên soạn và phát triển giáo trình nội bộ chuyên sâu theo từng học phần của khoa QTKD hỗ trợ tích cực cho công tác học tập, nghiên cứu và giảng dạy.

Bên cạnh đó, Nhà trường đang tiếp tục triển khai quy hoạch mở rộng diện tích đất, giải tỏa mặt bằng để xây dựng thêm các khu chức năng mới như trung tâm thư viện, khu thể thao đa năng, khu sinh hoạt học thuật và ngoại khóa, hệ thống phòng thực hành chuyên sâu theo từng chuyên ngành... Tất cả đều nhằm phục vụ chiến lược phát triển bền vững và nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng thực tiễn, hiện đại của Trường.

Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường có tổng diện tích đất được giao là 119.875,9 m², trong đó 11.494,82 m² là diện tích sàn cho các hoạt động đào tạo và NCKH, tỷ lệ diện tích diện tích sàn đạt 6,97m²/SV đáp ứng tốt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT, đồng thời tạo điều kiện lý tưởng cho môi trường học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của CBGVNV và SV.

Trường hiện có 30 phòng học lý thuyết, được bố trí khoa học, đảm bảo thông thoáng, đủ ánh sáng và trang bị các công cụ hỗ trợ giảng dạy hiện đại. Ngoài ra, Nhà trường còn có 7 phòng thí nghiệm, 7 phòng thực hành chuyên ngành, 1 xưởng thực hành ô tô (phục vụ các ngành kỹ thuật), 6 phòng học đa phương tiện với hệ thống máy chiếu, máy tính đồng bộ, đáp ứng nhu cầu học tập tích hợp công nghệ số cho SV khoa QTKD và các khoa khác.

Nhà trường hiện có 26 phòng làm việc, phục vụ cho CBGVNV và công tác quản lý, được bố trí hợp lý, đảm bảo sự thuận tiện, hiệu quả trong vận hành và điều phối hoạt động giảng dạy – nghiên cứu.

Tất cả các phòng học và phòng chức năng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu như bàn, ghế, tủ hồ sơ, máy vi tính, máy in, máy chiếu, hệ thống chiếu sáng, hệ thống thông gió, điều hòa không khí, cùng các thiết bị hỗ trợ giảng dạy khác. Việc bố trí, thiết kế đều tuân thủ các quy định hiện hành về diện tích, mật độ, và tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm sự an toàn, thuận tiện và hiệu quả tối đa cho người sử dụng.

Ngoài ra, Trường vẫn đang trong quá trình tiếp tục quy hoạch mở rộng khuôn viên, giải tỏa mặt bằng và triển khai các dự án xây dựng mới với mục tiêu phát triển đồng bộ: nâng cấp thêm các khối phòng học, trung tâm học liệu, khu sinh hoạt ngoại khóa, khu thể dục thể thao, và các trung tâm nghiên cứu – sáng tạo phục vụ cho công tác giảng dạy và thực hành theo định hướng ứng dụng của chương trình đào tạo hiện hành **[H9.09.01.01]**.

Văn phòng Khoa QTKD được đặt tại tầng trệt của giảng đường B, được trang bị đầy đủ CSVC phục vụ cho hoạt động quản lý và hỗ trợ SV, công tác chuyên môn cho đội ngũ CBGV Khoa. Trường có 1 Hội trường lớn được trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, ánh sáng, trình chiếu, tạo điều kiện thuận lợi để SV khoa QTKD thường xuyên được tiếp cận với thực tiễn, gặp gỡ doanh nghiệp, mở rộng kiến thức ngoài giảng đường;

04 phòng thực hành máy tính sử dụng cho Khoa QTKD và các Khoa, giúp SV tiếp cận với thực hành trong quá trình học tại Trường và tại doanh nghiệp mà Trường liên kết cho SV kiến tập, thực tập **[H9.09.01.02]**.

Trường có ban hành đã ban hành nội quy sử dụng tài sản, thiết bị trong các phòng học và phòng thực hành. Phòng TC-HC có bộ phận quản trị thiết bị theo dõi sử dụng hiệu quả tài sản của trường phục vụ cho giảng dạy, NCKH và học tập **[H9.09.01.02]**. Phòng TC-HC có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ và quản lý toàn bộ hệ thống các phòng làm việc, phòng thực hành, giảng đường, phòng học, hội trường, KTX, sân vườn cây cảnh, hệ thống cung cấp điện nước. Bảo dưỡng và tổ chức thực hiện việc phục vụ trang thiết bị theo yêu cầu của các đơn vị và bảo dưỡng máy móc thiết bị theo chế độ quy định. Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư kỹ thuật, dụng cụ, công cụ... phục vụ kịp thời cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu và làm việc của CBGVNV, SV. Phối hợp với Phòng KH-TC lập kế hoạch, định giá, phân loại tài sản, tiến hành các thủ tục thanh lý tài sản đã hết hạn sử dụng theo nguyên tắc quy định của Nhà nước **[H9.09.01.03]**.

Hằng năm, căn cứ theo kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan để khảo sát thực tế, lấy ý kiến phản hồi từ đội ngũ GV và SV, từ đó tổng hợp và xây dựng báo cáo đề xuất nhằm phục vụ công tác điều chỉnh, đầu tư mới hoặc cải tạo, nâng cấp CSVC, trang thiết bị cho giảng dạy và làm việc của Khoa/Trường. Một số hạng mục tiêu biểu thường được đề xuất bao gồm: bổ sung, thay mới bàn ghế tại văn phòng khoa, thiết bị phục vụ giảng dạy thực hành như nâng cấp máy tính phòng máy, cài đặt hoặc cập nhật phần mềm chuyên ngành, bổ sung tài liệu và học liệu số phù hợp với nội dung các học phần thực hành chuyên sâu như Quản trị chiến lược, Marketing, Quản trị dự án, và Khởi nghiệp... tạo điều kiện thuận lợi để GV triển khai phương pháp dạy học hiện đại, đồng thời giúp SV tiếp cận kiến thức và thực hành trong môi trường học tập ngày càng chuyên nghiệp **[H9.09.01.04]**.

2. Điểm mạnh:

Các phòng làm việc và phòng học tại Trường nói chung, và tại khoa QTKD nói riêng, đều được trang bị đầy đủ các thiết bị, công cụ cần thiết nhằm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH. Không gian các phòng được bố trí khoa học, thoáng mát,

đảm bảo yếu tố an toàn, tiện nghi, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong quá trình làm việc và học tập.

3. Điểm tồn tại:

Diện tích phòng làm việc của Khoa còn nhỏ, chưa có phòng sinh hoạt cho từng bộ môn Khoa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Đề xuất Nhà trường bổ sung thêm một phòng làm việc được trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho việc tổ chức sinh hoạt bộ môn; sớm đầu tư mở rộng CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng hệ thống các phòng làm việc, phòng khoa có diện tích lớn hơn. - Xây dựng thêm phòng thực hành mô phỏng cho các ngành như: Marketing và Truyền thông tích hợp, Dệt may,...	P.TC-HC; K.QTKD	Từ năm 2025-2030	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên rà soát nhu cầu để nâng cấp hệ thống trang thiết bị, công cụ dạy học, thực hành phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy.	P.TC-HC; K.QTKD	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.2. Thư viện và nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện Trường được thành lập, tổ chức và hoạt động từ năm 2009, có chức năng phục vụ việc học tập và nghiên cứu của tập thể GV và SV đang học tập, nghiên cứu và làm việc tại Trường **[H9.09.02.01]**, với tổng diện tích sàn hiện nay là 600m² gồm các phòng đọc dành cho SV, CBGVNV, phòng thư viện điện tử, kho sách, báo, tạp chí, Phòng tự học phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu và làm việc theo nhóm hoặc cá nhân **[H9.09.02.02]**.

Thư viện được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị **[H9.09.02.03]**. Thư viện có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng; Thư viện mở cửa từ 7h30 – 11h30 sáng đến 13h00 - 17h00 chiều, tạo điều kiện thuận lợi cho GV và người học khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu. Thư viện được quản lý và theo dõi chặt chẽ đối với các hoạt động như cho SV, GV mượn/trả sách, giáo trình và các hoạt động khác nhằm tránh thất thoát để đảm bảo nguồn học liệu luôn được đầy đủ **[H9.09.02.04]**. Để đảm bảo nhân sự cho thư viện, Trường đã cử cán bộ thư viện đi học nghiệp vụ và quyết định bổ nhiệm nhân sự, sau đó tập huấn lại cho các cán bộ thư viện mới **[H9.09.02.05]**.

Thư viện Trường cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu, sách tham khảo phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa **[H9.09.02.06]**. Trong những năm gần đây, nguồn học liệu của thư viện không ngừng được bổ sung và đa dạng hóa. Hiện tại, thư viện đang phục vụ 9466 đầu sách, nhiều bài luận văn, luận án, đồ án các loại, gần 4500 đầu báo và tạp chí trong nước và nước ngoài. Công tác bổ sung tài liệu để tăng nguồn tài liệu tham khảo cho người học và bổ sung giáo trình cho những môn học mới được thực hiện đúng quy trình. Hiện tại Thư viện có một cổng thông tin <http://lib.upt.edu.vn/>, Thư viện UPT là thành viên của Hiệp hội Thư viện miền nam, kết nối thư viện điện tử với Thư viện Trường ĐH Tây Đô, Trường ĐH Ngoại Thương và vào tháng 08/2023, Thư viện UPT đã chính thức kết nối vào thư viện số dùng chung của Trung tâm Tri Thức Số thuộc Viện Nghiên cứu và Phát triển Tri thức số Việt Nam để cung cấp, mở rộng thêm nguồn tài liệu học tập, tham khảo cho SV **[H9.09.02.07]**. Số lượng sách, tài liệu và tạp chí thường xuyên được thống kê và cập nhật định kỳ. Hàng năm, Trường dành một nguồn kinh phí cho công tác bổ sung nguồn tài liệu, nguồn tài liệu của Thư viện bao gồm hai nguồn chính: Nguồn mua bổ sung hàng năm bằng ngân sách do BGH duyệt và nguồn cho tặng. Phần lớn giáo trình và các loại sách sử dụng

trong trường được mua bằng nguồn kinh phí thường xuyên [H9.09.02.08]. Thư viện có báo cáo kế hoạch tổng kết định kỳ hàng năm và có các văn bản đề xuất nhu cầu đầu tư nguồn liệu phục vụ người học [H9.09.02.09].

Thư viện có phần mềm quản lý, có dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện. Hằng năm, Thư viện tiến hành khảo sát ý kiến nhằm đánh giá mức độ hài lòng của bạn đọc. Nội dung khảo sát tập trung vào việc đánh giá mức độ đầy đủ, phong phú của nguồn sách báo, tài liệu; về thái độ, tinh thần phục vụ của các nhân viên; về mức độ đáp ứng CSVC, trang thiết bị tại Thư viện. Kết quả khảo sát giúp Thư viện khắc phục những hạn chế, tồn tại, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.10].

2. Điểm mạnh:

Thư viện của Nhà trường có không gian thoáng mát với đầy đủ trang thiết bị cần thiết, các đầu sách được cập nhật hằng năm để phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Trường/Khoa. Xây dựng đầy đủ các quy trình sử dụng thư viện và hướng dẫn cho toàn thể SV và CBGVNV biết và thực hiện. Các hoạt động của Thư viện được theo dõi và đánh giá định kỳ hàng năm.

3. Điểm tồn tại:

Diện tích dành cho Thư viện còn khá nhỏ. Các tài liệu, sách tại Thư viện vẫn còn hạn chế, nhất là tài liệu của nước ngoài. Cách thức quản lý của Thư viện chưa được hiện đại hóa.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường đang triển khai dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng khu thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích.	- BGH; - P.TC-HC; - Thư viện; - Bộ phận IT	Từ năm 2025-2030	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1		- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển đầu sách, tài liệu in và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu. - Đổi mới phần mềm quản lý và công tác quản lý thư viện.			
2	Phát huy điểm mạnh	- Cập nhật đầu sách mới các ngành học. - Xây dựng các hoạt động nâng cao văn hóa đọc sách cho SV nhằm nâng cao chất lượng học tập, nghiên cứu thông qua việc đọc sách. - Định kỳ tham khảo ý kiến BLQ để tiếp tục cải tiến hoạt động phục vụ của thư viện.	- Thư viện; - Khoa; - P.QLĐT	Định kỳ hằng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Các ngành học của Khoa QTKD hiện nay sử dụng phòng thực hành máy tính là chủ yếu. Cụ thể, học phần Dựng hình 2D – 3D được giảng dạy tại phòng máy tính nhằm giúp SV có thể thao tác, thực hành theo hướng dẫn của GV giảng dạy và có thêm kỹ năng thiết kế, từ đó áp dụng vào thiết kế sản phẩm, bao bì, đồ họa,... Trường hiện tại có 04 phòng thực hành máy tính được sử dụng chung với một số chuyên ngành khác của Trường. Các phòng thí nghiệm, thực hành được Nhà trường đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu gắn liền với thực tế thiết kế

và bố trí khoa học, có sơ đồ hệ thống đáp ứng được các tiêu chuẩn về thực hành [H9.09.03.01]. Nhà trường ban hành quy chế sử dụng phòng thực hành chuyên ngành và phòng thực hành máy tính. Đồng thời, Nhà trường có các bảng nội quy, quy định sử dụng phòng thực hành được dán ngay tại phòng thực hành để SV, GV dễ dàng thực hiện [H9.09.03.02].

Nhà trường luôn quan tâm đến hiệu quả công tác quản lý, sử dụng các phòng thí nghiệm và trang thiết bị nhằm phục vụ tốt nhất công tác học tập, giảng dạy và NCKH. Tại các phòng máy tính, thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng, tất cả thiết bị thực hành được quản lý chặt chẽ [H9.09.03.03]. Định kỳ, căn cứ vào phản hồi của GV và SV, Phòng TC-HC phụ trách tiến hành kiểm kê, rà soát chất lượng và bảo dưỡng, sửa chữa các trang thiết bị thực hành. Nhà trường bố trí một khoản kinh phí khá lớn để sửa chữa, đầu tư, nâng cấp các phòng thực hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo [H9.09.03.04].

Định kỳ, Nhà trường và các bộ môn của Khoa tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CBGVNV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng thực hành và các trang thiết bị. GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt và rất tốt với tỷ lệ trên 70%. Đồng thời trên cơ sở đánh giá đó, Khoa đề xuất Nhà trường bổ sung, cải tiến, nâng cấp hệ thống CSVC cho phòng thực hành [H9.09.03.05]. Nhà trường cũng đang có dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, xây dựng thêm hệ thống phòng học, phòng thực hành chuyên ngành cho các Khoa trong thời gian sớm để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH của các Khoa.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có quan tâm đầu tư, nâng cấp các phòng thí nghiệm, thực hành với các trang thiết bị mới, hiện đại, đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH.

Phòng TC-HC và Khoa đã phối hợp ban hành các quy định về quản lý và sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, thực hành đảm bảo an toàn và hiệu quả.

3. Điểm tồn tại:

Vẫn còn một số thiết bị cũ chưa được bổ sung và thay thế kịp thời. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị đôi lúc chưa được kịp thời. Các phòng thực hành mô phỏng chuyên ngành Log&QLCCU tại Trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Rà soát, đánh giá toàn bộ các thiết bị thí nghiệm, thực hành, xây dựng kế hoạch đề xuất Nhà trường thay thế kịp thời các thiết bị đã cũ để đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo, NCKH. - Sớm xây dựng thêm phòng thực hành mô phỏng cho ngành Log&QLCCU.	- P.TC-HC; - Khoa; - Các đơn vị	Hàng năm (từ năm 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Sớm triển khai việc đầu tư mở rộng, nâng cấp hạ tầng, CSVC, trong đó có các phòng thực hành chuyên ngành cho khoa để tăng cường tổ chức cho SV học thực hành, nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn.	- BGH; - P.TC-HC; - Khoa	Từ năm 2025-2030	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

1. Mô tả hiện trạng:

Hệ thống CNTT của Nhà trường đã được tập trung đầu tư và có khả năng đáp ứng khá tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của Khoa/Trường. Về hạ tầng mạng, Nhà trường hiện sử dụng 2 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng học, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng Wifi toàn trường phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.01].

Trường hiện có khoảng 271 máy vi tính sử dụng cho quản lý, học tập, được bố trí ba phòng máy tính phục vụ hoạt động thực hành tin học căn bản và tin học chuyên ngành và các học phần thực hành khác cho nhiều ngành, cùng với một phòng máy tính tại

phòng thư viện Trường đáp ứng yêu cầu khai thác tư liệu của SV [H9.09.04.02]. Các ngành, các lớp có lịch thực hành được sắp xếp rõ ràng, đảm bảo 100% SV được sử dụng máy tính cho hoạt động học tập.

Ngoài ra, các phòng học đều có máy chiếu, micro, loa để phục vụ công tác giảng dạy. Trường đã trang bị đầy đủ hệ thống máy tính tại các phòng ban và các Khoa. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH. Trường/Ban TTTT&QTM đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính. Cụ thể, có kế hoạch trang bị hệ thống tường lửa (Firewall), Router, hệ thống cảnh báo xâm nhập (IDS) cho các máy chủ và mạng LAN của Trường; Các máy tính có phần mềm diệt virus. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt của Trường/Khoa [H9.09.04.02].

Toàn thể CBGVNV của Nhà trường đều được trang bị email công vụ, được hỗ trợ kỹ thuật về CNTT. Nhà trường đã thành lập Ban TTTT&QTM có trách nhiệm duy trì hoạt động website của Nhà trường, là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính. Ban đã bố trí chuyên viên có trình độ chuyên môn về CNTT phụ trách hệ thống mạng, phụ trách hệ thống máy tính, phụ trách phần mềm giúp hệ thống hoạt động hiệu quả [H9.09.04.02].

Đồng thời quá trình sử dụng các thiết bị CNTT đều được ghi chép trong các sổ theo dõi. Các bộ phận đề xuất, Ban TTTT&QTM tham mưu và cùng với Phòng TC-HC thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế kịp thời, đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động hiệu quả [H9.09.04.02]. Hàng năm, Trường có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đầu tư hệ thống máy chủ, máy trạm và mua thêm một số phần mềm mới [H9.09.04.03].

Trường cũng đã tổ chức khảo sát online mức độ hài lòng của CBGVNV và SV về hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy hơn 90% ý kiến hài lòng và tương đối hài lòng về các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, nghiên cứu (máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, máy photo, scan, thiết bị trong phòng thực hành...) tốt, đáp ứng công tác chuyên môn; hệ thống CNTT (máy tính, wifi, tốc độ đường truyền, các phần mềm, trang thông tin điện tử...) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào

tạo, nghiên cứu [H9.09.04.04].

Qua đó, Nhà trường đã có kế hoạch kịp thời khắc phục các thiếu sót để công tác hỗ trợ CNTT cho giảng dạy, học tập, NCKH và quản lý. Cụ thể, Trường đã chỉ đạo rà soát, sửa chữa hoặc thay mới hệ thống mạng, máy chiếu, âm thanh tại các giảng đường thay máy chiếu thành TV màn led lớn nhằm hỗ trợ tốt nhất cho công tác giảng dạy. Đồng thời, đã trang bị phòng thư viện điện tử năm 2018, có hệ thống máy tính nối mạng Internet tốc độ cao để phục vụ SV miễn phí truy cập tra cứu tài liệu học tập... Từ học kỳ hè năm học 2020-2021, Nhà trường đã triển khai phần mềm đào tạo trực tuyến cho 1 số học phần cơ bản. Sau đó, giai đoạn dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường tổ chức giảng dạy online qua ứng dụng MS TEAM, tổ chức các buổi tập huấn sử dụng ứng dụng MS TEAM cho CBGV và SV toàn trường nhằm hỗ trợ tốt nhất cho việc giảng dạy, học tập trực tuyến [H9.09.04.05]. Các GV có nhu cầu đến trường giảng dạy trực tuyến được bố trí phòng giảng dạy riêng, đảm bảo thích ứng an toàn trong đợt dịch Covid-19 và đảm bảo hệ thống mạng để việc giảng dạy không bị gián đoạn. Kế hoạch sắp tới Trường đang triển khai đầu tư hệ thống máy móc, trang bị phần mềm LMS để thực hiện đào tạo trực tuyến một số học phần theo quy định cho phép của Bộ GDĐT.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho CNTT, bảo trì, sửa chữa định kỳ trên cơ sở ý kiến hỏi của SV và các BLQ đảm bảo hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Toàn trường đã được phủ sóng Wifi, tạo điều kiện rất thuận lợi cho CBGVNV trong việc cập nhật, chia sẻ thông tin.

3. Điểm tồn tại:

Máy tính tại một vài phòng làm việc đã được sử dụng nhiều năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu sắp tới là quản lý và dạy trực tuyến một số học phần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc	Nhà trường tiếp tục triển khai đề	- BGH,	Từ năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	phục tồn tại	đầu tư CSVC, hạ tầng để thực hiện dạy học trực tuyến; nâng cấp chất lượng truy cập Wifi ở một số khu vực còn yếu; tiếp tục rà soát, bổ sung, nâng cấp và thay thế số máy tính cấu hình thấp.	- Ban TTTT, - P.TC-HC, - P.KH-TC	2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các biện pháp khai thác, sử dụng có hiệu quả hệ thống CNTT hiện tại của Trường để phục vụ công tác đào tạo và NCKH.	- Ban TTTT, - P.QLĐT, - Khoa, - Các đơn vị	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT là một cơ sở giáo dục có môi trường xanh-sạch-đẹp và an toàn. Nhà trường đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm... Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, KTX, căn tin... đều có công khai các bảng nội quy, quy định. Bên cạnh đó, Khoa QTKD cũng ban hành văn bản quy định các tiêu chí về môi trường, sức khỏe và an toàn trong thực hành. Những văn bản quy định của Nhà trường và Khoa phù hợp với các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan [**H9.09.05.01**].

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với cảnh sát phòng cháy, chữa cháy của tỉnh, thành phố tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ. Thực hiện đề án môi trường chi tiết, trong khuôn viên của Nhà trường, hệ thống cây xanh, thảm cỏ được trồng và chăm sóc tỉ mỉ,

tạo không gian thoáng mát cho CBGVNV và người học. Hệ thống nước thải sinh hoạt và các khu thí nghiệm đều được xử lý trước khi thải ra môi trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03].

Hàng năm, Phòng Y tế phối hợp với các bệnh viện để khám sức khỏe định kỳ cho CBGVNV và SV. Phòng Y tế thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại nhà ăn SV, căn tin, phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối, mọt... [H9.09.05.02], [H9.09.05.03].

Lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, có trách nhiệm trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có thông báo kế hoạch bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo đến các đơn vị và CBGVNV. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an thành phố Phan Thiết trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự, giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.02], [H9.09.05.03].

Nhà trường có những hỗ trợ cho người khuyết tật như: hỗ trợ xe lăn; đề xuất hỗ trợ học bổng cho người học.

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của CBGVNV và SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự. Trên cơ sở đó, tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp và vận dụng những biện pháp quản lý mới nhằm gìn giữ, phát triển môi trường thiên nhiên và môi trường văn hóa trong Nhà trường [H9.09.05.04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường rất quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CBGVNV và SV; khuôn viên Nhà trường luôn xanh-sạch-đẹp, tạo môi trường tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Định kỳ Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho CBGVNV và SV.

3. Điểm tồn tại:

Trường hợp người học là người khuyết tật tham gia học tập tại trường rất ít nên chưa có những quy định cụ thể liên quan đến các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe,

an toàn trong đó có lưu ý đến người khuyết tật. Hiện tượng vi phạm nội quy trong KTX vẫn còn xảy ra. Một số SV vẫn chưa tự nguyện mua bảo hiểm y tế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường đầu tư sửa chữa, nâng cấp KTX, có biện pháp đổi mới cách quản lý KTX, tạo điều kiện tốt nhất về nơi ăn ở cho SV. Triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	- P.TC-HC; - Ban Quản lý KTX; - P.CTCTSV &HTDN	Hàng năm (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục quan tâm, hoàn thiện hơn nữa về công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe và an toàn cho CB và SV. Tổ chức thêm các lớp tập huấn cho CBGVNV, SV về các biện pháp phòng chống dịch bệnh, giữ gìn vệ sinh môi trường.	- P.Y tế, - P.TC-HC, - P.CTCTSV &HTDN	Hàng năm (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 9:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường/Khoa QTKD có đầy đủ CSVN và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành Log&QLCCU. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CBGVNV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn,

sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBGVNV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của CBGVNV và SV.

Kết quả đánh giá chung của tiêu chuẩn 9:

Căn cứ kết quả đánh giá từng tiêu chí, tiêu chuẩn 9 có 5 tiêu chí, trong đó có 3 tiêu chí đạt mức 4/7 điểm và 2 tiêu chí đạt mức 5/7 điểm.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng.

Mở đầu:

Khoa QTKD thực hiện việc nâng cao chất lượng đào tạo theo quy trình định kỳ và có hệ thống. Quá trình này bắt đầu từ việc thu thập ý kiến phản hồi và nắm bắt nhu cầu của các bên liên quan như: chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhân viên, người học, nhà tuyển dụng và cựu SV. Khoa thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo dựa trên quy định của Bộ GDĐT và của Trường. Đồng thời, các kết quả NCKH cũng được ứng dụng vào việc cải tiến nội dung và PPDH. Trong quá trình dạy và học, Khoa luôn theo dõi, đánh giá kết quả để đảm bảo phù hợp với CDR. Ngoài ra, Khoa cũng xây dựng cơ chế tiếp nhận phản hồi từ các BLQ, đồng thời cung cấp các dịch vụ hỗ trợ học tập và tiện ích phục vụ người học. Tất cả những yếu tố trên góp phần thúc đẩy quá trình cải tiến liên tục, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thực tiễn và yêu cầu của xã hội.

Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

1. Mô tả hiện trạng:

CTDH ngành Log&QLCCU luôn được xây dựng, rà soát và điều chỉnh thường xuyên nhằm bắt kịp sự thay đổi của nền kinh tế - xã hội, trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ GDĐT và của Trường [H10.10.01.01]. Trong các năm 2021, 2022 và 2024 CTDH này đã được cập nhật định kỳ để phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà

trường và nhu cầu tuyển dụng thực tế. Quá trình xây dựng chương trình dựa trên việc tham khảo ý kiến từ các BLQ như: GV, chuyên gia trong ngành, nhà tuyển dụng, SV theo học, cựu SV, đơn vị thực tập và các tổ chức nghề nghiệp. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các BLQ đảm bảo nội dung đào tạo vừa đáp ứng CĐR vừa sát với yêu cầu của thị trường lao động nhằm sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH một cách có hệ thống **[H10.10.01.02]**.

Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa QTKD chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu một cách hệ thống. Thông tin được thu thập với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát, phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại, email, tổ chức hội thảo... theo quy định của Nhà trường, cụ thể:

Đối với SV đang học, hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của tất cả SV về hoạt động giảng dạy học phần của GV và của SV năm cuối về CTĐT trên phiếu khảo sát/phần mềm khảo sát trực tuyến thông qua tài khoản cá nhân của SV **[H10.10.01.03]**.

Đối với GV, Khoa lấy ý kiến của GV cơ hữu của Khoa và GV thỉnh giảng đang giảng dạy về CĐR và CTDH bằng các buổi họp chuyên môn, họp lấy ý kiến, phiếu khảo sát, hội thảo lấy ý kiến. Ý kiến của các thầy cô giúp điều chỉnh CĐR và CTDH phù hợp với thời gian giảng dạy và năng lực của người học **[H10.10.01.04]**.

Định kỳ hằng năm Phòng KT-ĐBCL-TT&PC còn phối hợp với Khoa tiến hành khảo sát ý kiến cựu SV về tình hình việc làm, các yêu cầu của nhà tuyển dụng, khảo sát ý kiến doanh nghiệp về CTDH, chất lượng SV tốt nghiệp ngành Log&QLCCU, nhu cầu về nhân lực của doanh nghiệp trong tương lai **[H10.10.01.05]**.

Kết quả phản hồi của các BLQ được sử dụng trực tiếp để điều chỉnh, cập nhật và cải tiến CTDH theo hướng linh hoạt, cập nhật và thực tiễn cũng như đáp ứng sát với yêu cầu của xã hội và nhà tuyển dụng **[H10.10.01.06]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường/Khoa có hệ thống thu thập phản hồi đa dạng và phân công rõ trách nhiệm. Khoa giữ liên hệ thường xuyên với doanh nghiệp, cơ sở thực tập và cựu SV. Phản hồi được thu thập định kỳ, xử lý khách quan, phục vụ điều chỉnh CTDH. CTDH ngành Log&QLCCU được xây dựng dựa trên phản hồi và tham khảo các CTĐT tiên

tiền trong nước và nước ngoài.

3. Điểm tồn tại:

Sự tham gia góp ý của các doanh nghiệp trong lĩnh vực ngành Log&QLCCU' đối với CTĐT còn ở mức khiêm tốn. Nội dung phản hồi nhìn chung vẫn mang tính tổng quát, chưa đi sâu vào các kiến thức và kỹ năng cụ thể mà SV cần trang bị sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Mở rộng liên hệ với các doanh nghiệp Log&QLCCU' trong và ngoài tỉnh, mời họ tham gia đánh giá CTĐT qua các hội thảo, tọa đàm để thu thập ý kiến phản hồi cụ thể và sát thực tế.	K.QTKD; P.CTCTSV &HTDN	Thường xuyên, từ năm 2025	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì việc thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ theo kế hoạch định kỳ. Cập nhật kênh liên lạc và thông tin cựu SV để đảm bảo phạm vi khảo sát rộng rãi và đa dạng đối tượng.	K. QTKD; P.KT-ĐBCL-TT&PC	Hằng năm (từ 2025-2026)	
		Tiếp tục nghiên cứu và so sánh CTĐT ngành Log&QLCCU' với các trường ĐH uy tín khác, chọn lọc những nội dung, cấu trúc hoặc học phần phù hợp để đề xuất điều chỉnh CTDH sao cho phù hợp với chuẩn quốc tế và đáp ứng nhu cầu thực tế.	K.QTKD; P.QLĐT	Định kỳ 2 năm 1 lần theo KH chung của Trường (2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

CTĐT ngành Log&QLCCU' tại UPT được thiết kế trên cơ sở tuân thủ quy định chung của Bộ GDĐT, đồng thời bám sát định hướng phát triển của Trường về chuẩn hóa quy trình xây dựng chương trình. Dù chỉ mới tuyển sinh từ năm 2020, chương trình đã được xây dựng với sự tham gia của nhiều BLQ, bao gồm GV chuyên ngành, chuyên gia logistics, đại diện doanh nghiệp trong lĩnh vực chuỗi cung ứng, cũng như phản hồi từ SV. Quy trình thiết kế CTĐT được thực hiện bài bản ngay từ đầu, đảm bảo phù hợp với đặc thù ngành nghề và nhu cầu của thị trường lao động khu vực và cả nước [H10.10.02.01].

Ngay trong giai đoạn đầu xây dựng, CTDH đã được triển khai thông qua các bước như tổ chức hội thảo chuyên môn, lấy ý kiến phản biện từ HĐKH-ĐT, đối chiếu với chương trình của một số trường đại học có cùng đào tạo ngành này. Điều này giúp đảm bảo tính thực tiễn và khả năng ứng dụng cao cho chương trình, phù hợp với yêu cầu công việc thực tế của ngành Log&QLCCU' [H10.10.02.02].

Theo quy định của Nhà trường, các CTĐT phải được rà soát và cập nhật định kỳ 2 năm/lần. Với ngành mới như Log&QLCCU', việc đánh giá được thực hiện vào năm 2021, 2022 & 2024 thông qua việc khảo sát ý kiến từ SV khóa đầu tiên, GV trực tiếp giảng dạy, và các doanh nghiệp tiếp nhận SV đi thực tập. Những dữ liệu này là cơ sở quan trọng để Khoa thực hiện điều chỉnh học phần, cập nhật nội dung giảng dạy và phân bố lại khối lượng giữa lý thuyết, thực hành ví dụ: một số học phần đã được lược bớt nội dung trùng lặp, thay vào đó bổ sung các chuyên đề cập nhật như: Quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm và Logistics và Chuỗi cung ứng HORECA. Ngoài ra, việc sắp xếp lại trình tự học phần giúp SV có lộ trình học tập logics, dễ tiếp cận kiến thức nâng cao sau khi đã nắm vững nền tảng cơ bản [H10.10.02.03].

Ngoài việc ban hành và cập nhật quy trình xây dựng CTĐT và CĐR, Nhà trường có rà soát, cập nhật quy trình, thiết kế, đánh giá CĐR, CTĐT và ĐCHP nhằm nâng cao chất lượng và sự thống nhất trong quá trình thực hiện rà soát, điều chỉnh CTĐT [H10.10.02.04]. Việc này được thực hiện trong năm 2021 và tiếp tục cập nhật trong năm

2022 và 2024 nhằm đảm bảo CTĐT và CDR không chỉ đạt chất lượng tốt hơn mà còn có khả năng đánh giá hiệu quả đầu ra một cách định lượng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện trong Nhà trường [H10.10.02.05].

2. Điểm mạnh:

Ngành Log&QLCCU có CTĐT được thiết kế theo đúng quy trình, hướng dẫn cụ thể của Trường và tuân thủ quy định của Bộ GDĐT. Các bước thiết kế được chuẩn hóa bằng biểu mẫu, phụ lục hướng dẫn và quy trình hành chính minh bạch.

Chương trình được cập nhật 3 lần kể từ khi bắt đầu tuyển sinh năm 2020, thể hiện qua việc điều chỉnh cấu trúc học phần, cập nhật CDR theo hướng định lượng, dễ đo lường hơn và rút ngắn thời gian đào tạo, tạo điều kiện học tập thuận lợi cho SV.

3. Điểm tồn tại:

Vai trò của nhà tuyển dụng chưa thể hiện rõ nét trong quá trình thiết kế CTĐT. Số lượng các học phần để phát triển kỹ năng mềm cho SV lựa chọn chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và tìm cách thu thập ý kiến phản hồi từ các đơn vị tuyển dụng một cách cụ thể, chi tiết hơn để cập nhật CTĐT ngành Log&QLCCU phù hợp hơn với thực tế.	P.QLĐT; P.CTCTSV &HTDN; K.QTKD.	Định kỳ 2 năm/1 lần (2026)	
		Nghiên cứu để tăng các học phần tự chọn, các học phần về phát triển kỹ năng mềm cho SV trong CTDH.	- K.QTKD; - P.QLĐT; - K.CB		
2	Phát huy điểm	Tiếp tục kiểm tra, cập nhật quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR và CTĐT sao cho phù hợp với các quy	- P.QLĐT; - K.QTKD	Định kỳ 2 năm/1 lần (2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
	mạnh	định mới nhất của Bộ GDĐT.			
		Tiếp tục nâng cao chất lượng cập nhật CTĐT, đảm bảo chương trình luôn phù hợp với thực tế công việc, đáp ứng chuẩn đầu ra và hỗ trợ tốt nhất cho quá trình học tập của SV.	- P.QLĐT; P.CTCTSV &HTDN; - K.QTKD	Định kỳ (2 năm/1 lần)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.

1. Mô tả hiện trạng:

Việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học cũng như hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học được nhà trường triển khai thường xuyên, có kế hoạch rõ ràng và bám sát CĐR của CTĐT. Dữ liệu phản hồi từ các BLQ (GV, SV, đơn vị sử dụng lao động...) được thu thập định kỳ và sử dụng làm cơ sở cải tiến [H10.10.03.01].

Ngay từ giai đoạn xây dựng kế hoạch học kỳ, Phòng QLĐT phối hợp với Khoa để tổ chức lịch học phù hợp với đặc thù ngành: chú trọng học phần thực hành, tham quan doanh nghiệp và học phân tích hợp kỹ năng nghề nghiệp [H10.10.03.02]. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC giám sát tiến độ giảng dạy qua hệ thống theo dõi lớp học, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý bất cập [H10.10.03.03].

Sau mỗi học kỳ, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC thực hiện khảo sát SV về nội dung học phần, tính thực tiễn, PPDH, phương pháp KTĐG... Kết quả khảo sát là căn cứ điều chỉnh PPDH, tăng cường tính ứng dụng cho phù hợp với ngành Log&QLCCU [H10.10.03.04].

Hoạt động kiểm tra thực tế như dự giờ, kiểm tra giáo trình, giám sát tiến độ dạy học được thực hiện định kỳ, đặc biệt ở các học phần cốt lõi như *Quản trị chuỗi cung ứng* và *Thực tập doanh nghiệp*. Các phản hồi thu được không chỉ phục vụ đánh giá giảng viên mà còn hỗ trợ điều chỉnh nội dung, PPDH và phương pháp KTĐG [H10.10.03.03],

[H10.10.03.05].

Tại cấp Khoa, các buổi họp chuyên môn định kỳ giúp cập nhật xu hướng ngành, điều chỉnh hình thức đánh giá phù hợp CĐR. Sinh hoạt lớp giữa SV và cố vấn học tập là kênh phản hồi quan trọng, giúp GV điều chỉnh PPDH phù hợp hơn với từng học kỳ hoặc khóa học **[H10.10.03.06].**

Đối với công tác KTĐG, các đề thi được kiểm duyệt kỹ lưỡng, đảm bảo tính nhất quán với CĐR. Đề giữa kỳ được thảo luận trong tổ chuyên môn; đề cuối kỳ được phản biện và phê duyệt bởi Trưởng khoa hoặc hội đồng chuyên môn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng **[H10.10.03.07].**

Trường tiến hành phân tích phổ điểm hàng năm để đối chiếu với tỷ lệ đạt CĐR, qua đó đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống đánh giá. Từ năm học 2020-2021, đã triển khai đánh giá lại chất lượng đề thi các học phần trọng điểm nhằm cải tiến ma trận đề, đặc biệt với các kỹ năng vận dụng và giải quyết vấn đề thực tiễn trong ngành **[H10.10.03.08].**

Phản hồi từ SV cho thấy sự hài lòng cao về tính minh bạch, công bằng trong đánh giá, cũng như sự gắn kết giữa đề thi và nội dung học tập **[H10.10.03.04].**

Về phương pháp KTĐG, Nhà trường ban hành hướng dẫn lựa chọn hình thức phù hợp với từng dạng CĐR: bài tập tình huống, phân tích chuỗi cung ứng, mô phỏng quy trình, phản biện nhóm... đảm bảo đánh giá đúng năng lực thực tế của SV theo hướng phát triển tư duy và kỹ năng nghề nghiệp **[H10.10.03.09].**

2. Điểm mạnh:

Quy trình dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập được thiết kế, tổ chức thực hiện và được rà soát một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc theo quy định của Trường. Kết quả học tập của SV được đánh giá qua nhiều hình thức đa dạng hướng tới phù hợp với CĐR.

3. Điểm tồn tại:

Công tác thống kê, phân tích định lượng đề thi chưa được thực hiện ở tất cả các học phần, do đó chưa đánh giá được mức độ phù hợp của đề thi một số học phần.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên rà soát và đánh giá chất lượng đề thi của các học phần một cách đầy đủ và định kỳ. Việc này giúp làm cơ sở cải tiến đề thi ở các học kỳ tiếp theo, đảm bảo đề thi phù hợp và chính xác để đánh giá đúng mức độ đạt CDR của SV.	- P.QLĐT; - P.KT-ĐBCL-TT&PC; - K.QTKD	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện quy trình kiểm tra, đánh giá. Nâng cao và làm đa dạng hơn các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học, để đảm bảo đánh giá chính xác và phù hợp với CDR của từng học phần.	- P.QLĐT; - P.KT-ĐBCL-TT&PC; - K.QTKD	Hàng năm, từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 10.4. Các kết quả NCKH được sử dụng để cải tiến việc dạy và học.

1. Mô tả hiện trạng:

Để ứng dụng kết quả NCKH vào công tác giảng dạy và học, Nhà trường đã xây dựng và triển khai các đề án như: Đề án NCKH giai đoạn 2015–2020; kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2020–2025, tầm nhìn đến năm 2040 [H10.10.04.01] và đã ban hành văn bản Quy chế hoạt động về KHCN của Trường, quy chế chi tiêu nội bộ (quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH) [H10.10.04.02].

Cụ thể, Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho GV đặc biệt là GV trẻ chủ trì đề tài các cấp, tham gia hợp tác NCKH [H10.10.04.03]. Phần lớn các đề tài NCKH cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành và được sử dụng làm tài liệu học tập, giảng dạy, tài liệu tham khảo cho GV và SV trong Khoa [H10.10.04.04].

Dưới sự hỗ trợ tích cực từ phía Nhà trường, GV và SV ngành Log&QLCCU rất chủ động trong hoạt động NCKH **[H10.10.04.05]**.

Khoa cũng rất coi trọng việc đào tạo kỹ năng NCKH cho SV. Trong các buổi sinh hoạt đầu năm, lãnh đạo Khoa thường phổ biến tầm quan trọng của NCKH SV, lồng ghép nội dung này vào biên bản sinh hoạt lớp để định hướng và khuyến khích SV tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu **[H10.10.04.06]**. SV ngành Log&QLCCU được dẫn dắt để thực hiện các đề tài đăng trên nội san SV của Trường, với tinh thần kế thừa và phát triển qua nhiều thế hệ. Các đề tài không chỉ giúp SV nâng cao kỹ năng tư duy phân biện, nghiên cứu và viết học thuật, mà còn đóng vai trò như một cầu nối để người học gắn kết lý thuyết với thực tiễn **[H10.10.04.07]**.

Song hành với đó, Trường cũng thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học nhằm thúc đẩy đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng đào tạo và điều chỉnh CTĐT phù hợp với yêu cầu của thời đại. Những hội thảo này vừa là diễn đàn học thuật, vừa là nơi lan tỏa các kết quả nghiên cứu trong cộng đồng giảng dạy **[H10.10.04.08]**.

Về mặt hợp tác học thuật, Trường tích cực mở rộng mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài địa phương nhằm phát triển hệ sinh thái nghiên cứu khoa học. Nhờ đó, năng lực chuyên môn của GV và SV trong Khoa không ngừng được nâng cao, đồng thời mô hình tổ chức NCKH ngày càng được chuẩn hóa, tiệm cận các chuẩn mực quốc gia và quốc tế **[H10.10.04.09]**. Một ví dụ cụ thể và nổi bật là kết quả nghiên cứu của Khoa vào năm 2019 về việc tái cấu trúc CTĐT, nhằm rút ngắn thời gian học từ 4 năm xuống còn 3,5 năm cho hai ngành Quản trị kinh doanh và Kinh doanh quốc tế. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu này, khi Khoa mở thêm ngành Log&QLCCU vào năm 2020, các định hướng và giải pháp đổi mới CTĐT đã được tích hợp ngay từ đầu vào thiết kế chương trình chính thức của ngành. Nhờ đó, chương trình được xây dựng theo hướng tinh gọn, linh hoạt, phù hợp với CĐR và năng lực nghề nghiệp thực tiễn. Các học phần được thiết kế lại với cấu trúc khoa học, cắt giảm những nội dung trùng lặp, đồng thời bổ sung các học phần mới tập trung vào kỹ năng nghiệp vụ và ngoại ngữ. Việc áp dụng mô hình đào tạo 3,5 năm cho ngành mới không chỉ thể hiện sự kế thừa thành quả nghiên cứu trước đó, mà còn là bước đi chiến lược nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực ngày càng cao của địa phương và doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics **[H10.10.04.10]**.

2. Điểm mạnh:

Khoa đã có phong trào NCKH huy động được sự tham gia của tất cả các GV và SV. Hầu hết các đề tài NCKH đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và ý nghĩa thực tiễn là phục vụ đào tạo, cộng đồng. Hoạt động NCKH của người học được Nhà trường chú trọng.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng đề tài NCKH của SV còn hạn chế và chưa có nhiều đóng góp trong thực tiễn. GV Khoa chưa có nhiều bài tham luận ở các Hội thảo trong và ngoài nước.

Kinh phí dành cho NCKH GV và SV còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường các hoạt động khuyến khích SV tham gia NCKH; có chính sách tạo điều kiện cho GV tham gia các hội thảo trong và ngoài nước.	- P.QLKH &HTQT;	Thường xuyên (từ năm 2025-2026)	
		Đề xuất Nhà trường điều chỉnh quy chế Chi tiêu nội bộ, tăng đầu tư kinh phí dành cho NCKH của GV và SV.	- K.QTKD	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường tổ chức các Hội thảo khoa học về dạy và học nhằm ứng dụng các sản phẩm NCKH cho việc nâng cao chất lượng dạy học.	- P.QLKH &HTQT;	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục phát triển các đề tài NCKH gắn liền với công việc đào tạo và có ý nghĩa thực tế, nhằm phục vụ cho việc giảng dạy và góp ích cho cộng đồng.	- P.QLĐT; - K.QTKD		

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định liên quan đến việc đánh giá và cải tiến các dịch vụ hỗ trợ, bao gồm: thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ khác phục vụ đời sống và học tập của SV [H10.10.05.01].

Thư viện Trường ngoài cung cấp tài liệu học tập nội bộ, còn kết nối với hệ thống thư viện của nhiều trường ĐH trong nước như Trường ĐH Tây Đô, Trường ĐH Ngoại Thương và Thư viện Quốc gia, tạo điều kiện cho SV và GV tiếp cận nguồn tài nguyên học tập phong phú. Ngoài ra, nhằm đảm bảo tính thống nhất về hành chính và chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ, Viện nghiên cứu và phát triển tri thức số đã kết nối thành công thư viện số của Trường vào trung tâm kết nối tri thức số - Thư viện số dùng chung [H10.10.05.02].

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC triển khai khảo sát ý SV/HV, SV cuối khóa để đánh giá mức độ đáp ứng của CSVC, thư viện, hệ thống CNTT, môi trường học và các dịch vụ học thuật, các dịch vụ hỗ trợ khác... [H10.10.05.03]. Kết quả khảo sát được tổng hợp, phân tích và sử dụng làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến. Cụ thể, trong năm 2023, có 68,23% SV cuối khóa hài lòng với tài liệu học tập và CSVC – tăng 5,54% so với năm 2022. Riêng Tỷ lệ hài lòng của SV ngành Log&QLCCU đạt 79,98% cho thấy có sự cải tiến đối với các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích người học [H10.10.05.04].

Ngoài khảo sát chung của Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, các đơn vị như Thư viện, Phòng QLKH&HTQT hàng năm cũng tiến hành khảo sát ý kiến người học để cải thiện cụ thể hơn dịch vụ của Thư viện và về NCKH. Trên cơ sở kết quả khảo sát, các đơn vị chức năng đã triển khai nhiều hoạt động cải tiến chất lượng. Trong đó, ngoài cải thiện trang thiết bị dạy học, có trang bị thư viện điện tử, mở rộng nguồn tài nguyên số nội sinh từ khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu của GV và SV. Hệ thống học liệu mở được đầu tư đồng bộ nhằm hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động tự học và nghiên cứu [H10.10.05.05].

Về công tác hỗ trợ kỹ năng: Nhiều câu lạc bộ được thành lập và kiện toàn để hỗ trợ quá trình học tập của người học. Nhà trường/Khoa cũng quan tâm đến các dịch vụ

hỗ trợ đời sống SV như ký túc xá, y tế, tư vấn học tập và hỗ trợ tâm lý. Hằng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với người học nhằm tiếp thu ý kiến phản hồi của người học, cung cấp, giải thích các thông tin và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm; thực hiện rà soát chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học, kiểm tra CSVC phục vụ dạy và học, tiếp nhận thông tin phản hồi thông qua các kênh trực tuyến (email, hộp thư trên website/fanpage của Nhà Trường,...). Ngoài ra, thông qua hoạt động của cố vấn học tập, Hội SV và Đoàn Thanh niên, SV có thêm nhiều kênh để phản ánh và được hỗ trợ. Các cố vấn học tập duy trì lịch gặp định kỳ hằng tháng, đồng thời được khuyến khích chủ động trò chuyện với SV vào các giờ nghỉ để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng. Sự sẵn sàng hỗ trợ của đội ngũ cán bộ Khoa đã góp phần tạo nên một môi trường học tập thân thiện, gần gũi và có chiều sâu **[H10.10.05.06]**.

Về công tác hỗ trợ tài chính: Trường tăng cường nguồn học bổng cho SV, tạo điều kiện cho SV gia hạn thời gian đóng học phí, có các chính sách miễn giảm học phí, miễn phí toàn bộ chi phí ở KTX cho SV trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Ngoài ra, hàng năm, Trường ĐHPT tài trợ 5 loại học bổng hỗ trợ SV, gồm; Học bổng Tinh hoa, học bổng Đồng hành, học bổng Ươm mầm, học bổng Tài năng và học bổng Điểm thi tốt nghiệp THPT, trị giá học bổng lên đến 50 triệu đồng, đồng thời khen thưởng cho các sinh viên có thành tích tốt trong học tập, hoạt động phong trào **[H10.10.05.07]**. Nhà trường không ngừng đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa thiết bị, mở rộng không gian học tập và tăng cường tài nguyên học liệu – từ đó tạo ra một hệ sinh thái học thuật đồng bộ, phục vụ hiệu quả cho công tác đào tạo, nghiên cứu và phát triển con người **[H10.10.05.08]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể liên quan đến rà soát, đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích dành cho người học. Các đơn vị Phòng KT-ĐBCL-TT&PC định kỳ hằng năm thực hiện rà soát về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập thông qua cơ chế phản hồi của các BLQ là SV, SV cuối khóa và GV.

Các đơn vị liên quan trong toàn trường điển hình như Phòng TC-HC, Thư viện,

Ban TTTT&QTM,... thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá như thay thế, sửa chữa hiện đại hóa thiết bị dạy và học, nâng cấp CSVC, mở rộng thư viện điện tử và tài nguyên học liệu mở...

3. Điểm tồn tại:

Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường. Các thiết bị, máy móc ở một số giảng đường đôi khi có sự cố; Chất lượng truy cập wifi ở một số khu vực trong Nhà trường còn yếu.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nhà trường tạo điều kiện đáp ứng kịp thời các phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích nếu phù hợp.	- BGH; - P.TC-HC	Từ năm 2025-2026	
		Thường xuyên kiểm tra chất lượng thiết bị, máy móc trong các giảng đường, kịp thời sửa chữa hoặc thay thế khi có sự cố hỏng hóc; nâng cấp hệ thống wifi đủ mạnh để tạo điều kiện thuận lợi cho GV và SV trong việc truy cập, chia sẻ thông tin phục vụ học tập và nghiên cứu.	- P.TC-HC; - Ban TTTT &QTM	Mỗi học kỳ, năm học Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên kiểm tra và cập nhật các quy định liên quan đến dịch vụ hỗ trợ như thư viện, CNTT, cố vấn học tập... Đồng thời, xây dựng tài liệu hướng dẫn SV cách sử dụng các dịch vụ này dưới dạng infographic hoặc video ngắn cho	- K.QTKD; - P.TC-HC; - Các đơn vị	Từ năm 2025-2026	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		dễ hiểu và thuận tiện.			
		Tiếp tục hoàn thiện cơ chế lấy ý kiến phản hồi của các BLQ nhằm đánh giá và cải tiến liên tục chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho CBGVNV và SV.	- P.KT- ĐBCL- TT&PC; - Các đơn vị	Từ năm 2025-2026	
		Tiếp tục thực hiện đánh giá định kỳ và cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập hàng năm.	- P.KT- ĐBCL- TT&PC; - Các đơn vị	Hàng năm (từ 2025- 2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.

1. Mô tả hiện trạng:

Trường có cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến từ các BLQ được xây dựng thành một hệ thống các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, quy định về quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ trong và ngoài trường; được đánh giá và cải tiến liên tục, thường xuyên **[H10.10.06.01]**. Phòng KT-ĐBCL-TT&PC là đơn vị đầu mối, phụ trách xây dựng và hoàn thiện hệ thống công cụ khảo sát (bảng hỏi, bộ phiếu đánh giá...), thu thập phản hồi từ SV, cựu SV, GV, doanh nghiệp và các BLQ. Mục tiêu của hoạt động này là thu thập dữ liệu phản ánh mức độ hài lòng, những đề xuất góp ý, từ đó cung cấp thông tin cho các đơn vị và BGH để có căn cứ ra quyết định cải tiến chất lượng **[H10.10.06.02]**.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC lập kế hoạch khảo sát cho cả năm học, bao gồm khảo sát ý kiến của SV đang theo học, khảo sát ý kiến của SV cuối khóa, khảo sát ý kiến của GV và CBNV, khảo sát ý kiến của SV đã tốt nghiệp, khảo sát đơn vị tuyển dụng, khảo sát ý kiến cá nhân/đơn vị đã hợp tác hoặc thụ hưởng các kết quả từ hoạt động

NCKH, PVCD của Trường, lấy ý kiến các đơn vị, trình BGH phê duyệt và công khai. Mỗi loại hình khảo sát được quy định cụ thể về đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thời gian thực hiện, biểu mẫu và việc tổ chức khảo sát, việc tích hợp dữ liệu, viết báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát. Chẳng hạn, đối với khảo sát ý kiến của SV đối với nội dung học phần và hoạt động giảng dạy của GV trong các học phần, phải tiến hành khảo sát 100% học phần giảng dạy trong học kỳ thông qua việc tổ chức lấy ý kiến SV mỗi học kỳ 1 lần thông qua xem điểm thi do Phòng QLĐT phụ trách, với thời gian khảo sát bắt đầu từ khi có điểm học phần đầu tiên cho đến hai tuần sau khi công bố điểm học phần cuối cùng; kết quả khảo sát cần tách biệt riêng dữ liệu cho từng Khoa, từng GV. Các đơn vị như Khoa, Bộ môn sẽ tổ chức sinh hoạt chuyên môn để phân tích kết quả, xây dựng kế hoạch cải tiến và gửi minh chứng về Phòng KT-ĐBCL-TT&PC [H10.10.06.03], [H10.10.06.04], [H10.10.06.05].

Song song đó, Phòng QLĐT cũng xây dựng một bộ quy trình khảo sát riêng phục vụ công tác rà soát và điều chỉnh CTĐT định kỳ 2 năm 1 lần. Các Khoa sẽ căn cứ vào kế hoạch, biểu mẫu hướng dẫn để tổ chức thực hiện theo từng ngành học [H10.10.06.06].

Trường tổ chức thu thập phản hồi theo nhiều hình thức như: khảo sát trực tuyến, gửi phiếu giấy, trao đổi qua email, điện thoại, tổ chức hội thảo, họp mặt hoặc gặp gỡ trực tiếp với các bên liên quan [H10.10.06.07].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được tổ chức đánh giá, rà soát vào năm 2019 và năm 2023. Cụ thể, năm 2019, Phòng KT-ĐBCL&TT tiến hành rà soát hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan của Trường, kết quả đánh giá cho thấy một số loại hình khảo sát chưa có quy trình phân công thực hiện khảo sát, chưa được thực hiện thường xuyên, chưa có báo cáo tổng hợp đánh giá đầy đủ; một số mẫu phiếu khảo sát chưa rõ ràng các tiêu chí đánh giá, thiếu một số nội dung mới trong yêu cầu KĐCL, có nhiều nội dung chưa khoa học; còn thiếu các nội dung về khảo sát ý kiến SV, CBGVNV đối với tầm nhìn, sứ mạng, CSVN, hệ thống CNTT, cảnh quan môi trường, chế độ chính sách, ... theo như yêu cầu trong các tiêu chuẩn KĐCLGD. Năm 2023, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tiến hành rà soát các quy định, quy trình trong công tác khảo thí, quản lý văn bằng chứng chỉ, đảm bảo chất lượng, thanh tra nội bộ, trong đó có nội dung rà soát về hệ thống lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, kết quả đánh giá cho thấy các quy trình hiện nay cơ bản vẫn đáp ứng yêu cầu thực hiện lấy ý kiến

phản hồi các bên liên quan, tuy nhiên các câu hỏi trong mẫu phiếu khảo sát chưa đáp ứng yêu cầu trong KĐCL CTĐT và trong dự thảo Thông tư quy định Chuẩn CSGD ĐH của Bộ GDĐT; một số câu hỏi chưa cụ thể, chưa rõ ràng, quá dài; phiếu khảo sát khá dài; thang đo giữa các mẫu phiếu khảo sát chưa đồng bộ;... Trên cơ sở đánh giá cơ chế phản hồi, Trường ĐHPT đã có những điều chỉnh, cải tiến hệ thống quy định liên quan. Theo đó, cuối năm 2019, Trường ĐHPT đã ban hành 2 quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan trong trường (SV, CBGVNV) và ngoài trường (Cựu SV, nhà tuyển dụng) với các biểu mẫu chi tiết hơn các năm học trước, bao gồm đầy đủ các nội dung đáp ứng yêu cầu của khuyến nghị sau kiểm định cấp Trường năm 2018; thực hiện thêm một số khảo sát kể từ năm học 2021-2022; điều chỉnh các biểu mẫu khảo sát ý kiến các bên liên quan của Trường vào cuối năm 2023 áp dụng từ năm học 2023-2024; kết quả khảo sát được lưu trữ dữ liệu trên các link nội bộ Trường, hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng kết quả khảo sát vào hoạt động cải tiến chất lượng cho từng nhóm đối tượng **[H10.10.06.08]**.

Không chỉ ở cấp Trường, các đơn vị như Khoa và Bộ môn cũng chủ động tổ chức họp chuyên môn, sinh hoạt nội bộ để thảo luận về các phản hồi nhận được. Những cuộc họp này đóng vai trò thiết thực trong việc lên kế hoạch cải tiến, giám sát các thay đổi và báo cáo kết quả thực hiện về Nhà trường **[H10.10.06.09]**. Một ví dụ cụ thể là sau khi phân tích kết quả khảo sát SV cuối khóa, Nhà trường đã quyết định đầu tư thêm vào CSVC: xây dựng nhà để xe cho SV, bổ sung máy lạnh và quạt cho các phòng học, trang bị thêm máy tính ở các phòng thực hành – những điều chỉnh trực tiếp phục vụ cho việc nâng cao chất lượng môi trường học tập và trải nghiệm của người học.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng cơ chế lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ một cách hệ thống và thường xuyên cải tiến nội dung phiếu khảo sát, cách tổ chức khảo sát và việc lưu trữ, sử dụng kết quả, dữ liệu khảo sát hỗ trợ các đơn vị cải tiến chất lượng hằng năm và điều chỉnh CTĐT định kỳ.

3. Điểm tồn tại:

SV đôi khi chưa tích cực tham gia phản hồi hoặc phản hồi chưa chính xác, cụ thể. Các BLQ ngoài trường cũng ít tham gia và phản hồi chưa rõ ràng cho việc cải thiện chương trình và hoạt động của Khoa/Trường.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa/Trường chủ động tăng cường kết nối với cựu SV, nhà tuyển dụng và các BLQ thông qua việc tổ chức thêm các hội thảo, tọa đàm và buổi gặp gỡ. Hoạt động này nhằm thu thập các ý kiến phản hồi sâu sắc, thực tiễn hơn về CTĐT, từ đó làm cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện chương trình, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động.	- K.QTKD; - P.CTCTSV &HTDN; - Các đơn vị	Từ năm học 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi việc thực hiện các quy trình lấy ý kiến phản hồi từ các BLQ và đảm bảo kết quả khảo sát được sử dụng hiệu quả. Đồng thời, thường xuyên điều chỉnh và cập nhật nội dung phiếu khảo sát để phù hợp với thực tế.	- P.KT-ĐBCL-TT&PC; - P.QLĐT; - Các đơn vị	Từ năm học 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận về Tiêu chuẩn 10:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Từ năm 2020 đến nay, Khoa QTKD đã triển khai đều đặn và có hệ thống các hoạt động nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Mọi bước trong thiết kế CTĐT đều được thực hiện theo quy trình chuẩn của Trường, sử dụng các biểu mẫu thống nhất, thể hiện sự đồng bộ và chuyên nghiệp trong quản lý chất lượng.

Công tác KTĐG kết quả học tập của SV cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng và khách quan theo đúng quy định. Phương pháp KTĐG cũng

được cải tiến nhằm đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng và mức độ đạt CĐR của từng học phần.

Các hoạt động hỗ trợ, tiện ích và dịch vụ phục vụ dạy và học, có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của SV.

Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ được vận hành bài bản, có hệ thống đã góp phần để điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như dịch vụ hỗ trợ, góp phần xây dựng môi trường học tập toàn diện cho SV.

Những điểm tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Sự tham gia của doanh nghiệp về xây dựng, thẩm định CTĐT và CĐR ngành Log&QLCCU còn hạn chế, chủ yếu từ các doanh nghiệp địa phương.

Hoạt động NCKH của SV dù đã được quan tâm nhưng số lượng đề tài còn ít, chưa nhiều công trình có ứng dụng thực tiễn cao.

Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 10:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 10 có 06 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt điểm 4/7 và 04 tiêu chí đạt điểm 5/7.

Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra

Mở đầu:

Mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Log&QLCCU được xác định một cách rõ ràng, thể hiện được sự cam kết với người học, xã hội và được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện. SV tốt nghiệp ngành Log&QLCCU đáp ứng được yêu cầu của các BLQ. Công tác NCKH của SV được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ về chất lượng dịch vụ giáo dục, chương trình dạy học, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp và có việc làm của SV ngành Log&QLCCU được xác lập và được đối sánh qua các năm để từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT.

Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT tổ chức đào tạo theo tín chỉ, CTĐT Log&QLCCU được thiết kế bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian để SV hoàn thành chương trình học. Từ năm 2019, đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 3,5 năm [H11.11.01.01].

Đầu năm học, Phòng QLĐT và các Khoa lập kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT. Số lượng SV thôi học được Khoa QTKD cập nhật thường xuyên ngay khi có trường hợp SV thôi học. Số lượng, danh sách SV tốt nghiệp được cập nhật 2 lần trong 1 năm, sau mỗi đợt tổ chức xét công nhận tốt nghiệp của Trường. Đồng thời, căn cứ vào việc đánh giá kết quả học tập, kết quả rèn luyện và tỷ lệ thôi học các năm trước đây để làm cơ sở dự báo tỷ lệ trên. Qua đó, tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn của SV toàn trường và của SV ngành Log&QLCCU được dự đoán, xác lập, và đánh giá, phân tích, đối sánh qua các năm và giữa các ngành đào tạo trong Trường và báo cáo BGH trong các Kế hoạch năm học và Báo cáo tổng kết năm học của Khoa QTKD và Phòng QLĐT [H11.11.01.02]. Nhà trường có hệ thống quản lý, theo dõi giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học của SV thông qua các hoạt động như cảnh báo học vụ (Phòng QLĐT phối hợp các Khoa), phần mềm quản lý điểm (Phòng QLĐT), đánh giá kết quả rèn luyện của SV (Phòng CTCTSV&HTDN phối hợp với các Khoa). Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong CTĐT, trong ĐCHP [H11.11.01.03].

Trường đã ban hành quy chế đào tạo để theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả học tập, tỷ lệ tốt nghiệp của SV hàng năm nhằm đưa ra các biện pháp cải tiến phù hợp [H11.11.01.04]. Trường cũng ban hành chức năng nhiệm vụ của P.QLĐT, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC, chức năng nhiệm vụ của từng Khoa để các cán bộ nhân viên chuyên trách theo dõi tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ SV cải thiện kết quả học tập. Trong đó, Phòng QLĐT phụ trách quản lý điểm của người học trên phần mềm quản lý điểm, theo dõi kết quả học tập của người học, công bố kịp thời, đầy đủ về kết quả học tập cho người học qua hệ thống quản lý trên website của trường và gửi kết quả học tập về cho

Khoa theo học kỳ, năm học [H11.11.01.05]. Đồng thời căn cứ trên kết quả học tập để thông báo cảnh báo học vụ theo quy chế học vụ của trường. Bên cạnh đó, các trợ lý khoa, cố vấn học tập Khoa căn cứ trên kết quả học tập để nhắc nhở và đôn đốc người học có kế hoạch học tập nhằm cải thiện kết quả học tập tốt hơn. Song song với việc theo dõi kết quả học tập, Trường cũng ban hành quy chế đánh giá rèn luyện để Phòng CTCTSV& HTDN phối hợp với các Khoa chuyên môn đánh giá và theo dõi kết quả rèn luyện của SV theo từng học kỳ, năm học [H11.11.01.06].

Tỷ lệ SV ngành Log&QLCCU' tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát chặt chẽ đồng thời đối sánh với các ngành khác của Trường và các trường ĐH khác, giữa các năm học, các khóa học. Phân tích nguyên nhân, kết quả và xu hướng để đề ra biện pháp cải tiến.

Bảng 11.1. Tỷ lệ thôi học của SV ngành Log&QLCCU' các khóa

Khóa học	SLSV nhập học	SL/ tỷ lệ SV thôi học qua các năm				
		Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4	Tổng
2020-2024	23	0	0	2	0	2
		0,00%	0,00%	8,69%	0,00%	8,69%
2021-2025	23	0	1	0	0	1
		0,00%	4,34%	0,00%	0,00%	4,34%
2022-2026	17	0	0	1	0	1
		0,00%	0,00%	5,88%	0,00%	5,88%
2023-2027	21	0	1	-	-	1
		0%	4,71%	-	-	4,71%
2024-2028	16	0	-	-	-	0
		0.00%	-	-	-	0.00%

Kết quả cho thấy SV ngành Log&QLCCU' nghỉ học nhiều vào năm thứ nhất và năm thứ hai. Tỷ lệ thôi học nói chung cao, Phòng QLĐT và Khoa cũng đã có những báo cáo thống kê, phân tích, đánh giá nguyên nhân thôi học và đề xuất các giải pháp khắc phục như cấp học bổng, hỗ trợ vay vốn, gia hạn thời gian đóng học phí... [H11.11.01.07].

Bảng 11.2. Tỷ lệ người học ngành Log&QLCCU' tốt nghiệp đúng thời hạn

STT	Khóa học	Số cuối khóa	Đúng hạn		Quá hạn năm		Tốt nghiệp
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	2020-2024	22	14	63,64%	2	9,09%	72,73%
2	2021-2025	18	13	72,22%	0	0,00%	72,22%

Tỷ lệ SV ngành Log&QLCCU' tốt nghiệp chưa đúng hạn còn khá cao, chủ yếu do

các bạn còn nợ các chứng chỉ về tin học, ngoại ngữ đầu ra. Phòng QLĐT và Khoa cũng đã có những báo cáo thống kê, phân tích, tìm hiểu nguyên nhân SV chưa tốt nghiệp và đề xuất giải pháp cải tiến [H11.11.01.08].

Bảng 11.3. Tỷ lệ thôi học ngành Log&QLCCU' so với các ngành trong Trường

Ngành	Tỷ lệ (%) SV thôi học các năm học gần đây			
	2020-2024	2021-2025	2022-2026	2023-2027
Log&QLCCU'	8,69	4,34	5,88	4,71
Kế toán	4,35%	19,17%	18,58%	17,65%
Quản trị khách sạn	46,49%	43,1%	38,89%	36,07%
Ngôn ngữ Anh	17,92%	27,68%	27,03%	8,74%
Công nghệ thông tin	27,54%	23,19%	24,47%	13,04%
Luật kinh tế	9,43%	3,85%	00,00%	00,00%
Công nghệ kỹ thuật ô tô	9,23%	24,28%	36,08%	13,98%
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	33,33%	27,27%	45,45%	26,92%
Tài chính - Ngân hàng	15,22%	27,91%	22,86%	8,57%
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	53,84%	36,67%	45,16%	22,73%

Theo bảng thống kê, tỷ lệ SV ngành Log&QLCCU' thôi học nhìn chung ở mức khá thấp so với các ngành khác trong Trường, cho thấy mức độ ổn định tương đối của ngành về mặt duy trì số lượng SV theo học. Mặc dù tỷ lệ này chưa phải là mức cao, nhưng xu hướng gia tăng vẫn là dấu hiệu cần lưu ý. Do đó, Nhà trường và Khoa tiếp tục theo dõi, phân tích nguyên nhân cụ thể và có những biện pháp phù hợp nhằm cải thiện chất lượng đào tạo và hỗ trợ SV, đặc biệt là ở các khóa có tỷ lệ thôi học tăng cao bất thường.

Bảng 11.4. Tỷ lệ tốt nghiệp ngành Log&QLCCU' so với các ngành trong Trường

STT	Ngành	Khóa học	
		2020-2024	2021-2025
1	Log&QLCCU'	72,73%	72,22%
2	Kế toán	84,91%	8,34%
3	Quản trị khách sạn	80,70%	29,63%
4	Ngôn ngữ Anh	81,08%	60,98%
5	Công nghệ thông tin	88,00%	47,06%
6	Luật kinh tế	88,64%	84,21%
7	Công nghệ kỹ thuật ô tô	81,40%	-
8	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	90,91%	43,75%
9	Tài chính ngân hàng	89,19%	60,61%
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	75,00%	43,48%

Qua bảng thống kê, tỷ lệ tốt nghiệp của SV ngành Log&QLCCU' vẫn còn hạn chế.

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng có sự sụt giảm đáng kể. Vì vậy, Nhà trường và Khoa đang tích cực triển khai các biện pháp hỗ trợ học tập, tư vấn học vụ và theo sát tiến độ học tập của SV để nâng cao hơn nữa hiệu quả đào tạo và tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn trong thời gian tới.

Sau khi có kết quả tổng hợp, đối sánh, phân tích tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học từ P.QLĐT gửi về, trên cơ sở đó, BGH sẽ có những chỉ đạo kịp thời để các đơn vị liên quan có biện pháp cải tiến nâng cao tỷ lệ SV tốt nghiệp, giảm tỷ lệ SV thôi học. Về phía Khoa cũng đưa ra một số biện pháp cải tiến như: đổi mới PPDH [H11.11.01.09]; theo dõi nhắc nhở SV, tổ chức họp lớp giúp đỡ các SV yếu kém [H11.11.01.10]; phối hợp với GV theo dõi tình hình đến lớp của SV để can thiệp kịp thời. Và để giảm thiểu tỷ lệ SV vắng học, các Khoa đã có các biện pháp ngay từ trong quá trình học tập như lập danh sách điểm danh các buổi học, những SV nghỉ học từ 2 buổi trở lên/môn học, Khoa liên hệ SV và gia đình thông báo tình trạng vắng học của SV, trao đổi tìm hiểu lý do và động viên, yêu cầu SV đi học đầy đủ [H11.11.01.11]; gửi thư cho phụ huynh và SV về vấn đề cảnh báo học vụ [H11.11.01.12]. Đối với trường hợp SV đạt kết quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, Khoa lập danh sách, tìm hiểu nguyên nhân, tư vấn và hỗ trợ SV [H11.11.01.13]. Khoa đã tổ chức xây dựng, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp hơn, tăng cường hướng nghiệp cho SV năm đầu.

Những SV tự thôi học vì nhiều lý do khác nhau như đi du học; đi làm; một số khác do không có khả năng chi trả học phí, có những SV do đi làm ngoài nhiều bị ảnh hưởng đến kết quả học tập, nợ nhiều môn dẫn đến thôi học,... BGH đã chỉ đạo Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN, Khoa QTKD triển khai tìm hiểu nguyên nhân cụ thể hơn, đề ra hướng khắc phục nhằm nâng cao tỷ lệ SV đạt yêu cầu và hạn chế tối đa tỷ lệ SV nghỉ học [H11.11.01.14]. Qua đó, tùy vào nguyên nhân mà trường có các biện pháp cải tiến Trường/Khoa QTKD tăng cường các hoạt động hỗ trợ SV như: Hỗ trợ vay vốn, gia hạn thời gian đóng học phí, xét học bổng “Tiếp bước cho em đến trường”...

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các quy chế, quy định cụ thể về đào tạo, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và có bộ phận chuyên trách, phân công cá nhân phụ trách giám sát tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp của SV. Tỷ lệ SV thôi học, tốt nghiệp ngành Log&QLCCU được giám sát và

có đối sánh qua các năm để phân tích tìm hiểu nguyên nhân và có giải pháp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp và giảm tỷ lệ SV thôi học.

3. Điểm tồn tại:

Tỷ lệ SV thôi học vẫn còn cao do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vẫn còn một tỷ lệ SV chưa tốt nghiệp đúng hạn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát kết quả học tập của SV và tích cực hỗ trợ kịp thời các vấn đề SV còn khó khăn trong quá trình đào tạo để giảm thiểu tối đa tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn.	- K.QTKD; - P.QLĐT; - P.CTCTSV &HTDN	Theo năm học (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống, cơ chế giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của SV. Xác lập tỷ lệ, dự đoán xu thế hằng năm để đưa ra các nhận định phù hợp và có các giải pháp cải thiện hiệu quả hơn.	- P.QLĐT; - K.QTKD	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Vào đầu khóa học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo của khóa học, điều kiện được tốt nghiệp trong Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, Sổ tay SV và website Trường [H11.11.02.01]. Trong thời gian đào tạo, bộ phận chuyên trách của Phòng

QLĐT tổng hợp các thông tin về kết quả học tập của SV theo từng học kỳ, năm học gửi về cho Khoa QTKD cũng như cập nhật lên hệ thống điểm để SV vào tài khoản cá nhân xem kết quả học tập và điểm số tích lũy đã hoàn thành hay chưa hoàn thành. Qua đó, SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H11.11.02.02].

Hàng năm, Trường ra thông báo và tổ chức xét tốt nghiệp 2 lần vào cuối mỗi học kỳ chính để cho SV khi đủ điều kiện tốt nghiệp có thể nộp đơn đề nghị xét tốt nghiệp [H11.11.02.03]. Hàng năm, sau mỗi đợt xét tốt nghiệp, Phòng QLĐT sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp gửi đến các khoa nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV và báo cáo cho BGH. Qua đó, Khoa QTKD có thể đối chiếu lại thời lượng thiết kế CTĐT có phù hợp với thực tế không [H11.11.02.04]. CTĐT ngành Log&QLCCU được thiết kế với thời lượng là 3,5 năm, thời gian tối đa là 6 năm, đủ để trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết và phù hợp với sức học của SV cũng như đảm bảo thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ. Ngoài ra, để được công nhận tốt nghiệp thì SV phải hoàn thành các điều kiện của CDR như các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học cơ bản, nâng cao, GDQP, GDTC.

Bảng 11.6. Thời gian tốt nghiệp trung bình 2 năm gần đây ngành Log&QLCCU

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (Năm)
2020-2024	3,63
2021-2025	3,50

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trong 2 khóa gần đây nhìn chung khá phù hợp với thời gian đào tạo chuẩn (3,5 năm). Cụ thể, khóa 2020–2024 có thời gian trung bình là 3,63 năm và khóa 2021–2025 là 3,50 năm. Điều này cho thấy phần lớn sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ, phản ánh sự ổn định trong quá trình học tập và hoàn thành chương trình đào tạo.

Bảng 11.7. Thời gian tốt nghiệp trung bình ngành Log&QLCCU với các ngành

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (Năm)					
	Log&QLCCU	Kế toán	TCNH	QTKD	QTKS	NNA
2020-2024	3,63	3,6	3,6	3,7	3,9	3,6
2021-2025	3,50	3,5	3,5	3,5	3,5	3,5

Mặc dù đã áp dụng nhiều biện pháp hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện, thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành Log&QLCCU vẫn còn cao hơn thời gian chuẩn.

Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để những SV có học lực tốt có thể đăng ký học vượt để có thể tốt nghiệp sớm tiến độ [H11.11.02.05]. Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Khoa QTKD phối hợp cùng Phòng QLĐT tiến hành xét học vụ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất [H11.11.02.06]. Đồng thời, Khoa tiến hành họp mặt SV đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học của SV thông qua cố vấn học tập và Ban cán sự lớp. Đối với SV năm cuối, cố vấn học tập họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn SV thực hiện tốt các học phần, chương trình thực tập cũng như khóa luận tốt nghiệp giúp SV tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.07]. Những SV không tốt nghiệp đúng tiến độ đa số do SV chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT theo quy định; hoặc do điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt dưới 2,00 điểm; hoặc thiếu các môn điều kiện (các môn kỹ năng mềm bắt buộc, tin học, ngoại ngữ, chứng chỉ GDTC, GDQP). Khoa QTKD luôn quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ cho SV mở các lớp học vụ theo yêu cầu, tạo điều kiện cho những SV này về trả nợ học phần và xét tốt nghiệp sớm nhất có thể nếu SV đủ điều kiện xét tốt nghiệp và đang trong thời gian đào tạo cho phép [H11.11.02.08].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường và Khoa QTKD có giao trách nhiệm cho bộ phận, cá nhân để theo dõi/thống kê thời gian tốt nghiệp trung bình của SV theo từng khóa học.

Phòng QLĐT và Khoa QTKD thường xuyên tìm hiểu, phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

3. Điểm tồn tại:

Số lượng SV tốt nghiệp chậm tiến độ còn cao, một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy, SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường. Khoa chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp

trung bình của SV.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa phối hợp Phòng QLĐT thường xuyên rà soát, nhắc nhở SV về kế hoạch học tập, kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để xét tốt nghiệp đúng tiến độ; xây dựng kế hoạch cho các SV còn nợ học phần và nợ chứng chỉ CĐR học tập để đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp. Tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình với các trường trong và ngoài nước	- K.QTKD; - P.QLĐT; - TT.PTNL	Thường xuyên mỗi học kỳ, năm học (từ 2025-2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	Nhà trường và Khoa tiếp tục duy trì và phát huy tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ SV giúp tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng thời hạn và rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình.	- K.QTKD; - P.QLĐT	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

UPT rất quan tâm đến khả năng có việc làm của SV sau khi ra trường. Tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp được theo dõi, giám sát, thống kê, báo cáo. Việc theo dõi thống kê tỷ lệ có việc làm và chất lượng việc làm, thu nhập trung bình của SV sau tốt

nghiệp được giao cho Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phụ trách chính phối hợp với Phòng CTCTSV&HTDN và các Khoa thông qua quy trình hướng dẫn cụ thể và kế hoạch về hoạt động khảo sát hàng năm [H11.11.03.01].

Phòng CTCTSV&HTDN là đơn vị cầu nối nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.02]. Hàng năm, đơn vị này phối hợp với các Khoa, Phòng tổ chức ngày hội việc làm để đưa SV đến gần hơn với nhà tuyển dụng, tăng cơ hội tìm được việc làm phù hợp. Qua đó, 100% SV (đang học tập, kể cả SV đã ra trường) có nhu cầu việc làm đều được tư vấn, giới thiệu chỗ thực tập, tham quan thực tế, việc làm bán thời gian và việc làm chuyên môn cho SV [H11.11.03.03]. Bên cạnh đó trên Website của Trường <http://www.upt.edu.vn/> có chuyên mục “Việc làm sinh viên” nhằm giúp SV có thể tìm kiếm việc làm theo chuyên môn hay bán thời gian với các vị trí tuyển dụng phù hợp, thông tin tuyển dụng cũng được bộ phận chuyên trách gửi đến các Khoa và SV thông qua các kênh thông tin truyền thông của Trường nhằm thông báo rộng rãi cho SV có cơ hội tìm việc làm. Song song với các hoạt động trên còn có lãnh đạo, GV các Khoa, Phòng giúp SV tìm kiếm nơi thực tập tốt nghiệp và giới thiệu việc làm cho SV thông qua các mối quan hệ với các doanh nghiệp.

Hàng năm, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Khoa QTKD và các đơn vị triển khai việc khảo sát để tìm hiểu, giám sát tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp bằng cách gửi đường link khảo sát online đến email của tất cả SV đã tốt nghiệp 1 năm do Phòng QLĐT cung cấp danh sách và thông tin. Sau một thời gian nhất định, những cựu SV không phản hồi qua email Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ gọi điện thoại trực tiếp cho cựu SV hoặc liên hệ qua facebook, zalo, người thân,... đảm bảo thu được dữ liệu tin cậy và đáp ứng yêu cầu quy định [H11.11.03.04]. Kết quả khảo sát sẽ được Phòng KT-ĐBCL-TT&PC tổng hợp, đối sánh, đánh giá và gửi cho BGH và các Khoa để theo dõi và có những giải pháp, kế hoạch hàng năm như điều chỉnh CTĐT, tổ chức ngày hội việc làm, giới thiệu SV đến các doanh nghiệp có thỏa thuận cộng tác,... nhằm đảm bảo và tăng tỷ lệ SV có việc làm của Khoa và Trường.

Bảng 11.8. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và các ngành khác trong Trường

STT	Ngành học	Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp (%)	
		SV tốt nghiệp năm 2024	SV tốt nghiệp năm 2025
1	Log&QLCCU	100	-
2	KT	91.30	95.74
3	QTDVDL&LH	95.00	94.44
4	QTKS	98.61	90.77
5	QTKD	94.92	91.80
6	TCNH	91.67	83.87
7	NNA	93.68	97.18

Khoa, Nhà trường tiếp tục hỗ trợ cho SV, nâng cao mức độ đáp ứng yêu cầu công việc và chất lượng công việc của SV sau tốt nghiệp như: Tăng cường sự phối hợp giữa Nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động nhằm hỗ trợ việc làm, thực tập cho SV [H11.11.03.05]. Tổ chức các ngày hội việc làm, tăng các kênh thông tin việc làm trên website Trường, tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho SV. Ngoài ra, Nhà trường cũng tổ chức Hội cựu SV, thông qua họp mặt cựu SV hàng năm, các Khoa có thể nắm được tình trạng việc làm của SV tốt nghiệp, nhu cầu và yêu cầu thực tế của các doanh nghiệp khi tuyển dụng, từ đó có các kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng đào tạo phù hợp hơn với nhu cầu xã hội, đồng thời, khi tiếp nhận các thông tin tuyển dụng từ các doanh nghiệp [H11.11.03.06]. Bên cạnh đó, Khoa phối hợp với Phòng CTCTSV&HTDN, chủ động liên hệ, cung cấp thông tin tuyển dụng đến các SV sau tốt nghiệp chưa có việc làm, làm cầu nối để SV dễ dàng tiếp cận đến các thông tin tuyển dụng và ngược lại. Website Khoa thường xuyên đăng tải các tin tức tuyển dụng để các SV chưa có việc làm/việc làm chưa phù hợp có thể tiếp cận nhanh chóng với các thông tin tuyển dụng, đồng thời các kênh liên hệ như điện thoại, email, facebook, zalo,... cũng được sử dụng thường xuyên để Khoa và Nhà trường giới thiệu việc làm cho SV.

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ có việc làm của SV sau tốt nghiệp được xác lập và giao cho các đơn vị và Khoa thực hiện việc khảo sát và đối sánh, từ đó đưa ra các giải pháp để ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. Tỷ lệ có việc làm của SV ngành SV Log&QLCCU khóa đầu tiên sau khi tốt nghiệp là cao và đa số phù hợp với ngành học. Nhà trường và Khoa QTKD có xây dựng mối quan hệ thường xuyên và tốt đẹp với các DN, NTD để hỗ trợ

SV tìm được việc làm phù hợp nhất.

3. Điểm tồn tại:

Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó, SV gặp chút khó khăn trong quá trình tìm việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp với thu nhập ổn định.

Chưa đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV tốt nghiệp với nhiều trường đại học khác.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện đối sánh và phân tích tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm cùng ngành đào tạo trong và ngoài nước để đề ra giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao tỷ lệ có việc làm của SV trường.	K.QTKD; P.KT- ĐBCL- TT& PC	Hàng năm (từ 2025- 2026)	
		Tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn-Hội; thường xuyên theo dõi, đôn đốc SV có kế hoạch học tập và định hướng việc làm sau tốt nghiệp phù hợp với cá nhân.	K.QTKD; P.CTCTSV &HTDN; P.QLĐT	Hàng năm (từ 2025- 2026)	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục đẩy mạnh hợp tác với các DN, tổ chức nhằm giới thiệu việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. - Phát huy vai trò của cựu SV trong việc hỗ trợ thực tập và giới thiệu việc làm cho SV khóa sau.	K.QTKD; P.CTCTSV &HTDN; P.QLĐT	Thường xuyên (từ 2025- 2026)	
		Tiếp tục định kỳ thực hiện khảo sát tình hình việc làm của SV, nhu cầu của doanh nghiệp để dự đoán xu	K.QTKD; P.KT- ĐBCL-	Hàng năm (từ 2025- 2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		hướng kịp thời và có các giải pháp hiệu quả ổn định tỷ lệ có việc làm cho SV sau tốt nghiệp.	TT&PC; P.QLĐT		

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Từ năm 2015, Trường đã thành lập Phòng QLKH&HTQT nhằm tham mưu cho Nhà trường xây dựng KHCL phát triển NCKH phù hợp với điều kiện CSVC, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.01]. Bên cạnh Kế hoạch của Phòng QLKH&HTQT, Khoa cũng xây dựng kế hoạch về hoạt động NCKH hằng năm của đơn vị mình, trong đó xác lập được loại hình nghiên cứu đặc thù đối với khối ngành kinh tế là nghiên cứu xã hội cũng như số lượng các hoạt động NCKH cho người học là tương thích với mục tiêu, sứ mạng - tầm nhìn của Nhà trường và CDR của CTĐT [H11.11.04.02]. Ngoài ra, Phòng CTCTSV&HTDN còn xây dựng các chỉ tiêu về NCKH cho SV đạt chuẩn SV 5 tốt [H11.11.04.03]. Căn cứ vào kế hoạch NCKH trong năm của Trường, Khoa sẽ lập danh mục các đề tài NCKH của CBGV và SV Khoa mình. Sau đó, Khoa sẽ hướng dẫn SV đăng ký đề tài. Ngoài ra, hằng năm, Phòng QLKH&HTQT sẽ tổng kết thống kê hoạt động NCKH của SV trong năm và gửi lại thông tin để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.04].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa thường tổ chức hội nghị, hội thảo về khoa học công nghệ dành cho SV [H11.11.04.05]. SV Khoa QTKD có tham gia hoạt động để tiếp cận với hoạt động nghiên cứu dưới nhiều hình thức khác nhau như: viết tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận (theo quy định trong CTĐT, trong ĐCHP), hoặc tham gia, học hỏi các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học. Tiểu luận được SV thực hiện theo yêu cầu đối với một số các học phần, tùy theo từng học phần sẽ có quy định về nội dung, hình thức khác nhau. Báo cáo thực tập được SV thực hiện theo kế hoạch

chung của Khoa vào năm học thứ 3 và thứ 4 của khóa học. Ngoài báo cáo thực tập, khóa luận cũng được xem như một học phần cuối khóa dành cho các SV có thành tích học tập đạt điểm trung bình tích lũy của 6 học kỳ đạt từ 7.0 trở lên, được SV lựa chọn thực hiện thay thế cho báo cáo thực tập và thực hiện theo kế hoạch của Khoa/Trường. Các đề tài NCKH ở các cấp, các Hội thảo khoa học cũng đang dần được nhiều SV quan tâm và tham gia thực hiện. Phạm vi nghiên cứu của đề tài thường chủ yếu trong lĩnh vực QTKD, ngoài ra còn mở rộng sang các chủ đề cần nâng cao nhận thức của SV như các tọa đàm “Sinh viên: Tình yêu, tình dục, góc khuất và kỹ năng hòa nhập sau tốt nghiệp”, hội thảo “Kỹ năng mềm cho SV trong định hướng hoạt động nghề nghiệp”, báo cáo chuyên đề “Giải mã trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu”. Đề tài NCKH của SV có thể được thực hiện theo cá nhân hoặc nhóm nghiên cứu (không quá 3 tác giả/đề tài), đề tài đăng ký sẽ được các tác giả trình bày, trao đổi trong cuộc họp chung của Khoa tổ chức nhằm mục đích giúp SV xác định rõ hơn tên đề tài, mục tiêu, phương pháp và trình tự tiến hành nghiên cứu [H11.11.04.06].

Việc tổ chức hoạt động NCKH cho SV thực hiện theo Thông tư 26/2021/TT-BGDĐT ban hành quy định về hoạt động NCKH của SV trong các CSGD đại học của Bộ GDĐT. Ngoài ra, hoạt động theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu; các hoạt động NCKH của SV được thực hiện theo Quy định về quản lý hoạt động KHCN của Trường. Phòng QLKH&HTQT chịu trách nhiệm về các đề tài NCKH từ cấp Trường trở lên, hướng dẫn SV lập hồ sơ, theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả [H11.11.04.07]. SV được GV/Khoa hỗ trợ như chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, làm thực nghiệm, sửa bài, đánh giá... Đối với các hoạt động nghiên cứu là những đồ án, khóa luận tốt nghiệp, tùy theo ngành đào tạo, đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được áp dụng cho SV đạt mức quy định của Trường [H11.11.04.08]. Khoa sẽ phân công và công bố danh sách GV hướng dẫn SV thực hiện nghiên cứu. Các đề tài có chất lượng tốt sẽ được báo cáo trước HĐKH của Khoa [H11.11.04.09]. Chất lượng hoạt động nghiên cứu của SV được báo cáo cụ thể trong báo cáo tổng kết hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm [H11.11.04.10].

Chính sách về NCKH của SV cũng được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường [H11.11.04.11]. Hằng năm, Nhà trường lập dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH (trong đó có hoạt động NCKH của SV), chuyển giao công nghệ

và PVCĐ. Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của SV, HĐT đã tăng cường hỗ trợ về tài chính: tăng định mức NCKH, tăng định mức khen thưởng cho những SV đạt thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật các cấp [H11.11.04.12].

Việc rà soát tiến độ, chỉ tiêu các hoạt động NCKH của SV được thực hiện hằng năm do Phòng QLKH&HTQT tổng kết thống kê và gửi về để Khoa theo dõi, giám sát [H11.11.04.13]. Việc rà soát kết quả SV làm tiểu luận, báo cáo thực tập, làm khóa luận tốt nghiệp do GV giảng dạy và các Khoa và Phòng QLĐT thực hiện theo quy chế đào tạo, theo đó, trong toàn bộ quá trình SV thực hiện báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, SV phải báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện trực tiếp đến GV hướng dẫn, đối với báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp là tối thiểu 2 tuần/ lần, tiểu luận tối thiểu 1 tuần/ lần. Kết quả của các dạng hoạt động này thể hiện qua kết quả tốt nghiệp của SV [H11.11.04.14]. Đối với đề tài NCKH cấp trường của SV luôn được GV hướng dẫn, Khoa tận tình quan tâm, thường xuyên theo dõi, giám sát tình hình thực hiện. Loại hình, các hoạt động NCKH SV được Khoa phân công theo dõi, giám sát, cố vấn học tập thường xuyên tổ chức các buổi họp lớp, nhắc nhở SV trong các hoạt động NCKH, đồng thời mỗi học kỳ sẽ báo cáo về Khoa các loại hình, số lượng đề tài NCKH của lớp về Khoa để Khoa kịp thời nắm bắt tình hình, đôn đốc, nhắc nhở SV và đưa ra các giải pháp khuyến khích SV thực hiện NCKH. Bên cạnh đó, các loại hình NCKH như báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp, SV khi thực hiện đề tài phải có phiếu đăng ký đề tài, thông qua sự đồng ý của GV hướng dẫn và nộp về Khoa. Qua đó, Khoa tổng kết về số lượng và tình hình thực hiện đề tài NCKH của SV, đồng thời báo về các đơn vị, phòng, ban có liên quan. Việc theo dõi, giám sát về số lượng, nội dung đối với các đề tài NCKH của SV ở các cấp cũng được thực hiện tuần tự và xuyên suốt, SV khi thực hiện đề tài, cần trao đổi và được thông qua bởi GV hướng dẫn, Khoa và cuối cùng là Hội đồng Khoa học Trường. Cuối mỗi năm học, Khoa tổng kết hoạt động NCKH của CBGV và của SV trong Khoa, thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu giữa các năm, giữa các CTĐT để xây dựng kế hoạch KHCN cho năm học mới hoàn thiện hơn về cả số lượng và chất lượng [H11.11.04.15].

Bảng 11.9. Bảng tổng hợp đề tài NCKH của SV được công bố

Khoa	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng
QTKD	10	2	2	1	-	15

Khoa	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng
TC-KT-NH	5	-	-	-	-	5
CNTT	1	-	-	-	2	3
DL	9	1	1	-	3	14
NN	-	4	3	1	-	8
LKT	-	3	-	-	-	3

Hoạt động NCKH của SV chưa mạnh, do nhiều nguyên nhân: Phần lớn SV vẫn tập trung vào việc học chính khóa, tham gia các hoạt động Đoàn – Hội và làm việc bán thời gian, dẫn đến thời gian và tinh thần dành cho NCKH bị hạn chế. Bên cạnh đó, nhiều SV chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và ý nghĩa của việc tham gia NCKH, thiếu sự hứng thú và chủ động. Việc lựa chọn đề tài chưa phù hợp với năng lực cá nhân, chưa có tính ứng dụng rõ ràng hoặc không có sản phẩm cụ thể nên thiếu sức thuyết phục. Ngoài ra, quá trình triển khai nghiên cứu thực tế còn gặp nhiều khó khăn và nguồn kinh phí hỗ trợ còn hạn chế.

Trước thực trạng đó, Khoa đã đề xuất nhiều giải pháp nhằm khơi dậy và phát huy tinh thần NCKH của SV, như: tổ chức hội nghị khoa học SV, các buổi workshop về phương pháp nghiên cứu, tăng cường hoạt động của các câu lạc bộ học thuật theo từng chuyên ngành, tổ chức seminar, hội thảo định hướng nghiên cứu và triển khai đề tài. Về mặt tài chính, đề động viên và tạo động lực cho SV, Nhà trường cần xem xét tăng mức khen thưởng đối với các cá nhân có thành tích cao trong NCKH và các cuộc thi học thuật ở các cấp [H11.11.04.16].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành các văn bản chi tiết về NCKH của SV và triển khai sâu rộng đến tất cả đối tượng SV, có xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động NCKH của người học, thực hiện đối sánh và có những đề xuất/đầu tư NCKH phù hợp với xu thế phát triển và khả năng của người học.

Hoạt động SV NCKH, hoạt động khởi nghiệp được Khoa ngày càng chú trọng, quan tâm, điều chỉnh trong những năm gần đây, do đó, số lượng đề tài NCKH của SV có cải thiện.

3. Điểm tồn tại:

Hiện nay, các loại hình NCKH của SV Khoa QTKD còn chưa đa dạng; chưa có

nhiều hoạt động, chính sách hấp dẫn thu hút SV tham gia NCKH, do đó, số lượng đề tài NCKH do SV thực hiện còn rất khiêm tốn.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục có thêm nhiều chính sách và hoạt động khuyến khích NCKH trong đó có tăng kinh phí dành cho NCKH của SV, tính điểm rèn luyện, điều kiện xét học bổng, nâng cao kỹ năng NCKH cho SV, phát triển các hoạt động Khởi nghiệp...	K.QTKD; P.QLKH &HTQT; P.CTCTSV &HTDN	Từ năm 2025-2026	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cải thiện các quy định chi tiết về NCKH của SV, hệ thống theo dõi giám sát NCKH SV. - Đẩy mạnh và truyền thông tốt hơn vai trò của CLB NCKH nhằm khơi gợi niềm đam mê NCKH cho SV.	K.QTKD; P.QLKH &HTQT; P.CTCTSV &HTDN	Thường xuyên (từ 2025-2026)	

5. Tự đánh giá: Đạt (4/7).

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có ban hành quy trình khảo sát lấy ý các BLQ về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Trường; qua đó có phân công cho các đơn vị, bộ phận phụ trách hằng năm tổng hợp, theo dõi giám sát, đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan là Phòng KT-ĐBCL-TT&PC phối hợp với Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và các khoa, đơn vị [H11.11.05.01].

Trường đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các BLQ từ sau khi có khóa

học tốt nghiệp. Hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các BLQ phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua quy trình Khảo sát dưới các hình thức như: khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát ý kiến SV năm cuối về khóa học; khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp về việc làm và mức độ đáp ứng của CTĐT; khảo sát ý kiến CBGVNV/SV về chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ, CSVC, môi trường học tập/làm việc, hoạt động NCKH và PVCĐ...; khảo sát ý kiến NTD, cựu SV và GV về CTĐT và CĐR [H11.11.05.02].

Mức độ hài lòng của SV đối với hoạt động giảng dạy của GV được xác lập, giám sát và theo dõi định kỳ mỗi học kỳ qua kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy các môn học qua phần mềm xem điểm của SV sau khi kết thúc mỗi học kỳ, với các nội dung: (TC1) Phương pháp giảng dạy, (TC2) Nội dung giảng dạy, (TC3) Kiểm tra, đánh giá môn học.

Bảng 11.10. Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy của GV

TT	GV thuộc Khoa	Tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học (%)									
		2020-2021		2021-2022		2022-2023		2023-2024		2024-2025	
		HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2	HK1	HK2
1	QTKD	94.6	95.12	96	97.2	93.9	96.5	84.9	84.6	83.6	-
2	Du lịch	95.8	93.13	96.9	91.8	93.9	95.1	86.3	89.7	91.9	-
3	Ngoại ngữ	95.1	93.27	94.8	93.5	93.3	96	84.2	83.1	85.2	-
4	TCNH	96.8	96.82	97.4	95.8	97.2	95.2	91.5	90.8	87.6	-
5	CNTT	96.4	93.98	92.5	98	92	93.6	84.7	85.1	81.8	-
6	Luật Kinh tế	93.9	83.72	93.8	93.6	96.2	97.6	83	85.5	82.6	-
7	KTCN	92.5	96.4	90	97.1	90.4	97.2	91.8	91.8	89.6	-
8	Cơ bản	97.3	91.55	99.4	93.8	93.4	93.4	84.9	84.2	84.9	-
9	KHSK	0	0	0	0	100	92.5	94.4	92.6	94.9	-
Toàn trường		95.3	92.98	95.1	95.1	94.5	95.2	87.3	87.5	86.9	-

Kết quả bảng trên cho thấy tỷ lệ hài lòng của SV về hoạt động giảng dạy các môn học thuộc khoa QTKD đều trên 80% qua các học kỳ [H11.11.05.03].

Mức độ hài lòng của SV ngành Log&QLCCU đối với toàn khóa học được theo dõi thông qua khảo sát ý kiến SV năm cuối về CTĐT, giảng dạy, các hoạt động hỗ trợ

đào tạo trong khóa học và cảm nhận về kết quả đạt được từ khóa học.

Bảng 11.11. Tỷ lệ hài lòng của SV các ngành về khóa học

STT	Ngành học	Tỷ lệ hài lòng của SV các khóa học (%)				
		2017-2021	2018-2022	2019-2023	2020-2024	2021-2025
1	Log&QLCCU	-	-	-	98.45	87.68
2	QTKD	93,00	91,74	92.61	98.02	97.59
3	QTKS	96,03	95,06	95.64	92.92	94.12
4	NNA	93,25	90,92	91.18	98.28	96.10
5	KT	98,78	82,05	96.59	97.14	95.93
6	CNTT	97,05	90,79	84.21	93.30	99.74
7	TCNH	100	91,67	97.09	92.11	97.86

Tỷ lệ hài lòng và tương đối hài lòng về khoá học của SV ngành Log&QLCCU khá cao, tuy nhiên tỷ lệ của mức độ thật sự hài lòng chưa cao (61,58%), Khoa/Trường cần nghiên cứu, cải tiến nhiều hơn **[H11.11.05.04]**.

Khảo sát ý kiến cựu SV còn có những thông tin cơ bản về CTĐT của khóa học, qua khảo sát cho thấy SV hài lòng về PPDH cũng như chuyên môn, kiến thức cung cấp có ích cho công việc hiện nay **[H11.11.05.05]**.

Khảo sát ý kiến GV và CBNV: các ý kiến đánh giá được thu thập thông qua các cuộc họp của khoa QTKD hàng năm cho thấy đa số hài lòng về chất lượng SV của Khoa **[H11.11.05.06]**.

Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với chất lượng SV tốt nghiệp của ngành Log&QLCCU, Khoa lựa chọn khảo sát chủ yếu là các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, công ty tài chính,... có SV ngành Log&QLCCU của Trường tham gia làm việc. Mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp (>80%). SV đa số đáp ứng được các yêu cầu công việc và đạt được sự hài lòng khá cao về kiến thức ngành và thái độ làm việc. Về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm thì không đồng đều. Doanh nghiệp đánh giá một số SV có kỹ năng khá tốt nhưng một số lại không như mong đợi, cần được đào tạo thêm về các kỹ năng để đáp ứng yêu cầu công việc. Điều này cũng hoàn toàn hợp lý vì SV mới ra trường, nhiều bạn chưa từng hoặc ít đi làm thêm trước đó nên chưa có kinh nghiệm trong giao tiếp và xử lý các tình huống thực tế nơi làm việc. Về khả năng ngoại ngữ thì hầu như tất cả SV các ngành đều cần được tăng cường đào tạo và tự rèn luyện thêm mới có thể đáp ứng sự hài lòng từ các nhà sử dụng lao động.

Hầu hết các đơn vị đều chọn tương đối đồng ý và đồng ý với mục tiêu, nội dung của CDR và CTĐT các ngành của Trường (>80%). Ít có ý kiến chuyên môn gì thêm. Có thể do các đơn vị không có nhiều thời gian để xem xét kỹ các CTĐT của Trường [H11.11.05.07]. SV sau khi tốt nghiệp và nhà tuyển dụng đánh giá cao về mức độ hữu ích của kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo trong Nhà trường so với yêu cầu thực tế của công việc [H11.11.05.08].

Ngoài các hoạt động khảo sát ý kiến thì SV còn có thể phản hồi ý kiến trực tiếp và được giải đáp các thắc mắc, được cung cấp các thông tin cần thiết qua các hội nghị đối thoại với lãnh đạo các đơn vị của Trường hằng năm [H11.11.05.09].

Thông qua việc xác lập, giám sát và đối sánh định kỳ mức độ hài lòng và ý kiến đóng góp của các bên liên quan như SV, cựu SV, CBGV, nhà tuyển dụng ... Nhà trường và Khoa QTKD đã có những cải tiến để nâng cao chất lượng như điều chỉnh CTĐT, đổi mới PPDH, tăng cường hỗ trợ người học, tăng cường đi thực hành, thực tế nâng cao kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên ngành, tăng cường tiếng Anh giao tiếp cho SV.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có xây dựng các quy định, quy trình về việc khảo sát sự hài lòng của các BLQ; Thực hiện khảo sát định kỳ và xử lý và sử dụng các thông tin phản hồi của các BLQ làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Điểm tồn tại:

Chưa thực hiện việc phân tích, đối sánh mức độ hài lòng của các BLQ với các trường ĐH khác để cải tiến chất lượng.

4. Kế hoạch hành động:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Thực hiện khảo sát ý kiến các BLQ định kỳ đồng thời đối sánh với các CSGD khác để phân tích xu thế, đưa ra các nhận định và giải pháp	- K.QTKD; - P.KT- ĐBCL- TT&PC;	Định kỳ (từ 2025-2026)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
		hiệu quả để ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện nội dung, quy trình, biểu mẫu và thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các BLQ định kỳ về các mặt hoạt động để ngày càng nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường.	- K.QTKD; - P.KT-ĐBCL- TT&PC; - Các đơn vị	Từ năm 2025-2026	

5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).

Kết luận chung về Tiêu chuẩn 11:

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

Trường và Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của SV sau khi tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học như nhắc nhở về kết quả học tập thường xuyên, mở lớp để SV học trả nợ kịp tiến độ, hỗ trợ tối đa cho SV năm cuối hoàn thành chương trình tốt nghiệp.

Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các BLQ hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

Các loại hình và chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH còn chưa đa dạng, chưa thu hút được SV.

Kết quả đánh giá chung của Tiêu chuẩn 11:

Căn cứ vào đánh giá của từng tiêu chí, Tiêu chuẩn 11 có 05 tiêu chí, trong đó có 04 tiêu chí đạt điểm 5/7 và 01 tiêu chí đạt điểm 4/7.

PHẦN III. KẾT LUẬN

1. Tóm tắt những điểm mạnh cần phát huy của CTĐT ngành Log&QLCCU

1.1 Mục tiêu và CDR của CTĐT

Mục tiêu CTĐT của ngành Log&QLCCU được xác định rõ ràng, phù hợp với: Sứ mệnh, mục tiêu chiến lược của Trường. CDR được ban hành và cập nhật định kỳ 2 năm/lần. Phiên bản mới nhất năm 2024 gồm 13 CDR được cải tiến nhiều và chi tiết, ma trận kết nối giữa học phần và CDR thể hiện rõ sự đóng góp của từng học phần vào việc hình thành kiến thức, kỹ năng và năng lực cho người học. CDR phản ánh nhu cầu xã hội thông qua khảo sát nhu cầu nhân lực tại địa phương, tham vấn ý kiến từ các BLQ trong quá trình xây dựng và cập nhật CDR. Các đề xuất từ BLQ được phân tích và tích hợp vào CDR của CTĐT. Mục tiêu và CDR sau khi điều chỉnh đều được ban hành chính thức và công khai trên nhiều kênh để các BLQ dễ dàng tiếp cận..

1.2 Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT đáp ứng chuẩn hoá, tuân thủ quy định chặt chẽ, xây dựng theo biểu mẫu của Nhà trường và các quy định hiện hành, đảm bảo cấu trúc rõ ràng, cung cấp thông tin đầy đủ. Các ĐCHP cập nhật và cải tiến liên tục, tuân thủ quy định và tính thống nhất cao, quy trình rà soát có kế hoạch và có sự tham gia của các BLQ; các phiên bản ĐCHP (đặc biệt năm 2024) được chuẩn hóa, trình bày đầy đủ đầy đủ thông tin học phần và hình thức theo đúng quy định. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các BLQ dễ dàng tiếp cận và sử dụng.

1.3 Cấu trúc và nội dung CTDH

CTDH ngành áp dụng cấp độ Bloom trong CDR được thiết kế bài bản, rõ ràng, bám sát CDR của CTĐT, cập nhật định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần có sự tham khảo ý kiến các BLQ và từ CTĐT ở các CSGD khác. CTDH có sự liên kết mạch lạc từ các học phần đại cương đến chuyên ngành, áp dụng mô hình phát triển năng lực, tuân thủ khung trình độ quốc gia Việt Nam. Có mối liên kết ngang – dọc giữa các học phần; nội dung học tập theo hướng tích hợp lý thuyết và thực tiễn. Mỗi học phần được xác định mức độ đóng góp rõ ràng vào các PLOs theo cấp độ Bloom, giúp đảm bảo lộ trình phát triển năng lực của người học. PPDH đa dạng, có cải tiến: Kết hợp thuyết giảng, thảo luận nhóm, tình

huống thực tiễn, mô phỏng, phản biện, sử dụng công nghệ trong giảng dạy. ĐCHP được chuẩn hóa và cập nhật định kỳ: Mỗi học phần đều có CDR, phương pháp giảng dạy, đánh giá rõ ràng, có rubric và ma trận đánh giá chi tiết. Có học phần kiến tập, thực tập, khóa luận, kỹ năng mềm, gắn với thực tiễn nghề nghiệp; nội dung được cập nhật theo xu hướng logistics 4.0 và hội nhập.

1.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Triết lý giáo dục của Trường đã được xây dựng và tuyên bố một cách rõ ràng, đồng thời được phổ biến rộng rãi đến các BLQ trong và ngoài Nhà trường. Trên cơ sở đó, Khoa đã thiết kế và triển khai một hệ thống hoạt động giảng dạy – học tập đa dạng, gắn với thực tiễn, nhằm đảm bảo đạt được CDR của từng học phần và CTĐT. Người học được tạo điều kiện chủ động tham gia vào quá trình học tập thông qua các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp, linh hoạt. Các hoạt động dạy và học được thể hiện cụ thể trong ĐCHP, góp phần rèn luyện hiệu quả các kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cần thiết trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, đồng thời nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu và phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học.

1.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Hoạt động đánh giá kết quả học tập người học của ngành Log&QLCCU' từ khâu tuyển sinh đầu vào đến quá trình đào tạo và đầu ra được thiết kế phù hợp bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nhà trường có quy định rõ ràng về KTĐG kết quả học tập của người học. Kế hoạch và những quy định về KTĐG được thông báo công khai với người học ngay từ khi bắt đầu khóa học, học kỳ, môn học. Khoa QTKD áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức KTĐG kết quả học tập của người học, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với ngành Log&QLCCU'. Kết quả học tập của người học được công bố kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. SV Khoa QTKD dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình và luôn quan tâm giải quyết tốt việc khiếu nại về kết quả học tập trong suốt quá trình người học tham gia học tập tại Trường dưới nhiều hình thức.

1.6 Đội ngũ GV, NCV

Trường/Khoa QTKD đã xây dựng chiến lược nhân sự với mục tiêu và giải pháp cụ

thể, trong đó thể hiện rõ định hướng dài hạn và gắn liền với thực tiễn của từng giai đoạn phát triển. Công tác tuyển dụng đội ngũ GV được lên kế hoạch chủ động, đồng bộ với quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, cũng như điều kiện thực tế của Trường. Tất cả các quy trình, tiêu chuẩn tuyển dụng đều được quy định rõ ràng, công khai, mang tính minh bạch cao. Các thông tin tuyển dụng, tiêu chuẩn và quy trình được phổ biến công khai rộng rãi, tạo cơ hội tiếp cận công bằng cho mọi ứng viên. Bên cạnh đó, Trường cũng thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc dựa trên khối lượng và chất lượng giảng dạy, NCKH của GV, làm cơ sở cho công tác thi đua và khen thưởng vào cuối mỗi năm học. Các biện pháp và chính sách hỗ trợ GV học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cũng được triển khai tích cực. Đội ngũ GV của Khoa QTKD có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, tận tụy trong các hoạt động chuyên môn cũng như trong NCKH và PVCĐ và đồng hành cùng SV trong suốt quá trình học tập và rèn luyện.

1.7 Đội ngũ nhân viên

Đội ngũ nhân viên của Trường/Khoa trẻ, đảm bảo về số lượng, có năng lực chuyên môn và sẵn sàng phục vụ. Đội ngũ này được tuyển dụng theo đúng quy định về tuyển dụng chặt chẽ và tiêu chí rõ ràng của Nhà trường đã được công bố công khai. Việc đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện với các tiêu chí rõ ràng, minh bạch đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Trường. Căn cứ nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ CBGVNV từ các Khoa, đơn vị, Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ cho CBGVNV bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hằng năm. Trường/Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên. Có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ và có chính sách khen thưởng kịp thời, minh bạch hằng năm.

1.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Công tác tuyển sinh của Trường, Khoa thực hiện theo đúng quy định của Bộ GDĐT và đề án tuyển sinh của Trường với các phương thức tuyển sinh đa dạng, tiêu chí rõ ràng và được quảng bá rộng rãi trên khắp các phương tiện truyền thông. Đồng thời được liên tục rà soát, đánh giá và cải tiến hằng năm để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh

có đủ năng lực và trình độ vào học tại Trường cũng như vào ngành Log&QLCCU'. Hệ thống giám sát cấp Trường và Khoa về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau, giúp Khoa nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc phát triển và nâng cao giá trị không gian kiến trúc, cải thiện CSVC, cảnh quan, đáp ứng được các yêu cầu về môi trường tâm lý, xã hội, khơi nguồn cảm hứng tư duy sáng tạo cho người học.

1.9 CSVC và trang thiết bị

Trường/Khoa QTKD có đầy đủ CSVC và trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và nghiên cứu của ngành Log&QLCCU'. Phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp; phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị các thiết bị hiện đại; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo; Hệ thống CNTT hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy, NCKH. Nhà trường có nhà luyện tập thể dục, thể thao và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, thuận lợi cho CBGVNV và SV rèn luyện sức khỏe. Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho CBGVNV và SV làm việc và học tập, nghiên cứu.

1.10 Nâng cao chất lượng

Từ năm 2020 đến nay, Khoa QTKD đã triển khai đều đặn và có hệ thống các hoạt động nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo. Mọi bước trong thiết kế CTĐT đều được thực hiện theo quy trình chuẩn của Trường, sử dụng các biểu mẫu thống nhất, thể hiện sự đồng bộ và chuyên nghiệp trong quản lý chất lượng. Công tác KTĐG kết quả học tập của SV cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng và khách quan theo đúng quy định. Phương pháp KTĐG cũng được cải tiến nhằm đánh giá toàn diện kiến thức, kỹ năng và mức độ đạt CDR của từng học phần. Các hoạt động hỗ trợ, tiện ích và dịch vụ phục vụ dạy và học, có những biện pháp từng bước cải tiến chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của SV. Cơ chế thu thập ý kiến phản hồi từ các BLQ được vận hành bài bản, có hệ thống đã góp phần để điều chỉnh và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như dịch vụ hỗ trợ, góp phần xây dựng môi trường học tập toàn diện cho SV.

1.11 Kết quả đầu ra

Trường và Khoa đã giám sát việc đạt được các tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Phòng QLĐT và Khoa có thường xuyên tìm hiểu phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và thực hiện các biện pháp hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn như nhắc nhở về kết quả học tập thường xuyên, mở lớp để SV học trả nợ kịp tiến độ, hỗ trợ tối đa cho SV năm cuối hoàn thành chương trình tốt nghiệp. Hoạt động NCKH của SV cũng được Nhà trường chú trọng đầu tư hơn. Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan hoạt động một cách hiệu quả, các thông tin được phân tích, đối sánh nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại cần cải tiến của CTĐT ngành Log&QLCCU

2.1 Mục tiêu và CĐR của CTĐT

Mục tiêu CTĐT ngành Log&QLCCU chưa được thể hiện rõ nét trong ĐCCT của một số học phần. Sự tham gia của cựu người học và các nhà tuyển dụng trong việc xây dựng mục tiêu và CĐR CTĐT còn hạn chế. Chưa phát huy hiệu quả trong việc thu hút sự tham gia của BLQ vào quá trình cập nhật CĐR. Khảo sát thị trường lao động chưa được bài bản và phạm vi lấy ý kiến về mục tiêu CTĐT và CĐR còn hẹp, số lượng ý kiến ít, dẫn đến hiệu quả chưa cao. Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát còn chung chung chưa đủ thông tin hữu ích để hỗ trợ việc điều chỉnh CTĐT và CĐR.

2.2 Bản mô tả CTĐT

Một số ĐCHP chưa thể hiện rõ hoạt động hỗ trợ, giám sát và đánh giá việc tự học của SV, học liệu một số học phần ít cập nhật, khảo sát các BLQ còn hạn chế. Bản mô tả CTĐT và ĐCHP được đăng tải trên website Trường/Khoa còn ít được các NTD quan tâm cụ thể.

2.3 Cấu trúc và nội dung CTDH

Chưa đo lường rõ mức độ hiệu quả PPDH, vẫn còn thiên về thuyết giảng; chưa lượng hóa rõ hiệu quả đạt CĐR của từng phương pháp. Số lượng mẫu khảo sát chưa đủ lớn, chưa có hệ thống phản hồi thường xuyên và đa chiều từ doanh nghiệp, cựu SV, NTD. Các học phần có yếu tố thực tiễn phân bổ chưa thật sự đều, ảnh hưởng đến việc

áp dụng liên tục kiến thức vào thực tế.

2.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Một số GV thỉnh giảng chưa quan tâm đầy đủ đến việc lồng ghép triết lý giáo dục của Trường vào hoạt động giảng dạy. Việc ứng dụng công nghệ số trong đánh giá kết quả học tập còn hạn chế. Các hoạt động tọa đàm, trao đổi học thuật của ngành tuy có triển khai nhưng chưa đa dạng. SV còn thiếu chủ động và quyết tâm trong tự học, tự nghiên cứu và tham gia NCKH.

2.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Khoa chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần so với yêu cầu của các CĐR để có hướng điều chỉnh thích hợp hơn. Vẫn còn một vài trường hợp một số môn học mới bổ sung/điều chỉnh trong CTĐT chưa được tiến hành phân tích chính xác nên chọn lựa thi kết thúc học phần theo hình thức nào là phù hợp nhất nên có thay đổi hình thức thi so với ĐCHP. Một số GV thỉnh giảng của Khoa QTKD từ TP.HCM ra giảng dạy nên công tác ra chấm bài sau thi đôi lúc còn chưa kịp thời. Còn nhiều SV chưa quan tâm đến các quy định về KTĐG khi được phổ biến vào đầu khóa, trước khi bắt đầu học phần, dẫn tới chưa nắm rõ các quy định và chủ động theo dõi kết quả học tập của mình cũng như phản hồi các thắc mắc liên quan.

2.6 Đội ngũ GV, NCV

Số lượng, chất lượng GV cơ hữu ngành Log&QLCCU của Khoa còn hạn chế. Số lượng, chất lượng công bố của GV vẫn còn khiêm tốn. Khoa chưa có CBGV được cử tham gia học tập, dự hội thảo ở nước ngoài, điều này phần nào hạn chế cơ hội mở rộng giao lưu học thuật quốc tế. Ngoài ra, các hoạt động ĐBCL, PVCĐ dù được triển khai thường xuyên, nhưng Trường vẫn chưa lượng hóa cụ thể các tiêu chí liên quan vào bảng đánh giá công tác xếp loại GV cuối năm, việc quản trị hiệu quả công việc của từng GV chưa toàn diện và định lượng.

2.7 Đội ngũ nhân viên

Mặc dù các thông báo tuyển dụng được công khai, tuy nhiên, số lượng ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển vẫn còn chưa nhiều, tính ổn định của đội ngũ nhân viên các đơn vị

chưa được ổn định lâu dài. Chính sách hỗ trợ cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ CBGVNV còn chưa đủ khuyến khích. Số lượng nhân viên đạt các danh hiệu thi đua còn ít vì chỉ tiêu hạn chế, các hình thức khen thưởng cho đối tượng này chưa được đa dạng.

2.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mặc dù Nhà trường đã xây dựng được các hình thức tuyển sinh đa dạng, có nhiều chính sách học bổng, ưu đãi học phí nhưng số lượng học sinh tham gia đăng ký nhập học tại Trường và ngành Log&QLCCU' chưa đạt chỉ tiêu hằng năm. Trường và Khoa QTKD chưa lấy ý kiến các BLQ là phụ huynh học sinh khi xây dựng các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh một cách bài bản. Việc luân phiên thay đổi Cố vấn học tập của các lớp hàng năm trong Khoa làm cho công tác hỗ trợ người học đạt hiệu quả chưa cao. Số lượng và loại hình các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khoá... của SV ngành Log&QLCCU' chưa phong phú.

2.9 CSVC và trang thiết bị

Công tác quản lý, khai thác sử dụng CSVC, CNTT và các trang thiết bị của Nhà trường và Khoa vẫn còn một số hạn chế. Quy mô thư viện chưa thực sự đáp ứng tốt cho nhu cầu đào tạo và NCKH của CBGVNV và SV.

2.10 Nâng cao chất lượng

Sự tham gia của doanh nghiệp về xây dựng, thẩm định CTĐT và CDR ngành Log&QLCCU' còn hạn chế, chủ yếu từ các doanh nghiệp địa phương. Hoạt động NCKH của SV dù đã được quan tâm nhưng số lượng đề tài còn ít, chưa nhiều công trình có ứng dụng thực tiễn cao. Một số phản hồi của các BLQ về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

2.11 Kết quả đầu ra

Các loại hình và chính sách khuyến khích SV tham gia NCKH còn chưa đa dạng, chưa thu hút được SV. Các dữ liệu kết quả đầu ra chưa được đối sánh với các trường ĐH khác.

3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành Log&QLCCU'

3.1 Mục tiêu và CDR của CTĐT

Từ năm học 2025-2026, Khoa tăng cường thực hiện rà soát CDR của CTĐT bám sát các yêu cầu của khung trình độ quốc gia, các ý kiến đóng góp của các BLQ. Trong quá trình rà soát và cập nhật chương trình sắp tới, tiến hành nghiên cứu khảo sát chuyên sâu để phân tích kỹ lưỡng nhu cầu thực tế của thị trường lao động, đồng thời đánh giá lại hệ thống mục tiêu đào tạo hiện có.

3.2 Bản mô tả CTĐT

Từ năm học 2025-2026, Khoa phối hợp với Ban TTTT&QTM, Phòng QLĐT cập nhật nội dung về Bản mô tả CTĐT và ĐCHP vào các tài liệu hướng nghiệp, tài liệu tuyển sinh và trên các nền tảng truyền thông số của Trường để tăng tính đa dạng các hình thức công bố để các đối tượng tiếp cận một cách chủ động, dễ dàng hơn ngay cả khi không có internet. Duy trì việc cập nhật và cải tiến ĐCHP định kỳ, đảm bảo nội dung luôn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và xu hướng đào tạo. Tăng cường khảo sát, đánh giá và khảo sát để việc tiếp cận thông tin của các BLQ được rộng rãi và có tính tương tác cao trong quá trình tiếp cận thông tin của Bản mô tả CTĐT và ĐCHP.

3.3 Cấu trúc và nội dung CTDH

Từ năm học 2025-2026, Khoa sẽ phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng quy trình lấy ý kiến từ các BLQ. Việc lấy ý kiến nên tập trung vào các phương pháp cụ thể được áp dụng trong từng học phần, đồng thời cần thiết kế thang đo phù hợp với từng loại phương pháp để làm cơ sở đánh giá khách quan và điều chỉnh, lựa chọn PPDH, phương pháp KTĐG giá hiệu quả hơn. Định kỳ rà soát, hoàn thiện ĐCHP nhằm đảm bảo nội dung, PPDH và phương pháp KTĐG luôn nhất quán với CDR và mục tiêu đào tạo. Đánh giá định lượng sự đóng góp của từng học phần vào CDR CTĐT, xác định rõ PPDH, phương pháp KTĐG phù hợp CDR học phần. Đồng thời, xây dựng ma trận liên kết CDR học phần với CDR CTĐT cụ thể rõ ràng hơn và lấy ý kiến BLQ với số lượng lớn trước mỗi lần rà soát, điều chỉnh.

3.4 Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường, Khoa tiếp tục thực hiện công tác truyền thông về triết lý giáo dục của Trường cho các BLQ một cách sâu sắc hơn qua các hội nghị, hội thảo, các buổi sinh hoạt gặp gỡ...; định kỳ rà soát, cập nhật về Triết lý giáo dục của Trường cho phù hợp với giai đoạn phát triển. Đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm

đáp ứng tốt hơn nhu cầu thực tế của người học và yêu cầu từ nhà tuyển dụng; khai thác tối đa thực hành trực tiếp tại doanh nghiệp và đa dạng hơn các hoạt động học tập khác để SV ra trường dễ thích nghi với công việc thực tế. Các PPDH được trình bày, cụ thể, rõ ràng hơn nữa trong ĐCHP để hướng dẫn hoạt động dạy và học cho GV, SV. Khoa tổ chức thêm nhiều buổi tọa đàm về phương pháp học tập và NCKH đối cho SV; tăng cường định hướng và hỗ trợ nhằm khơi dậy tinh thần chủ động học tập của SV, để SV tham gia vào các hoạt động trên lớp cũng như đẩy mạnh tự học, tự nghiên cứu.

3.5 Đánh giá kết quả học tập của người học

Từ năm học 2025-2026, định kỳ hàng tháng, cố vấn học tập tổ chức sinh hoạt để phổ biến các quy định và hướng dẫn SV theo dõi việc đánh giá kết quả học tập. Tiếp tục rà soát cập nhật quy định mới và các điều chỉnh trong CTĐT để kịp thời xây dựng, điều chỉnh các quy định về kiểm tra, đánh giá, đảm bảo phù hợp và đo lường đúng mức độ đạt CDR... Tiếp tục áp dụng đa dạng hình thức đánh giá. Công bố kết quả học tập của người học kịp thời, đầy đủ, chính xác, giúp người học cải thiện kết quả học tập trong giai đoạn tiếp theo. Tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề cho GV về xây dựng tiêu chí đánh giá kỹ năng mềm, thuyết trình, làm việc nhóm. Tăng cường sử dụng kết quả phân tích phổ điểm để điều chỉnh đề thi, cách thức đánh giá; đưa vào nội dung họp chuyên môn định kỳ.

3.6 Đội ngũ GV, NCV

Tăng cường tuyển dụng số lượng GV cơ hữu trong Khoa QTKD một cách rõ ràng, minh bạch đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, ưu tiên GV chuyên ngành, có trình độ cao GS, PGS, Tiến sĩ đến giảng dạy và làm việc để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH của Khoa. Từ năm học 2025-2026, tăng cường hoạt động và chính sách về đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đội ngũ GV và nghiệp vụ, năng lực về xây dựng CTĐT, ĐCHP, PPDH, phương pháp NCKH,... cho GV. Cải thiện các chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH của GV. Cải thiện chế độ khen thưởng đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ và có chế tài cụ thể với những GV không hoàn thành nhiệm vụ.

3.7 Đội ngũ nhân viên

Từ năm học 2025-2026, Nhà trường cần tăng cường chính sách động viên nhân

viên, quy hoạch đội ngũ nhân viên phù hợp giữa vị trí việc làm với trình độ chuyên môn, năng lực để đảm bảo tính ổn định lâu dài của đội ngũ nhân viên. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, khuyến khích nhân viên tự nghiên cứu, tự học để hoàn thiện khả năng đáp ứng các nhu cầu đổi mới ngày càng đa dạng và phát triển trong những giai đoạn tiếp theo nhất là các vị trí nhân viên thư viện, CNTT,... Tiếp tục rà soát quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên.

3.8 Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Từ năm học 2025-2026, Khoa và Nhà trường tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh; thực hiện điều chỉnh, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành Log&QLCCU trong thông tin tuyển sinh; tổ chức khảo sát thêm ý kiến các BLQ khác là học sinh và phụ huynh về công tác tuyển sinh trong các đợt đi tư vấn tuyển sinh hàng năm. Phòng QLĐT, Phòng CTCTSV&HTDN và Khoa sẽ tiếp tục tăng cường phối hợp trong các hoạt động giám sát và hỗ trợ SV; tích cực phổ biến rộng rãi thông tin về các hoạt động cho SV kịp thời, nhanh chóng thông qua tất cả các kênh. Tổ chức khảo sát số SV có nhu cầu đặc biệt để có kế hoạch trang bị CSVC, bố trí phòng học hợp lý và các hoạt động khác để hỗ trợ SV tốt nhất.

3.9 CSVC và trang thiết bị

Khoa phối hợp với Phòng TC-HC tiếp tục thường xuyên rà soát nhu cầu để nâng cấp hệ thống trang thiết bị dạy học, thực hành phù hợp với nhu cầu học tập, giảng dạy. Khoa và Thư viện tiếp tục phát triển đầu sách, tài liệu in và tài liệu điện tử đáp ứng cho việc học tập và nghiên cứu. Từ năm học 2025-2026, đổi mới phần mềm quản lý và công tác quản lý thư viện, đẩy mạnh việc liên kết với thư viện điện tử của các trường ĐH khác, giúp cho các CBGVNV và SV có thói quen sử dụng thư viện. Nhà trường sớm triển khai dự án mở rộng đầu tư CSVC, hạ tầng, trong đó có việc xây dựng khu thư viện mới, mở rộng hơn về diện tích; xây các phòng thực hành chuyên ngành cho khoa để tăng cường tổ chức cho SV học thực hành, nâng cao khả năng ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn cho SV.

3.10 Nâng cao chất lượng

Từ năm học 2025-2026, Khoa tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và tìm cách thu thập ý kiến phản hồi từ các đơn vị tuyển dụng một cách cụ thể, chi tiết hơn để cập nhật chương trình đào tạo ngành Log&QLCCU phù hợp hơn với thực tế. Tiếp tục kiểm tra, cập nhật quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cùng CTĐT sao cho phù hợp với các quy định mới nhất của Bộ GDĐT và thực tiễn. Khoa chủ động tăng cường kết nối với cựu SV, nhà tuyển dụng và các BLQ thông qua việc tổ chức thêm các hội thảo, tọa đàm và buổi gặp gỡ để thu thập các ý kiến phản hồi sâu sắc, thực tiễn hơn về CTĐT, làm cơ sở điều chỉnh và hoàn thiện chương trình, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động. Cập nhật điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát để phù hợp với thực tế và lấy được thông tin sâu hơn.

3.11 Kết quả đầu ra

Khoa tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát kết quả học tập của SV thường xuyên và tích cực hỗ trợ kịp thời các vấn đề SV còn khó khăn trong quá trình đào tạo để giảm thiểu tối đa tỷ lệ thôi học và tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn. Tăng cường khuyến khích, hỗ trợ để tăng kết quả về NCKH của SV. Từ năm học 2025-2026, thực hiện đối sánh và phân tích các kết quả đầu ra với các CSGD khác để phân tích xu thế, đưa ra các nhận định và giải pháp hiệu quả để ngày càng nâng cao mức độ hài lòng của các BLQ. Cập nhật quy trình, biểu mẫu khảo sát (nếu cần) và khảo sát định kỳ để nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Trường.

4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Phan Thiết.

Mã: DPT

Tên CTĐT: CTĐT trình độ đại học ngành Logistisc và Quản lý chuỗi cung ứng

Mã CTĐT: 7510605

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
Tiêu chuẩn 1								4,00	3	100
Tiêu chí 1.1				4						
Tiêu chí 1.2				4						
Tiêu chí 1.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
<i>Tiêu chuẩn 2</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 2.1				4						
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 3</i>								4,00	3	100
Tiêu chí 3.1				4						
Tiêu chí 3.2				4						
Tiêu chí 3.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 4</i>								4,67	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3				4						
<i>Tiêu chuẩn 5</i>								4,80	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4				4						
Tiêu chí 5.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 6</i>								4,43	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5				4						
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<i>Tiêu chuẩn 7</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 8</i>								5,00	5	100
Tiêu chí 8.1					5					
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
<i>Tiêu chuẩn 9</i>								4,40	5	100
Tiêu chí 9.1				4						
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3				4						

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	❶	❷	❸	❹	❺	❻	❼			
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10								4,67	6	100
Tiêu chí 10.1					5					
Tiêu chí 10.2					5					
Tiêu chí 10.3					5					
Tiêu chí 10.4				4						
Tiêu chí 10.5				4						
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11								4,80	5	100
Tiêu chí 11.1					5					
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					5					
Tiêu chí 11.4				4						
Tiêu chí 11.5					5					
Đánh giá chung CTĐT								4,60	50	100

Bình Thuận, ngày tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Cục Quản lý chất lượng - BGDDT;
- TTKĐCLGD Sài Gòn;
- HĐT, BGH Trường (để b/c);
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

PGS. TS. Võ Khắc Thường

PHẦN IV. PHỤ LỤC

Phụ lục I

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 25/6/2025)

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Tiếng Anh: University of Phan Thiet

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: Trường ĐHPT

Tiếng Anh: UPT

3. Tên trước đây (nếu có):

4. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

Số 02 Đại lộ Võ Nguyên Giáp, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (0252) 2461372-2461373

E-mail: dhphanthiet@upt.edu.vn

Website: www.upt.edu.vn

7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 2009

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2009

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 2013

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☐ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☒

11. Loại hình khác (đề nghị ghi rõ):

II. Thông tin chung về cơ sở giáo dục thực hiện chương trình đào tạo

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: Khoa Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Faculty of Business Administration

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: Khoa QTKD

Tiếng Anh: FBA

14. Tên trước đây (nếu có):

Tiếng Việt: Khoa Quản trị Kinh doanh

Tiếng Anh:

15. Mã CTĐT: 7510605

16. Tên trước đây của CTĐT (nếu có):

17. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Số 225 Nguyễn Thông, P. Phú Hải, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

18. Số điện thoại liên hệ: (0252) 2461374

E-mail: khoa_tcktnh@upt.edu.vn Website: <http://fab.upt.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập): 2009

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2020

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2024

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện CTĐT (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình, ... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật).

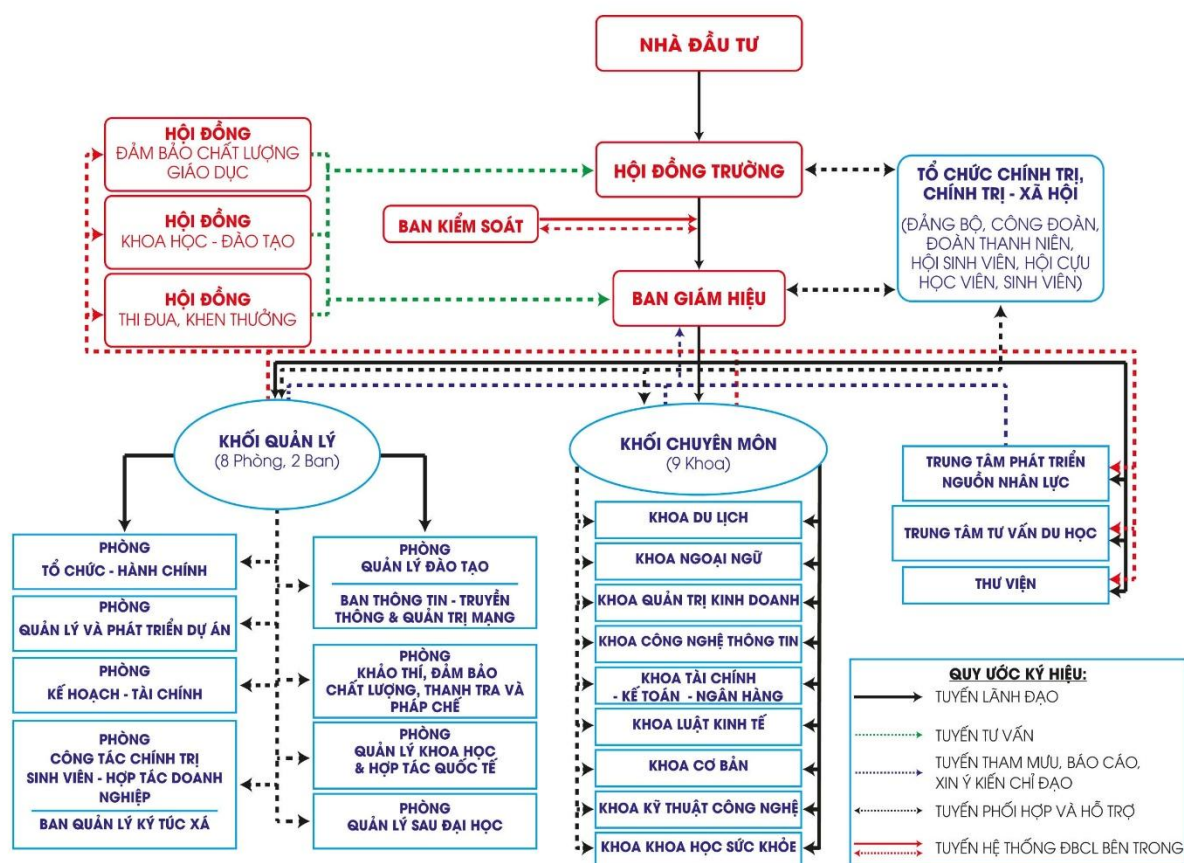
Khoa QTKD được thành lập vào năm 2009 theo quyết định số 07/QĐ-ĐHPT ngày 21/5/2009 của Hội đồng quản trị Trường Đại học Phan Thiết, hiện đang đào tạo 04 ngành gồm 03 ngành trình độ đại học (QTKD, Truyền thông đa phương tiện, Log&QLCCU) và 01 thạc sĩ ngành QTKD; quy mô đào tạo gần 100 SV và tiếp tục phát triển các CTĐT.

Đội ngũ cán bộ giảng dạy cơ hữu của Khoa tính đến tháng 6/2025 có 25 CBGV cơ hữu, trong đó có 6 PGS, 7 Tiến sĩ, 12 ThS. Ngoài ra, Khoa còn có một số GV thỉnh giảng là các GS, PGS, Tiến sĩ, Thạc sĩ có kinh nghiệm và uy tín cao từ các Viện nghiên cứu, các trường ĐH trong nước và các doanh nghiệp về lĩnh vực QTKD, truyền thông đa phương tiện và logistics tại TP.HCM trực tiếp tham gia giảng dạy và NCKH góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Khoa đã có các ký kết hợp tác với các doanh nghiệp như Công ty TNHH sản xuất hạt giống rau Lâm Đài, Công ty TNHH Hải Triều; Công ty Cổ phần Ô tô Bình Thuận (Mitsubishi Bình Thuận),...

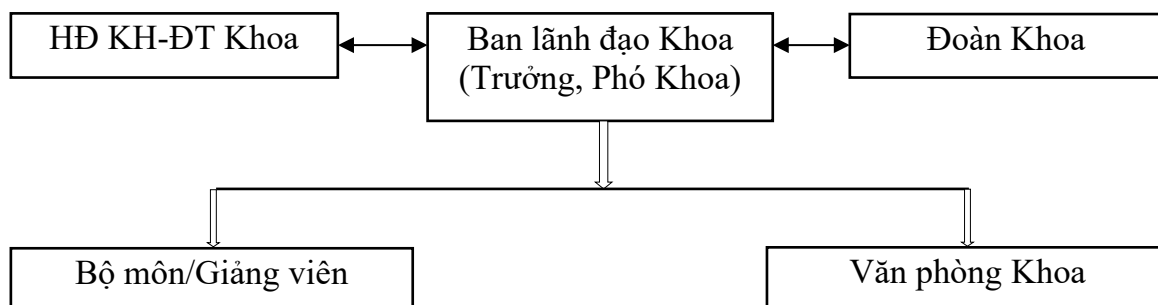
Khoa QTKD thường xuyên củng cố, phát triển Tổ ĐBCL của Khoa và thực hiện đầy đủ các hoạt động ĐBCL chung của Trường và các hoạt động ĐBCL của Khoa, bộ môn đối với các CTĐT của Khoa phụ trách. Khoa đã đạt kiểm định chất lượng 02 CTĐT ngành QTKD độ đại học và thạc sĩ theo tiêu chuẩn do Bộ GDĐT ban hành (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT) vào năm 2021 và 2022 do Trung tâm KĐCLGD – Trường Đại học Vinh công nhận.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT (vẽ sơ đồ riêng).

a) Cơ cấu tổ chức của Nhà trường bao gồm: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu (gồm Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng); Hội đồng Khoa học – Đào tạo; Hội đồng Đảm bảo chất lượng giáo dục; Hội đồng thi đua khen thưởng; 09 Khoa đào tạo (Khoa Cơ bản, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Tài chính - Kế Toán - Ngân hàng, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Luật Kinh tế, Khoa Du Lịch, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kỹ thuật công nghệ, Khoa Khoa học sức khỏe); 8 phòng và 2 ban thuộc phòng (Phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Quản lý và Phát triển dự án, Phòng Quản lý đào tạo (bao gồm Ban Thông tin truyền thông và Quản trị mạng; và Bộ phận Sau đại học), Phòng Kế hoạch – Tài chính, Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng – Thanh tra và Pháp chế, Phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (có Ban Quản lý Ký túc xá)); Thư viện; 2 trung tâm chức năng (Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực, Trung tâm tư vấn du học) và các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội cựu Sinh viên và Học viên).



b) Cơ cấu tổ chức Khoa QTKD



24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

(Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng).

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục						
Ban giám hiệu						
1	BGH	Võ Khắc Thường	1957	NGUT.PGS.TS, Hiệu trưởng	0903703753	thuongvk@upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
2	BGH	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	0938170757	dpho@upt.edu.vn
3	BGH	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, Phó Hiệu trưởng	0772108899	npqquang@upt.edu.vn
4	BGH	Võ khắc Trường Thanh	1984	TS, Phó Hiệu trưởng	0767896999	thanhvkt@upt.edu.vn
Đơn vị thực hiện CTĐT						
I.	Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị					
1.	Khoa QTKD	Hoàng Thanh Liêm	1978	TS, Trưởng khoa	0907779617	htliem@upt.edu.vn
2.	Khoa QTKD	Võ Thị An Nhi	1992	ThS, Phó Trưởng Khoa	0916897825	vtanhi@upt.edu.vn
II.	Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội					
1.	Đảng bộ	Đinh Phi Hồ	1957	PGS.TS, Bí Thư	0938170757	dpho@upt.edu.vn
2.	Đoàn thanh niên	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Bí Thư	0793832868	lnduy@upt.edu.vn
3	Công đoàn trường	Lâm Ngọc Điệp	1958	ThS, Chủ tịch	0983899193	lndiep@upt.edu.vn
4.	Hội SV	Lê Ngọc Duy	1996	ThS, Chủ tịch	0793832868	lnduy@upt.edu.vn
III	Các phòng, ban					
1	Phòng QLĐT	Võ Khắc Trường Thi	1983	TS, Trưởng phòng	0783938686	thivkt@upt.edu.vn
2	Phòng CTCTSV & HTDN	Nguyễn Như Trường	1988	ThS, Trưởng Phòng	0981963233	nntruong@upt.edu.vn
3	Phòng TC-HC	Lê Anh Linh	1987	ThS, Trưởng phòng	0938734350	lalinhh@upt.edu.vn
4	Phòng QLKH-HTQT	Trần Tình	1974	TS, Trưởng phòng	0913754312	ttinh@upt.edu.vn
5	Phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Nguyễn Thị Kiều Vi	1989	ThS, Trưởng Phòng	0388182785	nkvi@upt.edu.vn
6	Phòng KH-TC	Nguyễn Anh Đông	1968	ĐH, Trưởng phòng	0933166766	nadong@upt.edu.vn
7	Phòng QL&PTDA	Nguyễn Phước Quý Quang	1974	TS, Trưởng phòng	0913928990	npqquang@upt.edu.vn

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
8	Trung tâm PTNNL	Phạm Thị Minh Hạnh	1965	TS, Giám đốc	0903823415	ptmhanh@upt.edu.vn
9	Thư viện	Huỳnh Thị Thanh Hậu	1993	CN, Nhân viên	0902086206	htthau@upt.edu.vn
10	Ban TTTT& QTM	Lương Quốc Vũ	1991	ThS, Trưởng ban	0785253368	lquv@upt.edu.vn
IV	Các bộ môn					
1	Quản lý công nghiệp	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	1987	ThS, Phó Trưởng bộ môn	0948950498	nttnguyet@upt.edu.vn
2	Truyền thông	Võ Thị AN Nhi	1992	ThS, Phó Trưởng bộ môn	0916897825	vtanhi@upt.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT:

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 01

28. Số lượng ngành đào tạo đại học: 03

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ):

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☐	☒
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☒
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình):

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT (ngành Log&QLCCU)

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Đội ngũ cơ hữu ¹ <i>Trong đó:</i>	18	7	25
I.1	Đội ngũ trong biên chế	0	0	0
I.2	Đội ngũ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	18	7	25
II	Các đối tượng khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 01 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	-	-	-
	Tổng số	18	7	25

34. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	-	-
2	Phó Giáo sư	1	0	0	0	-	-
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	-	-
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	-	-
5	Thạc sĩ	4	0	3	1	-	-
6	Đại học	1	0	1	0	-	-
7	Cao đẳng	0	0	0	0	-	-
8	Trình độ khác	0	0	0	0	-	-
	Tổng số	6	0	4	2	-	-

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

¹Đội ngũ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

²Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện CTĐT mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

³Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 6 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT (nếu đơn vị có GV có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong Bảng 35).

Số liệu Bảng 35 được lấy từ Bảng 34 nhân với hệ số quy đổi (*áp dụng Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT*).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi	-	-	1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	-
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	-	-	-
2	Phó Giáo sư	3,0	0	0	1	0	-	-	3,0
3	Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	-	-	0
4	Tiến sĩ	2,0	0	0	0	0	-	-	0
5	Thạc sĩ	1,0	0	0	3	1	-	-	3,3
6	Đại học	0,3	0	0	1	0	-	-	0,3
	Tổng		0	0	6,3	0,3	-	-	6,6

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ/ học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	16.7	1	0	0	0	0	0	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Thạc sĩ	4	66.6	1	3	0	3	0	1	0
6	Đại học	1	16.7	0	1	1	0	0	0	0
	Tổng	6	100	2	4	1	3	0	1	1

36.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 51 tuổi

36.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 16,7%

36.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 66.6%

37. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)		100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	0	0
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	50	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	50	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100	100

V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2020-2021	38	38	0	24	14	-	-
2021-2022	42	42	0	23	14	22.8	-
2022-2023	30	30	0	17	15	16.15	-
2023-2024	25	25	0	21	15	-	-
2024-2025	21	21	0	16	15	21.2	-

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên đại học	25	48	59	80	81
Trong đó:					
Hệ chính quy	25	48	59	80	81
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh TCCN	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

40. Số sinh viên quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây: *Đơn vị: người*

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học	0	0	0	0	0

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	5.668,72	5.668,72	5.668,72	5.668,72	5.668,72
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	278	291	286	257	282
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)	278	291	286	257	282
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m ² /người)	20.3	19.4	19.8	22	20

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
Số lượng (người)	0	0	0	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0	0	0	0	0

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	0	0	0	0	0
2. Học viên tốt nghiệp cao học	0	0	0	0	0
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học	0	0	0	14	15
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	14	15
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp	0	0	0	0	0
Trong đó:					
Hệ chính quy	0	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
6. Khác...	0	0	0	0	0

44. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy của CTĐT:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1. Số lượng người học tốt nghiệp (người).	0	0	0	14	15
2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	0	0	0	58.33%	65,22%
3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:					
A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	71,4	55,54
3.2. Tỷ lệ người học trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	0	0	0	28,6	44,46
3.3. Tỷ lệ người học trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	0	0	0	0	0
4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:	0	0	0	100	93,33
4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).	0	0	0	81,4	73,33
- Sau 6 tháng tốt nghiệp.					
- Sau 12 tháng tốt nghiệp.					
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	0	0	0	18,6	20
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ)	0	0	0	7,1	7,6
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	0	0	0	60	75
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).	0	0	0	32	25
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).	0	0	0	8	0

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh*	1,0	0	0	0	0	0	0
3	Đề tài cấp trường	0,5	0	3	1	0	0	2
4	Tổng		0	1,5	0,5	0	0	2

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 2

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: 0,33

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2020 - 2024	0	0	0

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	7	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	7	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	0	0	0	0	0
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
5	Tổng	5,0	0	0	0	0	0	0

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

49. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	0	0	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	0	0	0

50. Số lượng bài của các đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	0	0	0
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	1	2	2	5	5	15
3	Tạp chí/ tạp san của cấp trường	0,5	0	0	0	3	7	5
	Tổng		1	2	2	6,5	8,5	20

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 20

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,33

51. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế (ISI, Scopus,...)	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí/ tạp san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	0	10	3
Từ 6 đến 10 bài báo	0	0	1
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	10	4

52. Số lượng báo cáo khoa học do đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	0	0	0	0
2	Hội thảo trong nước	0,5	0	0	2	1	1	2,0
3	Hội thảo cấp trường	0,25	1	1	0	1	1	1,0
4	Tổng		0,25	0,25	1	0,75	0,75	3,0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng Giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 3,0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5

53. Số lượng đội ngũ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	0	3	4
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	3	4

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2020 – 2025	0

55. Nghiên cứu khoa học của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	0	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia				

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng m²): 119.875,9

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m²): 119.875,9

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):

Nơi làm việc: 3.325 Nơi học: 9.717 Nơi vui chơi giải trí: 2.400

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

Tổng diện tích phòng học: 9.717

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 92

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có):

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

Dùng cho hệ thống văn phòng: 02

Dùng cho người học học tập: 271

Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,09

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 6

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 16,7

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 66,6

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 81

Tỷ số người học chính quy trên giảng viên: 13,5

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 58,33

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 71,4

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 28,6

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 100%

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 81,4

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 18,6

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 7,1

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 60

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 32

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ

hữu: 0,33

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,33

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,5

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,09

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 4,67

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 20 m²/người

(Ghi chú: Việc hướng dẫn áp dụng quy định từ các văn bản trích dẫn trên đây sẽ được thay đổi khi có văn bản sửa đổi bổ sung hoặc văn bản mới ban hành của cấp có thẩm quyền).

Phụ lục II

CÁC TƯ LIỆU, TÀI LIỆU LIÊN QUAN

- Các quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Ban Thư ký, nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG (kèm theo file hình ảnh)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 72 /QĐ-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 15 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học
chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 25/3/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ quyết định số 134/QĐ-ĐHPT ngày 02/4/2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Phan Thiết;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trường khoa Khoa Quản trị kinh doanh và Trường phòng Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông/bà trưởng các đơn vị liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Võ Khắc Thường

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LOGISTICS VÀ
QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG**

(Kèm theo Quyết định số 42 /QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu
trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Võ Khắc Thường	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	PGS.TS. Đinh Phi Hổ	Phó Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy Trường	Phó Chủ tịch
3	TS. Hoàng Thanh Liêm	Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD)	Phó Chủ tịch
4	ThS. Võ Thị An Nhi	Phó Trưởng Khoa QTKD	Thành viên
5	ThS. Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng - Thanh tra và Pháp chế (KT-ĐBCL-TT&PC)	Thành viên - Thư ký
6	ThS. Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Phó trưởng bộ môn, Khoa QTKD	Thành viên
7	ThS. Lâm Ngọc Diệp	Giảng viên Khoa QTKD	Thành viên
8	ThS. Nguyễn Xuân Viễn	Giảng viên Khoa QTKD	Thành viên
9	TS. Võ Khắc Trường Thi	Trưởng phòng Quản lý đào tạo (QLĐT)	Thành viên
10	ThS. Lê Anh Linh	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)	Thành viên
11	TS. Trần Tinh	Trưởng phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế (QLKH&HTQT)	Thành viên
12	ThS. Nguyễn Như Trường	Trưởng phòng Công tác chính trị sinh viên và Hợp tác doanh nghiệp (CTCTSV&HTDN)	Thành viên
13	Hồ Phạm Minh Thuận	Đại diện Sinh viên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người).



DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban
2	Trần Phúc Ngón	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
4	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thanh Diễm	Trợ lý Khoa QTKD	Thành viên
6	Phạm Thị Thanh Tuyền	Trợ lý Khoa QTKD	Thành viên
7	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
8	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
9	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
10	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
11	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
12	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
13	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
14	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
15	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
16	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
17	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 17 người).



DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 72/QĐ-ĐHPT ngày 15 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1: Phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3			
1	Võ Thị An Nhi	Phó Trưởng Khoa QTKD	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Phó trưởng bộ môn, Khoa QTKD	Thành viên
3	Nguyễn Thị Minh Nga	Phó Trưởng phòng QLĐT	Thành viên
Nhóm 2: Phụ trách tiêu chuẩn 4, 5, 10			
1	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Phó trưởng bộ môn, Khoa QTKD	Nhóm trưởng
2	Lâm Ngọc Diệp	Giảng viên Khoa QTKD	Thành viên
3	Trần Mai Mỹ Hòa	Nhân viên Phòng QLĐT	Thành viên
4	Lương Hoài Trinh	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
5	Trần Phúc Ngón	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Nhóm 3: Phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7, 9			
1	Lâm Ngọc Diệp	Giảng viên Khoa QTKD	Nhóm trưởng
2	Nguyễn Thị Thanh Diễm	Trợ lý Khoa QTKD	Thành viên
3	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
4	Võ Đức Nhân	Nhân viên phòng TC-HC	Thành viên
5	Vũ Thụy Diễm Chi	Phó Trưởng phòng QLKH&HTQT	Thành viên
6	Huỳnh Thị Thanh Hậu	Nhân viên Thư viện	Thành viên
7	Nguyễn Minh Thanh	Nhân viên phòng KH-TC	Thành viên
Nhóm 4: Phụ trách Tiêu chuẩn 8, 11			
1	Nguyễn Xuân Viễn	Giảng viên Khoa QTKD	Nhóm trưởng
2	Phạm Thị Thanh Tuyền	Trợ lý Khoa QTKD	Thành viên
3	Phạm Ngọc Linh Chi	Nhân viên phòng QLĐT	Thành viên
4	Nguyễn Kim Long	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
5	Nguyễn Hữu Hà	Nhân viên phòng CTCTSV&HTDN	Thành viên
6	Trần Minh Quân	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên
Chịu trách nhiệm rà soát toàn bộ nội dung của BCTĐG và viết Phần mở đầu, Phần kết luận của BCTĐG:			
1	Hoàng Thanh Liêm	Trưởng Khoa QTKD	Nhóm trưởng
2	Võ Thị An Nhi	Phó Trưởng Khoa QTKD	Thành viên
Phụ trách kết nối Danh mục Minh chứng, tổng hợp các Phụ lục, theo dõi tiến độ để báo cáo HĐTĐG, lãnh đạo Nhà trường và các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT:			
1	Nguyễn Thị Kiều Vi	Trưởng phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Trưởng Ban Thư ký
2	Nguyễn Thị Kim Quyên	Nhân viên phòng KT-ĐBCL-TT&PC	Thành viên

(Danh sách gồm có 22 người)/.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 122 /KH-ĐHPT

Bình Thuận, ngày 17 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NGÀNH LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

I. Mục đích tự đánh giá

Nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng CTĐT và đề đăng ký KĐCLGD.

II. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của đơn vị thực hiện CTĐT theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong một chu kỳ KĐCLGD.

III. Công cụ tự đánh giá

Công cụ TĐG là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và ĐGN CTĐT; Công văn số 774/QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD; Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng ban hành Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016.

IV. Hội đồng tự đánh giá

1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT trình độ đại học chính quy ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được thành lập theo Quyết định số 72/QĐ-ĐHPT ngày 15/02/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết, Hội đồng gồm có 13 thành viên (Danh sách kèm theo).

2. Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách (Danh sách kèm theo).

3. Phân công thực hiện nhiệm vụ

a) Nhóm thư ký: Phụ trách kết nối giữa Hội đồng Tự đánh giá (TĐG) và các nhóm chuyên trách, tổng hợp các báo cáo và phân danh mục minh chứng các tiêu chuẩn/tiêu chí, tổng hợp các phụ lục, rà soát hình thức báo cáo và các hoạt động hỗ trợ khác phục vụ cho đánh giá ngoài CTĐT.

b) Các nhóm công tác, cá nhân

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn	Nhóm 1		Các

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng	Ghi chú
	1, 2, 3	(Võ Thị An Nhi – Phó trưởng Khoa QTKD – Nhóm trưởng)	- Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng từ tháng 02-06/2025; - Bổ sung minh chứng kết quả khảo sát SV sau tốt nghiệp, bổ sung minh chứng sau góp ý của Hội đồng TĐG từ tháng 06-07/2025.	nhóm chuyên trách đề xuất thêm khi cần.
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10	Nhóm 2 (Nguyễn Thị Thanh Nguyệt – Phó Trưởng bộ môn, Khoa QTKD – Nhóm trưởng)		
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9	Nhóm 3 (Lâm Ngọc Diệp – Giảng viên Khoa QTKD – Nhóm trưởng)		
4	Tiêu chuẩn 8, 11	Nhóm 4 (Nguyễn Xuân Viễn – Giảng viên Khoa QTKD – Nhóm trưởng)		

V. Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá (nếu có)

1. Thời gian: Đã tập huấn ngày 26/11/2024 theo kế hoạch số 650/KH-ĐHPT ngày 21/11/2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Phan Thiết. Hội đồng Tự đánh giá, Phòng KT-ĐBCL-TT&PC sẽ tiếp tục hướng dẫn lại quy trình, biểu mẫu, nghiệp vụ cho các nhóm chuyên trách trong quá trình TĐG theo kế hoạch này.

2. Thành phần: Ban Giám hiệu, các tổ ĐBCL các đơn vị, giảng viên, nhân viên các khoa, phòng, ban của Trường.

3. Nội dung, chương trình tập huấn: Phổ biến các quy định về ĐBCL, KĐCL CSGD và CTĐT; Giới thiệu các nội dung liên quan trên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và KĐCLGD của Bộ GDĐT; Hệ thống ĐBCL bên trong của Trường; Quy trình TĐG CSGD và CTĐT, các biểu mẫu kèm theo; Hướng dẫn thực hiện phân tích tiêu chí, tìm thông tin minh chứng; việc số hóa minh chứng; thảo luận, chia sẻ các đơn vị.

VI. Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, tài chính,...) và thời điểm cần huy động/cung cấp

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	- Phân công nhiệm vụ cụ thể trong nội bộ mỗi nhóm; - Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin minh chứng; - Viết báo cáo TĐG tiêu chí, tiêu chuẩn; - Đóng góp ý kiến chỉnh sửa/cải tiến ngay những nội dung có thể khác	- Nhân lực theo Hội đồng và các nhóm chuyên trách đã thành lập; - Tạo điều kiện về thời gian để các cán bộ được giao nhiệm vụ thực hiện; - Các máy in, máy scan, photo sử dụng tại các đơn vị cần được khắc phục sự cố kịp thời (nếu có) trong quá trình tăng cường sử dụng để chuẩn bị, sắp xếp minh chứng, in các báo cáo,...; - Hệ thống mạng nội bộ, dữ liệu trực tuyến nội bộ cần được khắc phục sự cố kịp	Tháng 02-7/2025 và theo đề xuất của các nhóm chuyên trách, Hội đồng TĐG khi cần.	Các nhóm chuyên trách đề xuất thêm trong quá trình thực hiện nếu cần.
2	Tiêu chuẩn 4, 5, 10				
3	Tiêu chuẩn 6, 7, 9				
4	Tiêu chuẩn 8, 11				

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời điểm cần huy động	Ghi chú
		phục được để bổ sung vào báo cáo TĐG; - Tổng hợp hoàn thiện báo cáo TĐG và chuẩn bị cho đánh giá ngoài.	thời (nếu có) để chia sẻ, lưu trữ minh chứng và tổ chức các hoạt động TĐG trực tuyến; - Kinh phí để đầu tư cải thiện cơ sở vật chất/ các cải tiến khác có thể cải tiến được ngay khi phát hiện sau TĐG (nếu có); - Kinh phí cho Hội đồng, các nhóm thực hiện (theo đề xuất của Hội đồng và chỉ đạo của BGH); - Kinh phí cho các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá ngoài.		

VII. Dự kiến thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu có)

Các nhóm chuyên trách tự xác định và đề xuất thông qua Phòng KT-ĐBCL-TT&PC đối tượng, thời gian thực hiện và các hoạt động hỗ trợ (nếu có).

VIII. Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp Hội đồng triển khai TĐG (nếu có)

Theo chỉ đạo của Hội Đồng trường, Ban Giám hiệu (nếu có).

IX. Lập Bảng danh mục mã minh chứng

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí, phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng (đề riêng ở phần Phụ lục của báo cáo TĐG).

X. Thời gian và nội dung hoạt động

Thời gian	Nội dung hoạt động
Tuần 1 (từ ngày 10/02 đến ngày 15/02/2025)	- Họp BGH và Trường/phó các Khoa thực hiện CTĐT để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng TĐG CTĐT. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG CTĐT. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT đề: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Dự thảo kế hoạch TĐG CTĐT.
Tuần 2 – 3 (từ ngày 17/02 đến ngày 01/03/2025)	- Phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. - Tổ chức hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. - Họp Hội đồng TĐG CTĐT để thông qua: - Bản kế hoạch TĐG CTĐT;

V.A
NG
OC
HIỆ

Thời gian	Nội dung hoạt động
	- Dự thảo đề cương báo cáo TĐG (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của Khoa QTKD); - Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch TĐG.
Tuần 4 – 8 (từ ngày 03/3 đến ngày 05/4/2025)	1. Công bố kế hoạch TĐG đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. 2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được. 5. Phân tích nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.
Tuần 9 – 13 (từ ngày 07/4 đến ngày 10/5/2025)	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).
Tuần 14 – 16 (từ ngày 12/5 đến ngày 31/5/2025)	Hội đồng tự đánh giá CTĐT: - Xem xét báo cáo của từng tiêu chuẩn do các nhóm chuyên trách dự thảo; - Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; - Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; - Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; - Thư ký tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo TĐG CTĐT.
Tuần 17 – 18 (từ ngày 02/6 đến ngày 14/6/2025)	1. Hội đồng TĐG CTĐT xem xét dự thảo báo cáo TĐG và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần). 2. Hội đồng TĐG CTĐT thảo luận với các bộ môn, phòng, ban,... về báo cáo TĐG, xin ý kiến góp ý.
Tuần 19 – 21 (từ ngày 16/6 đến ngày 06/7/2025)	1. Công bố bản dự thảo BCTĐG trong nội bộ Nhà trường và Khoa QTKD. 2. CBGVNV, người học,... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo TĐG. 3. Nhóm chuyên trách cập nhật kết quả khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp 2 khóa đầu tiên sau 1 năm và sau 6 tháng vào Tiêu chuẩn 11 và cơ sở dữ liệu.
Tuần 22 – 23 (từ ngày 07/7 đến ngày 15/7/2025)	1. Hội đồng tự TĐG CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến phản biện (nếu có) và các dữ liệu bổ sung; 2. Hội đồng TĐG CTĐT thông qua báo cáo TĐG lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét phê duyệt.
Tuần 23 – 25 (từ ngày 16/7 đến ngày 31/7/2025)	1. Nhà trường gửi báo cáo TĐG và cộng văn cho Cục QLCL, Bộ GDĐT. 2. P.KT-ĐBCL-TT&PC, Khoa QTKD bảo quản báo cáo TĐG, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã MC đã ghi trong báo cáo TĐG; 3. Theo dõi kết quả phản hồi báo cáo TĐG từ Cục QLCL và đăng ký ĐGN.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Hội đồng TĐG (để thực hiện);
- Khoa QTKD (để thực hiện);
- Các đơn vị trong Trường (để thực hiện);
- Lưu: VT, P.KT-ĐBCL-TT&PC.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Võ Khắc Thường

- Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (kèm theo)/.